

8°
Indoch
58

THƠ
CHỮ HÁN
NGUYỄN TRÃI



VĂN HÓA

8° P
Indoch.
58

[Poèmes en Hán (chinois) de Nguyễn Trãi.
Texts en chinois et et vietnamien.
Traduction en vietnamien donnée par
Phan Võ, Lê Thuê et Đào Phụng Đình.]

THƠ CHỮ HÁN
NGUYỄN TRÃI

80
Indoch.
58



586/290

THE
MUSEUM



THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN TRÁI

PHAN VÕ — LÊ THƯỚC

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

dịch



8° Ya

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

VIỆN VĂN HỌC

1962

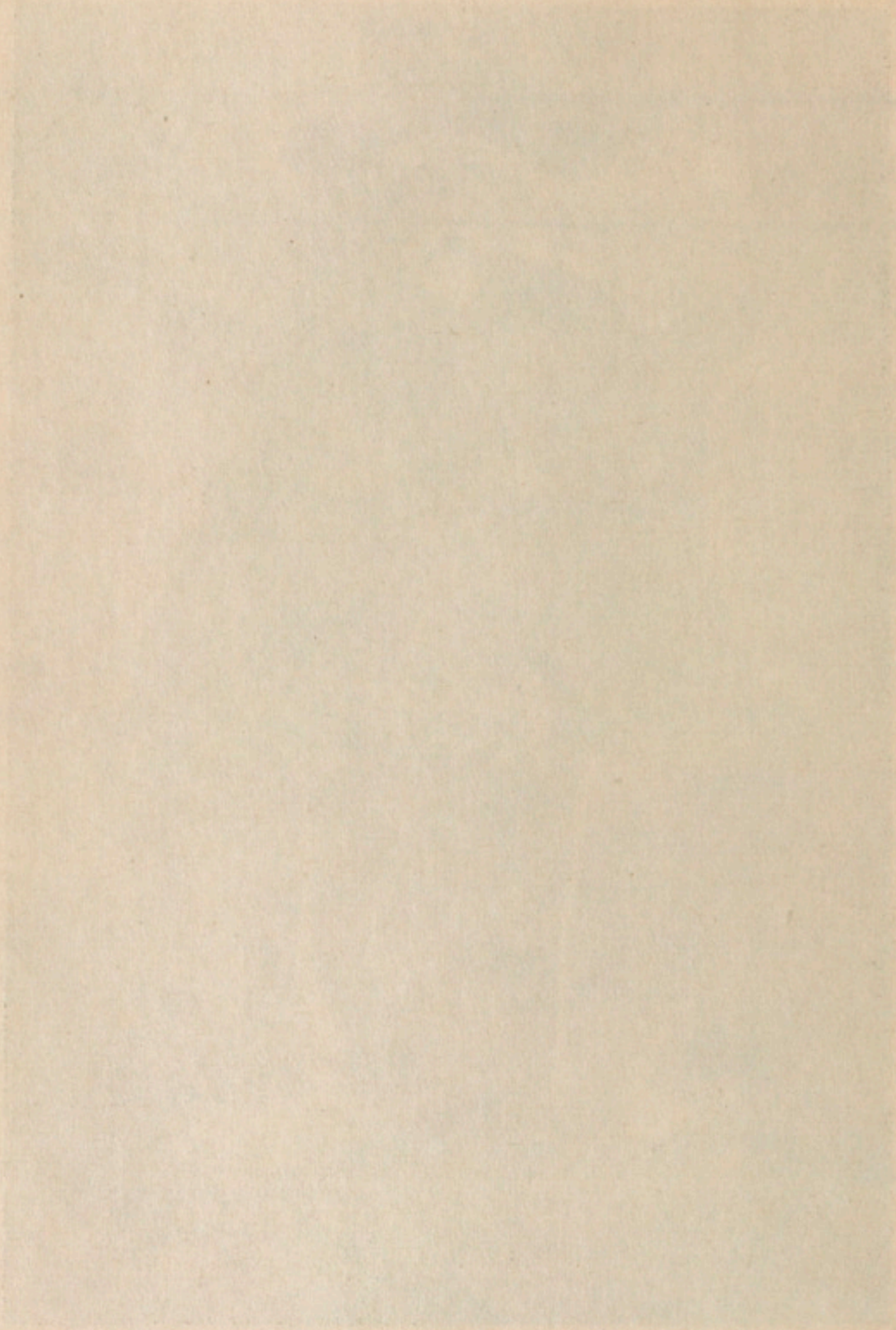
ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	IN LÀ	CHỮA LÀ
5	3	<i>chu di</i>	<i>tru di</i>
12	11		
14	21	<i>cắm chèo</i>	<i>cắm chèo</i>
18	7	GAY ĐÀN	GẤY ĐÀN
20	14	NGAU THÀNH	NGẤU THÀNH
23	18	ĐỀ	ĐỀ
25	11	Đo Lãng	Đỗ Lãng
25	23	Có ảnh chép	có bản chép
40	6,25	NGAU THÀNH	NGẤU THÀNH
53	11	CANH AN	CANH ẮN
69	10	lạ càng cao	lại càng cao
71	20	<i>can bắt tài</i>	<i>cam bắt tài</i>
85	26	HỌA VAN	HỌA VẦN
87	27	An kỹ	Ắn kỹ
100	4	<i>thêm kỹ</i>	<i>thâm kỹ</i>
114	11	NGAU NHIÊN	NGẤU NHIÊN



NGUYỄN TRÃI
(Ảnh chụp bức truyền thần lụa xưa)





LIBRARY
OF THE
MUSEUM OF NATURAL HISTORY

Ng
da
m
m
r
l
qu
ra
r
ch
c
d
h
T
b
l
d
D
B
c
th
k

LỜI NÓI ĐẦU

Cách đây năm trăm hai mươi năm, vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi bị nạn chu di cùng với toàn thể gia đình dưới lưỡi dao của tập đoàn phong kiến nhà Lê.

Nguyễn Trãi không những là một nhà chính trị sáng suốt, một nhà quân sự thiên tài, một nhà ngoại giao lỗi lạc, mà còn là một nhà văn hào đã làm rạng rỡ nền văn học nước nhà.

Sự nghiệp văn học của Nguyễn Trãi đã từng chịu số phận rủi ro như đời sống của ông. Sau khi ông bị giết, thì thơ văn ông, theo lệ phong kiến, đều phải tiêu hủy, không nhà nào được phép tàng trữ. Đương nhiên, có nhiều gia đình vì hâm mộ anh hùng, quý mến thơ văn, đem cất giấu cẩn thận để chờ cơ hội truyền bá ra. Hai mươi lăm năm sau ngày ông chết, khi Lê Thánh tông biết rõ nỗi oan của ông, vua mới khôi phục chức tước cũ, sai tìm con cháu để cất nhắc, đồng thời — và đây là việc làm có ý nghĩa hơn cả — hạ chỉ sưu tầm di cáo thơ văn ông. Trần khắc Kiệm, người được giao nhiệm vụ ấy, phải đợi mất mười hai năm trời mới tập hợp được một số, cho vào bộ sách nhan đề là Ưc trai thi tập, mà Trần đề tựa vào năm 1480.

Nhưng từ đó, trải qua bao biến cố đổi thay triều đại, lửa binh loạn lạc khắp nơi, bộ sách của Trần khắc Kiệm cũng thất lạc nốt.

Chỉ còn lại một số ít thơ của Nguyễn Trãi được Lê quý Đôn đưa vào bộ Toàn Việt thi lục của ông biên soạn dưới thời Trịnh Doanh (1740 — 1767), về sau, học trò giỏi của ông là Bùi huy Bích lại sưu tập vào bộ Hoàng Việt thi tuyển của mình. Ngoài công trình của hai nhà Lê, Bùi ra, ở dưới đời Lê, chúng ta còn thấy có mấy tập nữa có chép thơ Nguyễn Trãi, tập nhiều tập ít khác nhau, tùy theo sở thích của những người biên soạn, ví dụ

như : Tinh tuyển chư gia thi tập, Tân san Việt âm thi tập, Tinh tuyển chư gia luật thi v.v...

Dưới đời Nguyễn, Dương bá Cung, người cùng làng với Nguyễn Trãi, (Nhị-kê), cảm thông sâu sắc với sự nghiệp của vị anh hùng, lại đứng ra, cặm cụi tìm tòi, « đi Bắc về Nam, gặp người nào cũng dò hỏi » ; công việc âm thầm làm trong khoảng mười năm (1823 — 1833) thì tạm hoàn thành, và mãi ba mươi lăm năm sau nữa (1868), bộ Ức trai di tập của Dương bá Cung mới được đem khắc bản và in thành sách. Bao nhiêu tài liệu về thơ văn Nguyễn Trãi chúng ta có được ngày nay đều là nhờ qua công trình quý giá của họ Dương cả.

Dưới thời Pháp thuộc, thơ văn Nguyễn Trãi cũng như toàn bộ sự nghiệp quang vinh của vị anh hùng cứu quốc, cũng không được chú trọng. May mà có Trúc Khê Ngô văn Triện có xuất bản cuốn Nguyễn Trãi (nhà xuất bản Tân Dân, 1941) (tuy có những nhận định chưa được khoa học lắm), và cuốn Ức trai thi văn tập (Nhà xuất bản Lê Cường, 1945) với một số thơ văn dịch không đầy đủ và một tinh thần làm việc chưa thật thận trọng.

Năm 1956, dưới chế độ dân chủ cộng hòa, lần đầu tiên tập Thơ quốc-âm của Nguyễn Trãi được in ra, do các ông Trần văn Giáp và Phạm trọng Diễm phiên âm và chú giải (nhà xuất bản Văn Sử Địa). Tiếp đó, thì có các công trình nghiên cứu, phê bình của Mai Hanh, Nguyễn đồng Chi và Lê trọng Khánh (Nguyễn Trãi, nhà văn học và chính trị thiên tài — Nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1957); của Xuân Diệu (Ba thi hào dân tộc — Nhà xuất bản Văn hóa, 1959). Năm 1960, nhà xuất bản Sử học, Viện Sử học, lại cho ra bản dịch tập Di cư địa chỉ trong Ức trai di tập của Nguyễn Trãi, do Phan duy Tiếp dịch, Hà văn Tấn hiệu đính và chú thích. Rồi đến năm 1961, cũng nhà xuất bản Sử học, xuất bản bản dịch tập Quân trung từ mệnh (Phan duy Tiếp dịch, Phan huy Lê chú thích về lịch sử và địa lý, Đình gia Khánh giới thiệu).

Như vậy, chỉ còn có thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi là chưa được dịch ra một cách đầy đủ và nghiêm túc.

Vấn đề dịch thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi đã được Viện Văn học đặt ra từ năm 1959, và đầu tiên do hai cụ Phan Võ và Lê Thước đảm nhiệm. Đợt đầu dịch được 52 bài thì cụ

Phan Võ bị ốm nặng (và đến đầu năm 1962 thì cụ mất). Việc dịch tiếp được giao cho đồng chí Đào Phương Bình.

Để tiến hành công việc dịch thuật này, chúng tôi đã căn cứ vào bộ Úc trai di tập, bản in của Thư viện Khoa học Trung ương, ký hiệu A — 139.

Đến nay như thế là đã dịch xong toàn bộ thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, gồm cả thảy 105 bài.

Hai cụ Phan Võ và Lê Thước cũng đã dịch xong toàn tập Quân trung từ mệnh và các bài Văn loại khác. Nhưng trong thời gian đó thì nhà xuất bản Sử học lại cũng dịch và đã cho in ra rồi. Vì nhận thấy bản dịch của nhà xuất bản Sử học nói chung cũng đã tốt lắm, nên chúng tôi nghĩ không cần thiết phải in lại những bài đã có trong tập dịch này. Duy có mấy bài văn như Bài phú núi Chí-linh, Văn bia Vĩnh-lăng, Chuyện cũ về cụ Bằng Hồ, không thấy nhà xuất bản Sử học đề vào tập dịch, thì nay chúng tôi đưa vào tập dịch thơ chữ Hán, ở phần « Phụ lục », cho khỏi bỏ sót.

Ngoài ra, cũng xin nói thêm, trong thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, có một số bài nói về phong cảnh Trung-quốc, về nỗi nhớ nhà của người xa cách quê hương hai ba năm, chứng tỏ phải là của một người đã từng sang Trung-quốc. Vậy không biết những bài ấy có phải đúng là của Nguyễn Trãi không? Vì không có sử sách nào chép chuyện Nguyễn Trãi có đi Trung-quốc. Chúng tôi xin phép được đề các bài ấy vào mục « Tồn nghi » để chờ ý kiến của các nhà nghiên cứu.

Trước khi cho xuất bản tập thơ dịch này, chúng tôi đã có nhờ một số cụ túc nho, các nhà nghiên cứu văn học góp ý kiến về những chỗ sai sót hoặc chưa đạt, và chúng tôi đã sửa chữa với một tinh thần thực sự cầu thị và khẩn trương.

Nhưng nhận thấy rằng nội dung thơ Nguyễn Trãi vô cùng phong phú và súc tích, lời thơ của ông không gọt giũa, cầu kỳ, nhưng lại hết sức cô đọng, ít chữ nhiều ý, mà về phần chúng tôi, khả năng thì có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót trong việc dịch thơ văn của một thi hào lỗi lạc như Úc trai.

Mặt khác, năm nay chúng ta kỷ niệm năm trăm hai mươi năm ngày Nguyễn Trãi từ trần, việc xuất bản thơ văn Úc trai

để đáp ứng những đòi hỏi thưởng thức và nghiên cứu của đông đảo công chúng là một việc cần thiết, nhất là khi, như trên đã nói, thơ văn chữ Hán của Nguyễn Trãi chưa hề được dịch đầy đủ và kỹ càng.

Vì những lý do trên, chúng tôi không dám quá cầu toàn, và hôm nay đưa bản dịch ra mắt các bạn đọc, chúng tôi nghĩ rằng trên cơ sở các bạn góp ý xây dựng dần cho và chúng tôi sẽ nghiên cứu tiếp thu sửa chữa, thì công trình nhỏ này chắc sẽ góp được một phần nhỏ trong việc giới thiệu sự nghiệp sáng tác của nhà đại văn hào dân tộc.

Hà-nội, ngày 1 tháng 6 năm 1962

CÁC DỊCH GIẢ

TIỂU SỬ NGUYỄN TRÃI

(1380 — 1442)

Nguyễn Trãi, hiệu Ức Trai, vốn quê làng Chi-ngại, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương, nhưng ông còn có một quê thứ hai là làng Nhị-khé, huyện Thường-tín, tỉnh Hà-đông, nơi Nguyễn Ứng Long, thân sinh ông, đến ở dạy học rồi xin nhập tịch luôn ở đấy.

Ông sinh năm 1380, tại dinh của ông ngoại là quan tư đồ (tể tướng) Trần nguyên Đán, cháu bốn đời Chiêu-minh-vương Trần quang Khải. Nguyễn Ứng Long đã đỗ bằng nhĩn từ năm 1374, nhưng không được nhà Trần bổ dụng, vì lý do con nhà thường dân mà dám lấy con nhà hoàng tộc. Năm 1400, Hồ qui Ly đoạt ngôi nhà Trần, Nguyễn Ứng Long đổi tên là Nguyễn Phi Khanh ra làm quan với nhà Hồ. Cũng năm đó, Nguyễn Trãi thi đỗ thái học sinh (tiến sĩ) và được bổ dụng ngay, cùng cha giúp một triều đình.

Năm 1407, quân Minh xâm chiếm nước ta, Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt, giải về Kim-lăng. Nguyễn Trãi đưa cha đến tận ải Nam-quan, năn nỉ xin theo cha cùng chịu chung số phận, nhưng Nguyễn Phi Khanh khuyên ông trở về lo việc phục thù cho nhà cho nước. Nguyễn Trãi nghe theo, nhưng trên đường về lại bị quân Minh bắt; chúng đưa ông về Đông-quan (Hà-nội). Trương Phụ biết ông có tài, tìm cách mua chuộc dụ dỗ không được, định giết. May nhờ có Hoàng Phúc can ngăn, ông mới được tha khỏi chết mà vẫn bị giam lỏng ở Đông-quan. Mãi khi nghe Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam-sơn, ông mới trốn tìm vào dâng sách lược bình Ngô và được Lê Lợi trọng dụng.

Từ đó, Nguyễn Trãi luôn luôn ở bên mình Lê Lợi, bày mưu lập kế, tự tay thảo văn thư từ lệnh, nhiều bức thư dụ giặc của ông có tác dụng tiết kiệm xương máu cho hàng nghìn hàng vạn quân lính.

Cuộc kháng chiến cứu nước kết thúc thắng lợi, Nguyễn Trãi lại dốc cả tâm huyết vào việc giúp vua Lê Thái Tông (Lê Lợi) xây dựng đất nước. Nhiều chính sách mới, được ông đề ra và được vua cho thi hành, đã mang lại kết quả tốt về nhiều mặt cho xã hội, cho đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân. Cơ sở đạo lý để ông đề ra những cải cách mới, là cơ sở nhân nghĩa, là lòng ưu ái sáng ngời của ông, luôn luôn vì nước vì dân, « lo trước và vui sau thiên hạ ». Vì thế mà trải hai triều Thái-tổ, Thái-tông, mặc dù ông làm đến Hàn lâm thừa chỉ, Lại bộ thượng thư, nhập nội hành khiển, kiêm quản khu mật viện, gián nghị đại phu, đồng kiêm tam quán sự, được phép lấy họ vua làm họ mình, v.v... nhưng nhà ông vẫn nghèo.

Thập tải độc thư bần đảo cốt,

Bàn vô mục túc, tọa vô chiên.

(Độc sách mười năm, nghèo tận xương,

Mâm không rau muống, ngồi không đệm).

Tiếng là được vua tin dùng, nhưng thật tình sống trong triều đình, Nguyễn Trãi đã như sống trên đồng lửa. Hòa bình lập lại, những tư tưởng cầu an, hưởng lạc, danh vị, tham ô, nầy nở ở hầu khắp các bộn công thần, ai nấy đều kèn cựa, mưu hại lẫn nhau để thăng quan tiến chức, vơ vét tiền của của nhân dân. Chỉ riêng mỗi một lòng cương trực và thanh khiết của mình cũng đủ làm cho ông trở thành cái đinh đóng vào mắt chúng cần phải nhổ sớm chừng nào hay chừng ấy và bất luận bằng thủ đoạn nào. Mặt khác, ngay từ khi Lê Lợi mới lên ngôi vua, bên cạnh những chính sách mới, tiên bộ mà vua đã thi hành, vua vẫn tỏ ra hay nghi kỵ công thần, đến mức giết hại những người đã có công lớn nhất với mình với nước. Hữu tướng quốc Trần nguyên Hãn, chỉ vì là dòng dõi nhà Trần, bị giết chết năm 1429. Thái úy Phạm văn Xảo, chỉ vì là người Kinh lộ, bị giết chết năm 1430. Tinh mạng Nguyễn Trãi nhiều lần cũng bị đe dọa. Đến khi Lê Lợi chết, Lê Nguyên Long (Thái-tông) lên nối ngôi, thì việc giết hại bề tôi càng ghê gớm hơn nữa; và những mâu thuẫn

giữa Nguyễn Trãi và bọn quyền thần siểm nịnh, thậm chí giữa Nguyễn Trãi và Lê Thái-tông, lại càng trở nên gay gắt hơn. Riêng một việc tên hôn quân vô đạo ấy, đi yêu người vợ hầu của Nguyễn Trãi là Nguyễn thị Lộ, đưa vào cung phong cho chức Lễ nghi nữ học sĩ và gây thù oán với bọn hoàng phi, những vợ của y, việc đó không khỏi ảnh hưởng đến tư tưởng của vị nguyên huân trong hàng ngũ khai quốc công thần là Nguyễn Trãi. Nhà trí thức yêu nước vĩ đại của chúng ta phải sống trong tình trạng vừa muốn đem hết tâm lực ra phò nước giúp dân, lại vừa nơm nớp lo sợ cho an ninh, cho cả tính mạng mình. Sự dằng co thường xuyên và dữ dội giữa hai quan niệm xử thế của người trượng phu phong kiến: « xuất » hay « xử », « hành » hay « chỉ », nghĩa là ra làm quan hay về ở ẩn, đó là cái bi kịch đau xót của Nguyễn Trãi. Bi kịch đó kéo dài mười hai năm, đến năm 1440, ông kiên quyết xin nghỉ việc về Côn-sơn, nơi ông ngoại của ông là tư đồ Trần nguyên Đán trước kia có một sở nhà dưỡng lão (Thanh hư động).

Nhưng không được bao lâu, Lê Thái-tông lại mời ông ra, trao cho chức tước mới, quyền binh lớn, nhưng lúc ban đầu, để tỏ ra chưa muốn phiền ông nhiều, nên tạm giao cho ông phụ trách việc quân dân bạ tịch hai đạo Đông Bắc, để ông có điều kiện cư ở lại Côn-sơn. Bài biểu tạ ơn của Nguyễn Trãi cho ta thấy trong lòng ông lại lóe ra tia hy vọng có thể mang tài đức ra giúp nước cứu dân.

« Thương thân như ngựa đến tuổi già, còn kham giọng ruồi ;
Cho thân như thông qua năm rét, càng dạn tuyết sương.
Quần ngôn mặc kệ gièm pha ;
Thành ý cứ bền tin nhiệm... » v.v...

Ông trong trắng quá, thanh cao quá, và yêu dân yêu nước quá, đâu có ngờ được chính chuyển ra làm quan lần này sẽ đưa mình đến cái kết quả thảm khốc không lường !

Tháng 8 năm 1442, Lê Thái-tông đi đông tuần, đến xem duyệt võ tại thành Chí-linh, không cách nơi Nguyễn Trãi ở bao xa. Nguyễn Trãi lấy nghĩa vua tôi, mời Thái-tông về nhà chơi. Lúc này, Nguyễn thị Lộ, người vợ lẽ của ông làm việc trong hoàng cung, cũng trở về Côn-sơn để cùng chồng chuẩn bị đón tiếp vua. Thăm Côn-sơn xong, khi trở về Hà-nội, Thái-tông đem

cả Thị Lộ theo hầu: Đến Trại Vải (Lê chi viên) vua ghé lại nghỉ một đêm ở đó. Đầu hôm vua lên cơn sốt rét. Nguyễn thị Lộ phải chầu chực cả đêm. Đến gần sáng thì bỗng nhiên vua chết. Các quan hộ giá bí mật đưa xác vua về Hà-nội, đến nơi mới loan báo tin dữ cho triều đình và nhân dân biết. Trước cái chết lạ lùng của Lê Thái-tông mới mười chín tuổi, bên cạnh Nguyễn thị Lộ, sau khi ghé thăm Nguyễn Trãi ở Côn-sơn về, bọn quyền thần, cũng như bọn hoàng phi, liền dựng đứng việc Nguyễn Trãi sai Thị Lộ đầu độc vua.

Ngày 19 tháng chín năm 1442, Nguyễn Trãi, Nguyễn thị Lộ và con cháu ông đều bị chu di.

Hai mươi lăm năm sau, Lê Thánh-tông, con của Lê Thái-tông, nhận định về Nguyễn Trãi sẽ nói:

« Ưc trai tâm thượng quang Khuê tảo »,
nghĩa là lòng Ưc trai sáng rực như sao Khuê, chứng tỏ cũng đã hiểu thấu con người thanh khiết có một không hai Nguyễn Trãi (1).

(1) Về sự nghiệp văn học của Nguyễn Trãi, xin xem bài « Lời nói đầu ».

THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN TRÃI

1 — DU SƠN TỰ

Đoản trạo hệ tà dương,
Thông thông yết thượng phương.
Vân qui thiên tháp lãnh,
Hoa lạc giản lưu hương.
Nhật mộ viên thanh cấp,
Sơn không trúc ảnh trường.
Cá trung chân hữu ý,
Dục ngữ hốt hoàn vương.

DỊCH NGHĨA

ĐI CHƠI CHÙA TRÊN NÚI

*Mái chèo ngấn buộc (trong) bóng mặt trời chênh chéch (1),
Xăm xăm lên thăm cảnh bụt.
Mây về, giương nhà sư lạnh,
Hoa rụng dòng nước khe thơm.
Trời chiều tiếng vượn kêu dồn dập,
Núi quang, bóng tre rủ dài.
Trong đây, có bao tình ý,
Muốn nói, bỗng lại quên.*

DỊCH THƠ

Mái chèo buộc bóng dương tà,
Xăm xăm tìm nẻo Phật tòa lên ngay.

Giương thiên mát lạnh trong mây,
Hoa rơi dòng suối hương bay ngạt ngào.
Trời chiều rộn tiếng vượn gào,
Rừng quang, bóng trúc nao nao rủ dài.
Có nhiều tình ý trong đây,
Muốn đem lời nói phò bày lại quên.

CHÚ THÍCH

(1) Câu thơ này có ý kiến dịch là: *Trong lúc xế chiều buộc mái chèo ngắn (tức chiếc thuyền con).*

2 — GIANG HÀNH

Tây tân sơ nghĩ trạo,
Phong cảnh tiện giang hồ.
Vũ quá sơn dung sấu,
Thiên trường nhận ảnh cô.
Thương lương (1) hà xứ thị.
Ngư điệu hảo vi đồ.
Hồi thủ Đông-hoa địa, (2)
Trần ai giác dĩ vô.

DỊCH NGHĨA

ĐI TRÊN SÔNG

Mới bắt đầu cắm chèo ở bên Tây,
Phong cảnh liền đã có vẻ giang hồ.
Mưa xong, dáng núi gầy đi,
Trời cao, bóng nhận lẻ loi.
Sông Thương-lương ở nơi nào đây?
Làm bạn với ông chài chù câu cũng tốt.
Ngoảnh lại đất cửa Đông-hoa,
Cảm thấy cát bụi không có nữa.

CHÚ THÍCH

(1) *Thương-lương*: là sông nhánh của sông Hán-giang (Trung-quốc). Câu này lấy từ ở bài Ngư-phủ của Khuất Nguyên để nói lên cái cảnh ngộ của mình cũng có những điều bất đắc chí.

(2) Là cửa các quan đi chầu qua lại.

3 — THÍNH VŨ

Tịch mịch u trai lý,
Chung tiêu thính vũ thanh.
Tiêu tao kinh khách chậm,
Điểm trích sổ tàn canh.
Cách trúc xao song mật,
Hòa chung nhập mộng thanh.
Ngâm dư hồn bất mị,
Đoạn tục đảo thiên minh.

DỊCH NGHĨA

NGHE MƯA

*Vắng vẻ trong thư phòng,
Thâu đêm nghe tiếng mưa.
(Mưa) lạnh lùng, gỏi khách kinh sợ,
(Mưa) điểm từng giọt như đếm canh tàn.
(Mưa) xuyên qua khóm trúc mà gõ vào cửa sổ dày nhất,
(Mưa) hòa lẫn với tiếng chuông chùa mà đi vào giấc mơ
trong trẻo.
Sau khi ngâm thơ xong vẫn không ngủ được chút nào,
(Tiếng mưa) dứt rồi lại nổi cho mãi đến sáng ngày.*

4 — TẶNG HỮU NHÂN

Bần bệnh dư liên nữ,
Sơ cuồng nữ tự dư.
Đồng vi thiên lý khách,
Câu độc sổ hàng thư.
Hộ lạc (1) tri hà dụng,
Thê tri (2) lượng hữu dư.
Tha niên Nhị-kê ước,
Đoản lập hạ xuân sừ.

DỊCH NGHĨA

TẶNG NGƯỜI BẠN

*Nghèo và bệnh tôi thương anh,
Ngông cuồng anh giống tôi.*

Cùng là khách nghìn dặm,
Cùng là người biết đọc mấy hàng chữ sách.
Tự biết mình trống rỗng, không dùng được việc gì,
Nhưng chỗ nung nấu thực còn chán nơi.
Năm nào đây ước hẹn với đất Nhị-khê,
Đội nón lá, vác chiếc bira xuân.

DỊCH THƠ

Tôi thương anh nghèo bệnh,
Anh giống tôi nông cuồng.
Đều là khách nghìn dặm,
Cùng đọc sách vài hàng
Trống rỗng đánh vô dụng,
Nấu nung hẳn dễ dàng.
Nhị-khê từng ước hẹn,
Cày cuốc nón lơ xoàng.

CHÚ THÍCH

(1) *Hộ lạc*: sách Trang tử nói: trái bầu quả to, rỗng tuếch, không dùng được gì. Ý nói mình đối với đời đã thành kẻ vô dụng.

(2) *Thê trì*: nung nấu. Kinh Thi: *Hành môn chi hạ khả dĩ thê trì* (ở dưới cửa nhà tranh cũng có thể nung nấu). Chỉ nơi ăn dật.

5 — DỤC THÚY SƠN

Hải khẩu hữu tiên san,
Niên tiền lữ vãng hoàn.
Liên hoa phù thủy thượng,
Tiên cảnh trụ nhân gian.
Tháp ảnh trâm thanh ngọc,
Ba quang kính thúy hoàn.
Hữu hoài Trương thiếu-bảo,
Bi khắc tiền hoa ban,

DỊCH NGHĨA

NUI DỤC - THÚY (1)

Cửa biển có núi tiên,
Năm xưa thường đi về
Hoa sen nổi trên mặt nước,
Cảnh tiên sa xuống trần gian.
Bóng tháp (cái) cái trâm ngọc xanh,
Ánh sáng của làn sóng soi mái tóc màu thúy.
Lòng nhớ quan thiếu-bảo họ Trương (2),
(Khi thấy) bia khắc đã nở hoa rêu lốm đốm.

DỊCH THƠ

Hòn non tiên hiện bên cửa biển,
Nhớ năm xưa bao chuyến đi về.
Sen vàng mặt nước đậm huê,
Cỏi tiên sa xuống chẳng nề nhân gian,
Bóng tháp cái tựa viên thanh ngọc,
Ánh nước soi in tóc làn mây.
Nhớ Trương thiếu-bảo xưa đây,
Nét bia khắc đã phủ đầy rêu xanh.

NGUYỄN CHÚ

Núi tại xã Chinh-dại, An-khánh, lại có tên là Thủy sơn (Núi Nước). Trương Hán Siêu đời gọi là núi Dục-thúy, cuối đời ông đến ở tại đây, từng có thơ khắc vào đá.

CHÚ THÍCH

(1) Núi Dục-thúy (tức chùa Non nước) ở tỉnh Ninh-bình, nơi phong cảnh đẹp nổi tiếng.

(2) Thiếu-bảo họ Trương: Trương Hán Siêu người đời Trần làm quan đến chức Thiếu-bảo.

6 — ĐỀ BÁ NHA CỎ CẦM ĐÀN

Chung kỳ bất tác chú kim nan, (1)
Độc bão giao cầm đối nguyệt đàn.
Tĩnh dạ bích tiêu lương tự thủy,
Nhất thanh hạc lệ cửu cao hàn. (2)

DỊCH NGHĨA

ĐỀ BỨC TRANH BÁ NHA GÂY ĐÀN

*Chung kỳ không sống lại, đúc tượng vàng cũng khó,
Một mình ôm đàn ngọc đối mặt trăng mà gảy.
Đêm thanh trời biếc mát như nước,
Một tiếng hạc kêu, nơi chín chằm lạnh lùng*

DỊCH THƠ

Chung kỳ khôn đúc tượng vàng,
Nhìn trăng luống những ôm đàn gảy chơi.
Đêm thanh mát lạnh bầu trời,
Hạc kêu lạnh lạnh lạnh nơi chín chằm.

NGUYÊN CHÚ

Tập thơ Toàn Đường trong bài thơ của Đường Tăng có câu: « An năng đắc hoàng kim, chú tác Chung Tử Kỳ » (Ước gì được vàng ròng, đúc tượng Chu Tử Kỳ).

CHÚ THÍCH

(1) Bá Nha gảy đàn cầm, vừa gặp Chung Tử Kỳ. Khi Bá Nha trông lên núi mà gảy đàn, Chung Kỳ nói: Chỉ ông ở nơi núi cao; khi trông xuống khe mà gảy đàn, Chung Kỳ nói: Chỉ ông ở nơi nước chảy.— Sau Chung Kỳ chết, Bá Nha đập nát đàn không gảy nữa, vì không có bạn tri âm.

(2) Kinh Thi có câu: Hạc minh vu cửu cao (Hạc kêu ở nơi chín chằm).

7 — MỘNG SƠN TRUNG

Thanh-hư động (1) lý trúc thiên can.
Phi bộc phi phi lạc kính hàn.
Tạc dạ nguyệt minh thiên tự thủy,
Mộng kỳ hoàng hạc thương tiên đàn.

DỊCH NGHĨA

MƠ MỘNG CẢNH TRONG NÚI

*Trong động Thanh-hư có nghìn cần trúc,
Thác bay phơi phới, rơi xuống tắm gương và mát lạnh.
Đêm hôm qua, trăng sáng trời như nước,
Mơ thấy cỡi hạc vàng bay lên đàn tiên.*

CHÚ THÍCH

(1) Động Thanh-hư ở núi Côn-sơn.

8 — ĐỀ VÂN OA

Bán liêm hoa ảnh mãn sàng thư,
Đình ngoại tiêu tiêu thủy trúc cư.
Tận nhật vân oa vô cá sự,
Hắc điềm nhất chăm bán song hư.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ VÂN OA

*Bóng hoa nửa rèm, sách đầy giường
Ngoài sân xào xạc nhà lá thủy trúc (1)
Suốt ngày ở vân oa không có lấy một việc (2)
Một giấc say sưa, nửa cửa sổ trống trải. (3)*

DỊCH THƠ

Nửa rèm hoa phủ giường đầy sách,
Xào xạc ngoài sân gió trúc đưa.
Nhà chốn hang mây ngày rảnh việc,
Sổ buông nửa cánh, giấc say sưa.

CHÚ THÍCH

(1) Câu này có ý kiến dịch: *Ngoài sân gió thổi xào xạc vào đám tre bên cạnh nước.*

(2) *Vân oa*: Nghĩa chính là *hang mây* tức là nhà ở của ẩn sĩ ở trong núi.

(3) Câu này có ý kiến dịch: « *Một chiếc gối ngủ say, nửa cửa sổ trống trải* ».

9 — NGẪU THÀNH

Thế thượng hoàng lương nhất mộng dư,
Giác lai vạn sự tổng thành hư.
Như kim chỉ ái sơn trung trú,
Kết ốc hoa biên độc phụ thư.

DỊCH NGHĨA

NGAU THÀNH (1)

*Trên đời sau giấc mộng hoàng lương, (2)
Tỉnh dậy thấy mọi việc đều hư không cả.
Nay ta chỉ thích ở trong núi,
Làm nhà bên hoa, đọc sách của cha (để lại).*

DỊCH THƠ

Giấc mộng hoàng lương chợt tỉnh ra,
Mới hay muôn việc thấy không mà.
Nay ta chỉ thích nằm trong núi,
Nhà dựng bên hoa, đọc sách cha.

CHÚ THÍCH

(1) *Ngẫu thành*: Ngẫu nhiên thành thơ.

(2) *Hoàng lương*: Sách « *Châm trung Ký* » chép: Đời Đường có anh Lư sinh một hôm gặp Lã đạo sĩ ở quán Hàm-đan, than mình lận đận. Đạo sĩ cho anh ta mượn cái gối nằm ngủ, mơ thấy mình lấy vợ đẹp, làm quan to, vinh hoa hơn 50 năm. Lúc tỉnh dậy thì chủ quán nấu nồi kê (hoàng lương) chưa chín.

10 — TRẠI ĐẦU XUÂN ĐỘ

Độ đầu xuân thảo lục như yên,
Xuân vũ thêm lai nguyệt phách thiên.
Dã kính hoang lương hành khách thiếu,
Cô chu trấn nhật các sa miên.

DỊCH NGHĨA

BẾN XUÂN ĐẦU TRẠI

*Cỏ xuân ở đầu bến xanh như khói,
Lại thêm mưa xuân, trăng vộ vào nền trời
Đường đồng vắng lạnh người đi ít,
Con thuyền đơn chiếc ghéch mình lên bãi cát ngủ suốt
ngày.*

DỊCH THƠ

Cỏ xuân đầu bến xanh như khói,
Chan chứa mưa xuân nguyệt vộ trời.
Đường nội hoang vu hành khách ít,
Thuyền kê bãi cát suốt ngày ngơi.

11 — MỘ XUÂN TỨC SỰ

Nhàn trung tận nhật bế thư trai,
Môn ngoại toàn vô tục khách lai.
Đỗ vũ thanh trung xuân hương lão, (1)
Nhất đình sơ vũ luyện hoa khai.

DỊCH NGHĨA

CUỐI XUÂN TỨC SỰ

*Trong khi nhàn, trọn ngày đóng cửa phòng sách.
Ngoài cửa không có một người khách tục nào đến.
Trong tiếng cuốc kêu, xuân sắp già,
Đầy sân mưa lác đác (giữa lúc) hoa xoan đang nở.*

NGUYỄN CHÚ

Sách Nhĩ nhĩ nói: xoan nở hoa vào tháng ba, mùi hương đầy sân.

DỊCH NGHĨA

BUỔI CHIỀU ĐỨNG TRÔNG

*Trời dài vắng lặng, nước trôi man mác,
Núi sông cây vàng lá rụng thuộc về quang cảnh cuối thu.
Thèm thay đôi chim trắng bên hoa,
Cái lụy nhân gian không đến được bến nước trong xanh.*

DỊCH THƠ

Trời rộng mênh mông nước chảy dài.
Non sông xơ xác cuối thu rồi.
Bên hoa sương nhĩ đôi chim trắng,
Bến nước không vương chút lụy đời.

14 — ĐỀ SƠN ĐIỀU HỒ NHÂN ĐỒ

Thâm sơn tịch tịch điều hồ nhân,
Họa lý khan lai diệp bức chân.
Nhân quải ngộ song triều thoái nhật,
Mộng hồi nghi thị cố viên xuân.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ BỨC TRANH «CHIM NÚI GỌI NGƯỜI»

*Rừng sâu vắng vẻ, con chim gọi người,
Trong bức vẽ mà xem ra cũng hết.
Thảnh thơi treo trên cửa sổ buổi trưa khi lui triều,
Chiêm bao về, ngỡ là cảnh xuân nơi vườn cũ.*

DỊCH THƠ

Non sông chim hót gọi người,
Thiên nhiên nét bút tuyệt vời như in.
Châu về, cửa sổ nom lên,
Trong mơ ngỡ đấy vườn xuân quê nhà.

15 — ĐỀ ĐÔNG-SƠN TỰ

Quân thân nhất niệm cứu oanh hoai,
Giản qui lâm tâm tức nguyện quai.
Tam thập dư niên trần cảnh mộng,
Sở thanh đề điều hoán sơ hồi.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ CHÙA ĐÔNG-SƠN

*Một niềm quân thân vướng vít mãi trong lòng,
(Đề đến nỗi) suối bể bàng, rừng hồ thẹn vì nguyên xưa
(của ta) đã lỗi.
Giác mộng ở cõi trần đã hơn ba mươi năm,
Vài tiếng chim kêu mới gọi tỉnh lại.*

NGUYÊN CHÚ

*Chùa ở xã Vĩnh-lũ, huyện Đông-triều, ở đây còn có chùa Hàm-long.
Sách An-nam chí nói: núi Khê-thủy cũng ở xã ấy, có chùa Linh-lộc và
quán Ngọc-thanh, dưới có ao Tích-lich bốn mùa không cạn.*

16 — KÝ HỮU

Loạn hậu thân bằng lạc điệp không,
Thiên biên thư tín đoạn thu hồng.
Cổ viên qui mộng tam canh vũ,
Lữ xá ngâm hoài tứ bích trùng.
Đỗ lão hà tăng vong Vị-bắc, (1)
Quản Ninh do tự khách Liêu-đông. (2)
Thành trung cố cự như tương vấn,
Vị đạo thiên nhai nhậm chuyển bông. (3)

DỊCH NGHĨA

GỬI NGƯỜI BẠN

*Sau thời loạn, bạn thân như là rụng sạch,
Thư tín bên trời đứt cánh hồng mùa thu.
Giác mộng về vườn cũ, trong trận mưa ba canh;
Lòng thơ nơi quán trọ, lúc dễ kêu bốn vách.*

*Đỗ lão bao giờ lại quên Vị-bắc,
Quản Ninh còn phải làm khách Liêu-dông.
Người bạn cũ trong thành nếu hỏi đến,
Nhờ nói (tôi nay) ở ngoài phương trời như cỏ bồng tha
hồ xoay chuyển.*

DỊCH THƠ

Loạn rồi, bạn tựa lá rơi,
Tin hồng ngóng mãi bèn trời vắng tanh.
Đêm mưa, mơ mộng quê mình,
Để kêu bốn vách thi tình liên miên.
Đo Lãng Vị-bắc nào quên,
Quản Ninh còn trọ ở miền Liêu-dông.
Nhấn cùng bạn cũ thành trung,
Rằng: tôi vẫn sống bình bồng bấy nay.

CHÚ THÍCH

(1) *Đỗ lão* tức *Đỗ Phủ*, cũng gọi là *Đỗ Thiếu Lăng*, nhà thơ đời Đường, trong bài thơ nhớ Lý Thái Bạch có câu: *Vị-bắc xuân thiên thụ, Giang-dông nhật mộ vân* (cây mùa xuân ở Vị-bắc, mây buổi chiều ở Giang-dông).

(2) *Quản Ninh*: Người đất Chu-hư đời Tam quốc, di tránh loạn, ở ẩn tại đất Liêu-dông ba mươi bảy năm. Sau vua Ngụy Văn đế triệu ra làm quan, Quản Ninh cố từ không chịu đến.

3) Hai câu cuối bài này có ảnh chếp:

*« Việt trung cố cựu như tương vấn,
Vị đạo sinh nhai tự chuyển bồng ».*

Vì hai chữ « Việt trung » ở câu 7 có ý nghĩa như lời thơ của một người nào đi ra nước ngoài gửi về cho bạn ở trong nước, nên có ý kiến muốn xếp bài này vào trong số các bài thơ « tồn nghi » ở sau.

17 — ĐỒ TRUNG KÝ THAO - GIANG HÀ THỨ SỬ, TRÌNH THIÊM HIẾN

Thao-giang nhất biệt ý du du,
Bồi tửu luận văn ức cựu du.
Đông ngạn mai hoa tình ánh lẫm.
Bình than nguyệt sắc viễn tùy chu.

Trình công thể thượng vô song sĩ,
Hà lão triều trung đệ nhất lưu.
Linh các (1) tướng ưng thanh thoại xứ,
Thiên nhai khảng niệm cố nhân phầu?

DỊCH NGHĨA

TRÊN ĐƯỜNG GỬI QUAN THỨ SỬ HỌ HÀ VÀ
QUAN THIÊM HIỂN HỌ TRÌNH Ở THAO-GIANG

*Từ biệt nhau ở Thao-giang lòng (càng) man mác,
Nâng chén rượu, bàn câu văn, nhớ cái thú chơi cũ.
Hoa mai Đông-ngạn, trời tạnh ánh vào chèo thuyền,
Sắc trắng Bình-than, xa xa chạy theo con đò.
Trình công là kẻ sĩ vô song ở trên đời;
Hà lão là con người bậc nhất ở trong triều.
Linh các ắt hẳn là nơi chuyện trò thanh nhã,
Bên trời còn nhớ đến bạn cũ nữa không?*

CHÚ THÍCH

(1) *Linh các*: Chỗ doanh thự làm việc của tướng soái hoặc của các quan thời xưa.

18 — VÂN - ĐỒN

Lộ nhập Vân-đồn san phục san,
Thiên khôi địa thiết phó kỳ quan.
Nhất bàn lam bích trừng minh kính,
Vạn học nha thanh đọa thúy hoàn.
Vũ trụ đốn thanh trần hải nhạc,
Phong ba bất động thiết tâm can.
Vọng trung ngạn thảo thê thê lục,
Đạo thị phiên nhân trú bạc loan.

DỊCH NGHĨA

NÚI VÂN - ĐỒN

*Đường Vân-đồn, núi lại núi,
Trời bày đất đặt, nên áng kỳ quan.
Một mâm lam bích (nước), lẳng tấm gương trong,
Muôn học đen xanh, (núi) bỏ xõa mái tóc màu thúy.*

Vũ trụ bỗng rửa sạch núi biển bụi bặm,
Sóng gió không lay động tấm lòng gang thép.
Trong tầm mắt, bờ sông bên kia cỏ xanh rườm rà,
Nghe nói đây là bến tàu có thuyền ngoại quốc đậu.

DỊCH THƠ

Vân-dồn rừng núi chập chồng,
Đất trời bày đặt một vùng kỳ quan,
Gương trong lam biếc một bản,
Đen xanh muôn học xòa làn tóc mây.
Nước non chẳng chút bụi bay,
Gan bền sóng vỗ gió lay chẳng dời.
Bến kia thấy cỏ xanh tươi,
Rằng thuyền ngoại quốc đậu nơi vũng này.

NGUYỄN CHÚ

Núi Vân-dồn ở Quảng-yên. Sách An-nam chí chép: Vân-dồn tức là núi Đoạn-sơn ở huyện Vân-dồn. Ở đây có hai quả núi đứng đối nhau, khoảng giữa có một dòng nước chảy suốt. Tại đó người ta lấy gỗ cắm cừ làm « thủy môn », hai bên bờ có dân ở. Đời Lý có các nước Qua-oa, Xiêm-la chở thuyền đến buôn bán ở đó.

19 — BẠCH ĐẰNG HẢI KHẨU (1)

Sóc phong xuy hải khí lăng lăng,
Khinh khởi ngâm phạm quá Bạch-đăng.
Ngạc đoạn kinh khoa sơn khúc khúc,
Qua trầm kích chiết ngạn tầng tầng.
Quan hà bách nhị do thiên thiết, (2)
Hào kiệt công danh thử địa tầng.
Vãng sự hồi đầu ta dĩ hĩ,
Lâm lưu phủ cảnh ý nan thăng.

DỊCH NGHĨA

CỬA BỀ BẠCH ĐẰNG

*Gió Bắc thổi mặt bể, thế lên cuộn cuộn.
Gương cánh buồm thơ nhẹ nhẹ (lướt) qua sông Bạch-đăng.*

Như cá sấu bị chặt, như cá kình bị phanh, núi uốn
quanh co,
Như cây giáo chìm, như chiếc kích gãy, bờ xây lởm
chớm.

Thế hiểm của quan hà do trời bày đặt,
Công danh của hào kiệt từng ở đất này.
Việc trước ngoảnh lại ôi đã qua rồi,
Đứng trên dòng sông ngắm cảnh, nỗi lòng bao xiết!

DỊCH THƠ

Biển rung gió bắc thế bưng bưng,
Nhẹ cát buồm thơ lướt Bạch-dăng.
Kình ngạc bắm vằm non mấy khúc.
Giáo gươm chim gãy bãi bao tầng.
Quan hà hiểm yếu trời kia đặt,
Hào kiệt công danh đất ấy từng.
Việc trước quay đầu ôi đã vắng,
Tời dòng ngắm cảnh dạ bàng khuâng⁽³⁾

NGUYỄN CHÚ

Cửa biển Bạch-dăng ở huyện Thủy-dương là nơi danh thắng núi sông vào bậc nhất. Sông Bạch-dăng thuộc địa phận ba huyện Hoa-phong, Yên-hưng, Hoàn-bồ, bên tả sông sóng nước cuộn lên ngút trời, núi non đứng sừng sững; phía đông cửa biển là đất Khâm-châu lĩnh Quảng-dông, cách vài trăm dặm đến núi Phán-mao. Về thời nhà Trần, quân Nguyên sang xâm lược, Hưng đạo vương cho cắm cọc ở đây, đánh bắt được tướng Nguyên là Toa Đô.

CHÚ THÍCH

(1) Cửa bể Bạch-dăng nay thuộc về Quảng-yên, khu Hồng Quảng, là nơi danh thắng thứ nhất. Năm 938 Ngô Quyền phá quân Nam Hán, năm 1288 Trần Hưng Đạo phá quân Nguyên đều ở đó.

(2) Bách nhị: địa thế nước Tần Trung-quốc rất hiểm yếu, cứ hai người có thể chống nổi trăm người nên gọi là « bách nhị ».

(3) Bài dịch thơ này của cụ Nguyễn đình Hồ huyện Trực-ninh, Nam-định.

20 — QUÁ HẢI

Bát tận nhàn sâu độc ý bông,
Thủy quang diều diều tứ hà cùng.
Tùng-lâm địa xích cương Nam Bắc,
Long-vĩ sơn hoành hạn yếu xung. (1)
Nghĩa khí tảo không thiên chương vụ,
Tráng hoài hô khởi bán phàm phong.
Biên chu tiện ngã triều thiên khách,
Trực giá kinh nghệ khóa hải đông.

DỊCH NGHĨA

QUA BÈ

*Gạt hết nổi sâu vơ vẩn, một mình nương mũi thuyền,
Ánh nước mênh mông, tứ thơ không cùng.
Ngàn Tùng-lâm đất rộng, làm giới hạn Nam Bắc,
Núi Long-vĩ giăng ngang, ngăn nơi xung yếu.
Nghĩa khí quét tron mây mù hàng nghìn dãy núi,
Tấm lòng hùng tráng gọi dậy cơn gió đầy nửa cánh buồm.
Sung sướng thay ta được làm người khách đi chiếc thuyền
con lên châu trời,
Lướt cả kinh nghệ mà vượt qua biển đông.*

DỊCH THƠ

Gạt sâu, riêng tựa mái thuyền,
Nổi lòng man mác theo làn nước khơi.
Tùng-lâm Nam Bắc chia đôi,
Chắn ngang Long-vĩ đời đời yếu xung.
Mù ngàn, nghĩa khí quét không,
Lòng hăng kêu dậy gió tung nửa buồm.
Châu trời một lá thuyền con.
Cỡi kinh nghệ vượt sóng cồn biển đông.

NGUYÊN CHÚ

(1) Núi Long vĩ ở huyện Vạn-ninh, đầu lị vào bờ cao, đuôi ngấn lấy mé biển, thuyền bè qua lại thường gặp sóng gió

21 — QUAN HẢI

Thung mịch trùng trùng hải lãng tiền,
Trầm giang thiết tỏa diệc đồ nhiên. (1)
Phúc chu thủy tín dân do thủy,
Thị hiềm nan bằng mệnh tại thiên.
Họa phúc hữu môi phi nhất nhật,
Anh hùng di hận kỷ thiên niên.
Kiền khôn kim cổ vô cùng ý,
Khước tại thương lương viễn thụ yên.

DỊCH NGHĨA

ĐÓNG CỬA BÈ

*Cọc cắm hết lớp này đến lớp khác trước sóng bể,
Giăng dây sắt ngàm khóa sông lại cũng luống công thời.
Úp thuyền, mới rõ sức dân như nước,
Hiềm yếu không cậy được : có mệnh ở trời.
Họa phúc có nguyên nhân cả, không phải một ngày,
Anh hùng còn để mối giận đến mấy nghìn năm
Cái sinh ý vô cùng của trời đất xưa nay,
Chòm cây khói trên chòm cây xa xa bên dòng nước
trong xanh.*

DỊCH THƠ

Cọc chắn bè mấy trùng chông chát.
Dây ngăn sông khóa sắt không bền.
Sức dân như nước lật thuyền,
Nhờ chi hiềm yếu do trên mệnh trời.
Họa phúc há một ngày nên được,
Hận anh hùng thưở trước chưa nguôi.
Vô cùng mầu nhiệm cơ trời,
Chòm cây khói phủ ở ngoài nước xanh.

CHÚ THÍCH

(1) Hồ Hán Thương lấy cọc gỗ và đá đặt dưới cửa bể, lấy dây sắt thả ngang sông, để ngăn cản quân Minh, nhưng vô ích, vì lòng dân không ủng hộ.

22 — HỌA HƯƠNG TIÊN SINH VẬN
GIẢN CHỮ ĐỒNG CHÍ

Sầu lai dốt dốt mạn thư không, (1)
Thiên địa vô cùng thán chuyền bông.
Thế sự khô tâm đầu hương bạch,
Suy nhan tá tửu vãng sinh hồng.
Lâm huy (2) nghĩ học minh dương phượng. (3)
Viễn hại chung vi tị đặc hồng.
Luân lạc thiên nhai câu thị khách,
Niên lai xuất xử lược tương đồng.

DỊCH NGHĨA

HỌA VẬN CỦA MỘT VỊ TIÊN SINH
TRONG LÀNG GUI CHO ĐỒNG CHÍ

*Cơn sầu đến, viết lên không mấy chữ « dốt dốt »
Than thân như cỏ bông lăn chuyền trong trời đất vô cùng.
Đối với việc đời lòng đã nguội lạnh như gió, đầu thì đã
muốn bạc,
Nét mặt hom hem có chén rượu mới sinh vàng hồng.
Ngắm nhìn ánh sáng, muốn học chim phượng gáy vừng
đông,
Xa lánh tai họa, rút cục là chim hồng tránh nơi sấn bản.
(Chúng ta) đều là khách lặn đạn phương trời,
Lâu nay « ra » hay « ần » đại khái giống nhau.*

DỊCH THƠ

Khi buồn viết chữ lên không,
Đất trời man mác cỏ bông chuyền xoay.
Nguội lòng, dầu diễm sương mai,
Mặt gầy mượn chén cho gáy vừng hồng.
Toan làm phượng gáy vừng đông,
Chim hồng tránh lưới sau cùng học theo.
Đều là trời bể phiêu lưu,
Khi ra khi ở có điều giống nhau.

CHÚ THÍCH

(1) Ân Hiệu nhà Tấn bị cách chức, rồi như người mất trí, ngày ngày giơ tay lên không viết mấy chữ « đốt đốt quái sự » là cái lời biểu thị nỗi kinh sợ gần giống mấy tiếng « cha chả là lạ » của ta.

(2) Bài phú viếng Khuất Nguyên của Giả Nghị có câu: *Phượng hoàng tượng vu thiên nhận hê, lãm đức huy nhi hạ chi* (Chim phượng hoàng bay liệng trên nghìn tầng không, ngắm nhìn thấy đức sáng mà bay xuống).

(3) *Minh dương phượng*: Chim phượng kêu lúc mặt trời lên buổi sớm mai. Lý Thiệu Cảm đời Đường làm ngự sử, thấy nhà vua xây cung Phụng — thiên, lãng phí mất nhiều công sức tiền của của nhân dân, triều thần không ai dám nói. Lý Thiệu Cảm dâng sớ cực lực can ngăn. Người thời đó nghe thấy rất mừng, họ gọi Lý Thiệu Cảm như chim phượng kêu lúc mặt trời lên buổi sớm mai. Câu này tác giả nói mình muốn làm gì để giúp ích cho đời, thực ra không muốn ăn dật.

23 — KÝ CỬU DỊ TRAI TRẦN CÔNG

Bình dư thân thích bán ly linh,
Vạn tử tàn khu ngẫu nhất sinh.
Vãng sự không thành Hòe-quốc mộng, (1)
Biệt lân thùy tả Vị-dương tình. (2)
Bất lai tự nghĩ đồng Vương Thức, (3)
Ty loạn chung đương học Quản Ninh (4)
Dục vấn tương tư sầu biệt xứ,
Cô trai phong vũ dạ tam canh.

DỊCH NGHĨA

GỬI CẬU LÀ TRẦN CÔNG BIỆT HIỆU DỊ TRAI

Sau cơn binh hỏa, người thân thích lìa tan đến một nửa,
Tám thân tàn trong một vạn cái chết ngẫu nhiên được
một cái sống.

Chuyện dĩ vãng luống trở thành giấc mộng Hòe-quốc;
Nỗi thương cách biệt, ai tả nên tình « Vị-dương »

Không đến, tự ví mình như Vương Thức,

Lánh loạn, rút cục nên học Quản Ninh.

Muốn hỏi nỗi nhớ nhung sầu biệt (của tôi)?

Thư phòng cô quạnh, mưa gió ba canh.

DỊCH THƠ

Loạn rồi thân thích nửa điêu linh,
Vạn tử thân tàn được nhất sinh.
Hòe-quốc luống thành cơn ảo mộng,
Vị-dương khôn tả mối thâm tình.
« Bất lai » tự vi cùng Vương Thức,
« Tị loạn » âu đành học Quản Ninh.
Hỏi chốn tương tư sâu cách biệt?
Thư phòng mưa gió suốt ba canh.

CHÚ THÍCH

(1) *Hòe-quốc mộng*: Giấc mộng Hòe-quốc cũng gọi là giấc mộng Nam Kha. Sách *Dị văn lục* chép: Thuần vu Phần đến dưới gốc cây hòe uống rượu, say gục xuống ngủ, mơ thấy mình đi vào một nước gọi là Đại hòe an, được vua nước ấy cho làm quan thái thú quận Nam-kha. Tỉnh chiêm bao, anh thấy dưới gốc cây hòe có một cái hang to, trong hang có con kiến càng, tức là vị quốc vương mà anh thấy trong mộng. Thẳng cửa hang nom lên có cái cành cây hòe trở về hướng Nam, tức là quận Nam-kha. Câu này tác giả nói công danh giàu sang cũng chỉ là cái trò hư ảo cả thôi, không nên mơ ước.

(2) *Vị-dương*: phía bắc sông Vị. Kinh Thi có câu: *Ngã tống cữu thị, viết chí Vị-dương* (ta đưa cậu đến phía bắc sông Vị). Do điển ấy, nên người xưa thường mượn chữ « Vị-dương » để nói tình nghĩa cậu cháu.

(3) *Vương Thức*: Tự là Ông Tư, người đất Tân đào nhà Hán, làm bậc thầy của Xương ấp vương, dạy cho vương học Lễ thi, Xương ấp nối ngôi bị phế truất vì y hoang dâm không lo chính sự. Có người hỏi thầy sao không có thư can ngăn, Thức đáp: Tôi đã đem hơn ba trăm thiên để can rồi, vì thế không dâng thư can nữa. Sau Thức được đề bạt chức Bác sĩ, bị Giang Công làm nhục, từ chối không nhận chức và bỏ về quê quán.

(4) *Quản Ninh*: Xem chú thích số 2 bài số 16.

24 — THANH MINH (1)

Nhất tùng luân lạc tha hương khứ,
Khuất chỉ thanh minh kỷ độ qua.
Thiên lý phần oanh vi báỉ tảo,
Thập niên thân cự tận tiêu ma.
Sạ tình thiên khí mô lẳng vũ. (2)
Quá bán xuân quang tí cú hoa. (3)
Liêu bả nhất bôi hoàn tự cưỡng,
Mạc giao nhật nhật khổ tư gia.

DỊCH NGHĨA

THANH MINH

Từ khi lưu lạc tha hương đến nay,
Bấm đốt tính, thanh minh đã qua mấy lần rồi.
Nghìn dặm (xa xôi), không được sửa sang phần mộ,
Mười năm qua, bà con quen biết đều tiêu mòn hết.
Khí trời vụt tạnh mưa ồm ờ,
Hoa đồ mi đã quá nửa chừng xuân.
Hãy cầm chén rượu gượng nhấp,
Đừng để hàng ngày khổ vì nỗi nhớ nhà.

DỊCH THƠ

Tinh từ ngày tha hương lặn dận,
Tiết thanh minh mấy bận qua đi.
Mả mồ không sửa sang chi,
Mười năm thân thích chẳng hề còn ai!
Trời chập chờn mưa thôi lại tạnh,
Đóa đồ mi nở cánh xuân tàn!
Gượng cầm chén, nhấp hơi men,
Cho khuây nỗi nhớ trông miền quê hương.

CHÚ THÍCH :

(1) Bài này có ý kiến nên đem vào phần tồn nghi, vì nội dung có ý là tâm trạng của một người đi ở nước ngoài lâu ngày.

(2) *Mô lǎng*: ồm ờ, không giải quyết dứt khoát, ba phải... Ở đây tác giả nhân cách hóa cái mưa hết như con người ồm ờ, không dứt khoát

(3) *Ti cú hoa*: theo nguyên chú trong bản chữ Hán thì *tí cú* là hoa đồ mi.

25 — HÍ ĐỀ

Nhàn lai vô sự bất thanh nga,
Trần ngoại phong lưu tự nhất gia.
Khuê bích thiên trùng khai điệp nghiên, (1).
Pha lê vạn khoảnh dạng tinh ba.
Quản huyền tào tạp lâm biên điều,
La ý phân phương ồ lý hoa.
Nhân đề nhất thời thi liệu phú,
Ngâm ông thù dữ thế nhân đa?

SAU LOẠN CẢM TÁC

Đất thần châu từ khi nổi can qua,
Muôn họ xao xác biết làm thế nào.
Tử Mỹ (ôm lòng) cô trung với ngày tháng nhà Đường,
Bá Nhân ứa hai hàng nước mắt với non sông Đông Tấn.
Mấy năm nay biển cổ làm cho người ta chóng già,
Thu về, quê người nổi khách chứa chan.
Cái hư danh ba mươi năm được việc gì?
Quay đầu lại, muôn việc phó cho giấc Nam-kha.

DỊCH THƠ

Từ thần châu can qua mới nổi,
Khổ muôn dân nhiều nỗi long dong.
Thờ Đường, Tử Mỹ cô trung,
Trông non nước Tấn lệ giòng Bá Nhân.
Trải biển cổ tấm thân già sớm,
Chốn tha hương thêm cảm trời thu,
Hư danh có ích gì đâu.
Quay đầu muôn việc khác nào trong mơ.

CHÚ THÍCH

(1) *Tử Mỹ*, tên tự của Đỗ Phủ, một nhà thơ lớn đời Đường, gặp lúc có loạn An Lộc Sơn, ông tránh vào đất Thục, làm thơ biểu lộ ra mình là bề tôi trung mà bị cô độc.

(2) *Bá Nhân* tức Chu Khởi, khi nhà Tấn mất, ông chạy qua Giang-đông, cùng các danh sĩ yến hội ở Tân-đỉnh, thấy núi sông phong cảnh mà ứa hai hàng lệ.

(3) Xem chú thích số 4 bài *Ký cữu Dị trai Trần công*,

27 — LOẠN HẬU ĐÁO CÔN SƠN CẢM TÁC

Nhất biệt gia sơn cấp thập niên,
Quy lai từng cú bán tiêu nhiên.
Lâm tuyền hữu ước na kham phụ,
Trần thổ đề đầu chỉ tự liên.

Hương lý tài qua như mộng ảo,
Can qua vị tức hạnh thân tuyền.
Hà thời kết ốc vân phong hạ,
Cấp giản phanh trà chằm thạch miên.

DỊCH NGHĨA

SAU LOẠN VỀ NÚI CÔN SƠN CẢM TÁC

Từ già quê hương vừa đúng mười năm,
Nay trở về, từng cục phần nửa đã tiêu sơ.
Trót hẹn với rừng suối, đâu nữ phụ tình,
Cúi đầu trong cát bụi nghĩ mà thương thân.
Chợt qua làng xóm, như gặp trong giấc chiêm bao.
Nạn can qua chưa dứt, may thân được toàn vẹn.
Bao giờ làm nhà dưới hòn núi mây (che),
Múc nước suối đun trà, gói tảng đá mà ngủ.

DỊCH THƠ

Giã nhà vừa đúng mười đông,
Nay về còn nửa cục từng lơ thơ.
Lâm tuyền nữ phụ nguyên xưa,
Côi trần luồn cúi bây giờ thương ta.
Xóm làng như mộng thoáng qua,
Lửa binh chưa dứt, may ra thân còn.
Bao giờ nhà dựng đầu non,
Pha trà nước suối gói hòn đá ngồi,

NGUYÊN CHÚ

Núi này ở xã Chi-ngại, là chỗ Trần Nguyên Đán về hưu. Có động Thanh-hư, dưới có cầu Thấu-ngọc. Sư Pháp Loa đời Trần có dựng am. Sư Huyền Quang cũng đến ngoạn cảnh, hòa phệp ở đấy.

28 — QUY CÔN SƠN CHU TRUNG TÁC

Thập niên phiêu chuyển thân bằng bình
Quy tứ dao dao nhật tự tinh.
Kỷ thác mộng hồn tầm cổ lý,
Không tương huyết lệ tẩy tiên oanh.

Binh dư cân phủ ta nan cấm,
Khách lý giang sơn chỉ thử tình.
Uất uất thốn hoài vô nại xứ,
Thuyền song thôi chằm đảo thiên minh.

DỊCH NGHĨA

TRONG THUYỀN VỀ CÔN SƠN CẢM TÁC

Mười năm phiêu giạt, than thân bồng bèo (1),
Lòng về ngày ngày lay động như đuôi cờ.
Bao lần nhờ chiêm bao đi tìm làng cũ,
Luống đem nước mắt lẫn máu rửa mồ tở tiên.
Sau cơn binh lửa, thương ôi! nạn búa rìu khó ngăn,
Non sông đất khách chỉ đeo đẳng mối tình này. (2)
Tắc lòng bụi ngủi không biết làm thế nào,
Cửa sổ thuyền trần trở cái gối đến sáng.

DỊCH THƠ

Thân binh bồng mười năm phiêu giạt,
Hồn quê như gió phất cờ bay.
Tim quê nhờ mộng lâu nay,
Rửa mồ tở phụ máu đầy lệ châu!
Chiến chinh xong búa rìu chữa ngọt
Tha hương lo nảo ruột tình quê!
Ngậm ngủi biết nói năng chi
Cửa thuyền trở gối nảo nề năm canh.

CHÚ THÍCH

(1) *Bồng bèo* : Bồng là một giống cỏ ngọn to gốc nhỏ rất yếu, gặp gió thì lặn lóc khắp nơi. Cũng như bèo lênh đênh mặt nước không nơi yên định. Ý nói thân thân nay đây mai đó.

(2) Hai câu này, ý nói lúc chiến tranh cảnh vật Côn-sơn không khỏi bị búa rìu tàn phá, khi còn ở đất khách cũng chỉ lo thế thôi.

29 — KÝ HỮU

Bán sinh thể lộ thân truân chiên,
Vạn sự duy ưng phó lão thiên.
Thốn thiệt dẫn tồn không tự tin, (1)
Nhất hàn như cố diệp kham liên. (2)
Quang âm thúc hốt thời nan tái,
Khách xá thê lương dạ tự niên.
Thập tải độc thư bần đảo cốt,
Bàn vô mục túc tọa vô chiên

DỊCH NGHĨA

GỬI BẠN

*Nửa đời người, những thở than đường đời truân chiên.
Muôn việc chỉ nên phó mặc trời già.
Tác lưỡi miến còn, lũng những tự tin,
Rét mướt như cũ, cũng đáng thương thay!
Bóng dương thắm thoắt, thời gian khó trở lại,
Quán khách lạnh lẽo, đêm dài tựa năm.
Mười năm đọc sách (mà vẫn) nghèo đến tận xương,
Mâm không có rau đậu, ngồi không có nệm.*

CHÚ THÍCH

(1) *Thốn thiệt dẫn tồn* : tác lưỡi miến còn. Sách *Sử ký* chép : Trương Nghi người nước Ngụy đời Chiến quốc, sang du thuyết ở nước Sở, tướng Sở bị mất hòn ngọc bích, ngờ cho Trương Nghi lấy, bắt đánh Nghi mấy trăm roi. Nghi về bảo vợ xem lưỡi mình có còn không? Vợ nói lưỡi hãy còn. Nghi trả lời : « Thế là đủ rồi ».

(2) *Nhất hàn như cố* : rét mướt như cũ. Phạm Tuy (tên tự là Thúc) cùng Tu Giả, theo Ngụy Tề đi sứ. Ngụy Tề nghe lời Tu Giả, nghi Phạm Tuy tiết lộ việc nước, đánh đập tàn nhẫn. Phạm Tuy giả chết rồi bỏ trốn sang nước Tần, vua Tần dùng Tuy làm tướng. Sau Tu Giả đi sứ qua Tần, Phạm Tuy mặc áo rách yếm kiến. Tu Giả nói : « Phạm Thúc hãy còn rét như thế ư? »

30 — CHU TRUNG NGẪU THÀNH I

Vũ hậu xuân trào trướng hải môn,
Thiên phong xuy khởi lãng hoa môn.
Bán lâm tàn chiếu sự yên thụ,
Cách thủy cò chung đảo nguyệt thôn.

Phong cảnh khả nhân thi nhập họa,
Hồ sơn mãn mục tửu doanh tôn.
Cựu du lịch lịch dư tăng ký,
Vãng sự trùng tâm chỉ mộng hồn.

DỊCH NGHĨA

TRONG THUYỀN NGAU THÀNH (bài I)

Sau trận mưa, con nước mùa xuân đầy ngoài cửa bể,
Gió trời thổi tới, hoa sóng phun lên.
Ánh sáng tàn nửa rừng sáng qua chòm cây có khói,
Tiếng chuông ở cách sông nện trong xóm có trăng.
Phong cảnh ưa người thơ như họa,
Hồ, núi đầy mắt, rượu đầy bầu.
Chốn chơi cũ rành rành, ta từng ghi nhớ,
Việc đã qua (muốn) tìm lại, chỉ (nhờ) hồn chiêm bao!

31 — CHU TRUNG NGẪU THÀNH II

Hải dốc thiên nhai tứ ý ngao,
Kiền khôn đảo xứ phóng ngâm hào.
Ngư ca tam xưng yên hồ khoáng,
Mục địch nhất thanh thiên nguyệt cao.
Thanh dạ bằng hư quan vũ trụ,
Thu phong thừa hứng giá kinh ngao.
Du nhiên vạn sự vong tình hậu,
Diệu lý chân kham phó trọc giao.

DỊCH NGHĨA

TRONG THUYỀN NGAU THÀNH (bài II)

Góc biển bên trời, mặc ý ngao du,
Trong cõi kiền khôn đến đâu cũng phóng ngòi bút thơ.
Hát chài cất lên ba lần, mặt hồ có khói thêm rộng
mênh mông,
Sáo mục đồng thổi lên một tiếng, mặt trăng trên không
càng lên cao vút.
Đêm thanh dựa vào khoảng không, ngắm xem vũ trụ,
Gió thu (thổi), thừa hứng cõi lên cá kinh cá ngao.
Sau khi muốn việc đã thoáng quên,
Lẽ màu nhiệm thật đáng đưa vào chén rượu đục.

DỊCH THƠ

Thân ngao du bên trời góc biển,
Ngòi bút thơ buông đến nơi nơi.
Sáo trâu cao vút trắng trời,
Mặt hồ lên khói ca chài mênh mông.
Cối kinh nghề thu phong thừa hứng;
Dựa không gian đêm lặng xem trời.
Sau khi quên lãng sự đời,
Nhiệm mầu phò mặc đây vơi chén nồng.

32 – ĐỀ KIẾM

Lam-son tự tịch ngoạn thần long, (1)
Thế sự huyền tri tại chưởng trung.
Đại nhiệm hữu quy thiên khái thánh,
Xương kỳ nhất ngộ hồ sinh phong. (2)
Quốc thù tẩy tận thiên niên sỉ,
Kim quỹ chung tàng vạn thế công. (3)
Chỉnh đốn kiên khôn từng thử liễu,
Thế gian na cánh sở anh hùng.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ GUOM

*Rồng thiêng trước kia còn nằm núi Lam-son,
Nhưng việc đời đã đoán trước ở trong tay.
Khi gánh nặng phải có người thì trời sinh thánh,
Khi đời thịnh đã đến thì con hồ sinh ra gió.
Thù nước đã rửa sạch cái thẹn ngàn năm,
Quỹ vàng còn ghi mãi cái công lao muôn thuở.
Chỉnh đốn trời đất từ nay đã xong xuôi,
Trên đời kể được mấy đấng anh hùng như thế.*

Rồng Lam-sơn buổi chưa bay,
Việc đời biết trước trong tay vững vàng.
Giúp đời, trời mở thành vương,
Gặp thời, hùm thét lẽ thường gió sinh.
Thù chung rửa sạch sành sanh,
Quỹ vàng muôn thuở rành rành ghi công.
Kiền khôn nay xếp đặt xong,
Trên đời kẻ đấng anh hùng mấy ai.

CHÚ THÍCH

(1) *Thần long*: Con rồng thần, tức rồng thiêng, người xưa lấy con vật ấy vì nhà vua. Câu này nói Lê Lợi khi còn ẩn náu ở núi Lam-sơn.

(2) *Hồ sinh phong*: hùm sinh gió. Ý nói có vua thánh thì có tôi hiền.

(3) *Kim quỹ*: Cái hòm bằng vàng. Cao tổ nhà Hán ghi công các vị công thần vào cái hòm vàng cất vào trong nhà đá.

33 — HẠ QUI LAM SƠN I

Quyền mưu bản thị dụng trừ gian,
Nhân nghĩa duy tri quốc thể an.
Đài các hữu nhân nho tịch noãn,
Biên thù vô sự liễu doanh nhân. (1)
Viễn phương ngọc bạch đồ vương hội, (2)
Trung-quốc uy nghi đồ Hán quan. (3)
Sóc tâm dĩ thanh kinh lãng tức,
Nam châu vạn cổ cự giang san.

DỊCH NGHĨA

MỪNG VUA VỀ LAM SƠN (bài I)

*Quyền mưu chỉ dùng để trừ khử bọn gian tà,
Có nhân nghĩa duy trì thì thể nước mới an.
Nơi đài các có người, chiếu nho được ấm áp,
Chốn biên thù vô sự, doanh liễu được an nhàn.*

Cầm ngọc lụa từ phương xa đến, vẽ thành bức tranh
vương hội,
Uy nghi Trung-quốc nay được thấy lại Hán quan.
Đám mây xấu phương Bắc đã thanh, sóng kinh lặng bật,
Non sông cũ nước Nam còn mãi muôn đời.

DỊCH THƠ

Quyền mưu dùng để trừ gian,
Lấy điều nhân nghĩa lo toan trị binh.
Nho thần dài các hiền vinh,
Cõi ngoài vô sự liễu doanh thanh nhàn.
Vẽ đồ ngọc lụa triều ban,
Uy nghi lại thấy Hán quan những ngày.
Trời thanh biển lặng hồi nay,
Non sông nước cũ lâu dài muôn năm.

CHÚ THÍCH

(1) *Liễu doanh*: Chu Á Phu nhà Hán đóng quân ở Tế-liều, do đó có danh từ « Liễu doanh », chỉ chỗ đóng quân của vị tướng ở biên thù.

(2) Năm Trinh quán thứ 3 đời Đường có man tù vào châu, Nhan sư Cổ thấy áo mũ của người mừng mọi có nhiều vẻ khác nhau, xin vua cho vẽ ra *đồ vương hội*.

(3) Đời Đông Hán, vua Quang Võ dẹp được Vương Mãng, uy nghi các quan nhà Hán được phục lại như cũ. Ý nói: nước đã suy vong nay khôi phục lại.

34 — HẠ QUY LAM-SƠN II

Ức tích Lam-sơn ngoạn võ kinh,
Đương thời chí dĩ tại thương sinh. (1)
Nghĩa kỳ nhất hương trung nguyên chỉ,
Miếu toán tiên tri đại sự thành.
Nguyệt nhuế nhật thành qui đức hóa, (2)
Hủy thường chùy kế thức uy thanh. (3)
Nhất nhưng đại định hà thần tốc,
Giáp tầy cung thao lạc thái bình.

DỊCH NGHĨA

MUNG VUA VỀ LAM-SƠN (bài II)

Nhớ lại khi xưa đọc binh thư ở Lam-Sơn,
Bấy giờ cái chí của nhà vua đã hướng về thương sinh.
Cờ nghĩa một khi đã hướng về trung nguyên mà chí,
(Thì) mưu mô của miếu đường đã biết trước rằng việc
lớn thế nào cũng thành.
Hang mặt trăng, thành mặt trời đều theo đức hóa,
Vận xiêm lá cỏ, búi tóc mũi dùi, đều biết uy thanh.
Một mảnh áo giáp nên công đại định, sao mà nhanh
chóng như thần,
(Từ nay) treo cung rửa giáp vui cảnh thái bình.

DỊCH THƠ

Lam-sơn xưa đọc võ kinh,
Giúp dân chi đã định ninh những ngày.
Trung nguyên cờ nghĩa cao bay,
Chắc rằng nghiệp lớn trong tay dựng thành.
Phương xa đội đức thánh minh,
Mán Mường đều nức uy linh vào châu.
Áo nhung đại định chóng sao,
Treo cung rửa giáp vui reo thái bình.

CHÚ THÍCH

(1) *Thương sinh*: Dân xanh đầu, nghĩa như «lê dân» (dân đen đầu), đều là tiếng cổ, chỉ nhân dân quần chúng.

(2) *Nguyệt nhuế nhật thành*: Hang mặt trăng, thành mặt trời chỉ phương xa, ở cực đông và cực tây.

(3) *Hủy thường chùy kế*: vận xiêm lá cỏ. búi tóc mũi dùi, chỉ dân tộc ít người ở thời xưa.

35 — THƯỢNG NGUYÊN HỘ GIÁ CHU TRUNG TÁC (1)

Duyên giang thiên lý chúc quang hồng,
Thái ích thừa phong khóa lãng bông. (2)
Thập trượng lâu đài tiêu thân khí, (3)
Tam canh cổ giốc tráng quân dung.

Thương ba nguyệt tằm ngọc thiên khoảnh,
Tiên trượng vân xu thiên cửu trùng (4)
Ngũ dạ bông song thanh mộng giác,
Do nghi Trường-lạc cách hoa chung. (5)

DỊCH NGHĨA

LÀM THƠ NGÀY THƯỢNG NGUYÊN
HỘ GIÁ TRONG THUYỀN

*Dọc sóng nghìn dặm đèn đuốc sáng đỏ rực,
Thuyền vẽ chim ich lướt gió vượt sóng.
Lâu thuyền mười trượng hơi thường luồng tiêu tan,
Trống, tù và (dóng dả) ba canh, sắc mặt ba quân mạnh mẽ.
Mặt trăng ngâm dưới sóng xanh như nghìn khoảnh ngọc,
Hàng tiên trượng như mây lượn trên chín tầng không.
Đêm khuya bên cửa sổ thuyền, giấc mơ chợt tỉnh,
Còn ngỡ tiếng chuông bên kia khóm hoa cung Trường-lạc.*

CHÚ THÍCH

(1) Ngày rằm tháng giêng âm lịch gọi là thượng nguyên.

(2) Xưa vẽ chim ich ở đầu mũi thuyền, lấy nghĩa là chim ich bay khỏe không sợ gió.

(3) *Thần khí*: hơi con thường luồng; buổi chiều mặt trời phản xạ, có hình ảnh mường tượng như lâu đài nổi lên; đời xưa cho đó là bởi con thần (một loại giao long) phun hơi mà thành. Theo khoa học ngày nay thì đây là những hiện tượng ảo ảnh, do bóng mặt trời chiếu nghiêng xuống mặt nước mà thành.

(4) *Tiên trượng*: những đồ nghi trượng như gậy hèo, cờ quạt, v.v.. dàn ra hai hàng trước chỗ vua ngự.

(5) *Trường-lạc*: tên cung, nơi ngự triều đời nhà Hán, nay ở Thiểm-tây, rộng 20 dặm, một công trình lớn.

36 — HẠ TIỆP I (1)

Suần nhĩ man tù cảm khẩu biên,
Tích hung nãm ác dĩ đa niên.
Cửu trùng duệ niệm linh hà tục, (2)
Vạn lý loan xa mạo chương yên.
Sơn thú dĩ văn thu Ngụy-bác, (3)
Thần khuê hựu kiến khắc Yên-nhiên. (4)
Tùng kim tứ hải xa thư nhất, (5)
Thịnh đức phong công vạn cổ tiền.

MỪNG THẮNG TRẬN (bài 1)

Bọn tù trưởng mọi rợ ngu xuẩn kia dám nổi loạn cướp
phá biên giới,

Tội ác chồng chất ấy đã lâu năm rồi.

Tấm lòng sáng suốt của chín trùng thương đến phong tục
phương xa.

(Cho nên) xe loan phải xông pha muôn dặm lam chương,

Nghe tin đồn lĩnh thủ trên núi thu hồi trấn Ngụy-bác,

Lại trông thấy nhà vua cho khắc (công trạng) vào đá
núi Yên-nhiên.

Bốn bề từ đây xe cùng một đường quĩ sách cùng một lối
chữ.

Công đức to lớn ấy sánh với muôn thuở xưa.

CHÚ THÍCH

(1) Năm Tân hợi Lê Thái Tổ thân chinh châu Phục-lễ thắng trận trở về (theo nguyên chú)

(2) Cửu trùng : chín trùng, chỉ nhà vua.

(3) Ngụy-bác : Tên một trấn đời xưa của Trung-quốc, Vua Hiến-tông nhà Đường sai Bùi Độ đi thuyết phục viên trấn thủ trấn Ngụy-bác là Điền Hưng, làm cho Hưng cảm phục, qui thuận triều đình, không phải dùng đến quân sự để trấn áp.

(4) Yên-nhiên : tên núi, nay thuộc về ngoại Mông-cổ; tướng nhà Hậu Hán là Đạu Hiến truy kích giặc đến đây, khắc vào đá núi Yên-nhiên rồi rút quân về.

(5) Xa thư : xe cộ và sách vở. Sách Trung-Dung có câu : xa đồng quĩ thư đồng văn (Xe cùng một đường quĩ, sách cùng một lối chữ). Quĩ là cái độ cự ly giữa hai bánh xe và cũng là cái dấu bánh xe trên mặt đường. Ý câu thơ này nói sự thống nhất bờ cõi.

37 — HẠ TIỆP II

Gian thần tặc tử tội nan dung,

Đáo để chung đầu hiến võng trung.

Cùng những khởi kham diên suyễn tức,

Đại đình ưng dĩ tấu phu công.

Giốc thanh vạn lý khe sơn nguyệt,

Kỳ cước thiên nham thảo mộc phong.

Tứ hải vĩnh thanh tùng thủ thủy,

Phù tang tảo biện quả thiên cung. (1)

DỊCH NGHĨA

MỪNG THẮNG TRẬN (bài II)

*Kẻ gian thần tặc tử, tội không thể dung thứ được,
Rút cục cũng phải sa vào lưới phép.
Nơi hẻo lánh đâu có thể kéo dài được hơi thở suy tàn,
Trước sân châu đã tâu lên cái công to lớn.
Núi khe dưới bóng trăng, tiếng tù và vang muôn dặm,
Cỏ cây trước gió thổi, cờ cắm trên nghìn ngọn núi.
Bốn bề vĩnh viễn yên lặng, bắt đầu từ đây,
Sớm làm cái cung trời đem treo trên cây phù tang.*

CHÚ THÍCH

(1) *Phù tang*: tên một loài cây. Truyền thần thoại Trung quốc cho rằng mặt trời mọc ở chỗ có cây phù tang ngoài biển đông. Bài *Đại ngôn phú* của Tống Ngọc đời Chiến quốc có câu: *loan cung quải phù tang* nghĩa là cái cung cong treo lên cây phù tang. — Câu này ý nói sau khi đã dẹp giặc xong thì cất giấu vũ khí vào một chỗ.

38 — HẠ TIỆP III

*Thánh triều nhu viễn mẫn hôn ngu,
Nại nhĩ vô tri tự vẫn khu.
Lũy thế cừu thâm lân cảnh oán,
Khi thiên tội đại quỷ thần tru.
Mạc tương tiền thế phan kim đại,
Bất tác trung thần hiệu nghịch tù.
Vị báo hậu lai phiên trấn giả,
Chinh luân phúc triệt tại tiền đồ. (1)*

DỊCH NGHĨA

MỪNG THẮNG TRẬN (bài III)

*Thánh triều vô yên phương xa và thương kẻ ngu tối,
Chỉ vì các người không biết gì (mà đến nỗi) tự mình
giết mình.
Mối thù sâu từ mấy đời làm cho dân biên giới hờn oán,
Tội lớn đối trời (thật đáng bị) quỷ thần tru diệt.*

Đừng có đem đời xưa mà vin vào đời nay,
(Sao) không làm tôi trung mà lại bắt chước kẻ tù nhân
phản nghịch.
Vậy bảo cho kẻ trấn thủ biên giới sau này biết:
Cái vết xe đi đã nghiêng đổ ở đằng trước kia!

CHÚ THÍCH

(1) Truyện Giả Nghị trong sách *Hán thư* có câu: *Tiền xa phúc, hậu xa giới* (xe đi trước đã nghiêng đổ, xe đi sau phải phòng ngừa), ý nói kẻ sau phải coi sự thất bại của kẻ trước mà răn mình.

39 — HẠ TIỆP IV

Khi thiên võng thượng vị thiên cao,
Thiên võng khôi khôi cánh mạc đào.
Hộ ngoại trùng sơn không thiết hiểm,
Lâm gian thê điều bất qui sào.
Man khê lộ viễn vu loan ngự,
Ngọc trưởng thâm mưu xuất hồ thao. (1)
Tứ hải chỉ kim câu thiệp tĩnh,
Dự tri hậu dật bản tiên lao.

DỊCH NGHĨA

MỪNG THẮNG TRẬN (bài IV)

Dối trời lừa trên (dám) cho rằng trời cao (không biết),
Lưới trời (tuy) rộng thênh thênh mà vẫn không trốn
thoát được.
Ngoài cửa núi non trùng điệp, luống (công) đặt làm nơi
hiểm yếu,
(Đến nỗi) chim chóc trong rừng không được về tổ.
Đường núi khe xa xôi, xe loan phải đi quanh co (vất vả),
(Vậy nên) mưu sâu từ trong trưởng ngọc đã cho ra kế
« hồ thao ».
Từ nay bốn bề đều được yên tĩnh,
Dự đoán biết rằng sau này nhân rồi cũng do trước đã
khó nhọc.

CHÚ THÍCH

(1) Theo sách *Bảo phác tử*: ngọc trường là chỗ chủ tướng ở và cũng có nghĩa là một thứ sách binh thư.

Khương Thái Công nhà Chu làm sách binh thư, trong đó có « lục thao, tam lược », « hồ thao » là một bộ môn binh pháp trong lục thao.

40 — CHU CÔNG PHỤ THÀNH VƯƠNG ĐỒ

Ý thân phụ chính tướng Chu công, (1)
Xử biến thù tương Y Doãn đồng. (2)
Ngọc kỷ di ngôn thường tại niệm,
Kim đẳng cố sự cảm ngôn công. (3)
An nguy tự nhậm phù vương thất,
Tả hữu vô phi bảo thánh cung. (4)
Tử Mạnh khởi năng chiêm phảng phát, (5)
Ứng Chiêu cận khả áp dư phong.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ BỨC TRANH CHU CÔNG GIÚP THÀNH VƯƠNG

Nhớ xưa Chu công bậc chí thân phụ chánh.
Ai đã đem so sánh cách xử biến (của ông) với Y Doãn.
Lời di chúc ở ghế ngọc thường ghi trong lòng,
Chuyện cũ trong quỹ bọc vàng đâu dám kể công.
Khi yên, lúc nguy, tự mình gánh lấy việc chống đỡ cho
nhà vua,
(Dù ở) bên tả hay bên hữu cũng đều là bảo vệ cho mình
thánh.
Tử Mạnh đâu có thể xem phảng phát (như ông được),
(Chỉ có) việc phù Chiêu để là hơi tiếp thụ được dư phong
(của ông).

CHÚ THÍCH

(1) *Chu công*: Chú ruột của vua Thành vương nhà Chu.
Vũ vương mất, Thành vương lên ngôi khi còn nhỏ tuổi, Chu công hết lòng phụ chánh.

(2) *Y Doãn*: Bề tôi của nhà Thương, chịu di mệnh của vua Thành Thang giúp Thái Giáp.

(3) *Kim đằng*: Cái quỳ bọc vàng. Thành vương có lúc nghe lời dèm pha, nghi Chu công sẽ phản bội, một hôm Thành vương mở quỳ bọc vàng ra coi, thấy lời di chúc của cha (Vũ vương) và thấy cả bài văn của Chu công cầu khẩn trời đất nguyện thế mạng cho Vũ vương. Thành vương tỉnh ngộ, biết Chu công thực là người trung thành, vương cảm động khóc và cho rước Chu công về triều.

(4) *Thánh cung*: mình thánh; chữ tôn xưng nhà vua.

(5) *Tử Mạnh*: Tên chữ của Hoắc Quang nhà Hán. Ông này cũng chịu di mệnh giúp Chiêu đế lên ngôi từ thuở nhỏ.

41 — KHẮT NHÂN HỌA CÔN SƠN ĐỒ

Bán sinh khâu hác phế đăng lâm, (1)
Loạn hậu gia hương phí mộng tâm.
Thạch bạn tùng phong cô thẳng thưởng,
Giản biên mai ảnh phụ thanh ngâm.
Yên hà lãnh lạc trường kham đoạn, (2)
Viên hạc tiêu điều ý phỉ cầm.
Bảng trượng nhân gian cao họa thủ,
Bút đoạn tả xuất nhất ban tâm.

DỊCH NGHĨA

NHỜ NGƯỜI VẼ BỨC TRANH CÔN SƠN

*Nửa đời người đã bỏ cái thú đăng lâm núi gò khe suối,
Sau cơn loạn ly, luống phí công đi tìm quê hương ở trong
giấc mộng.*

*Gió thông bên ghềnh đá, ta đã bỏ hoài thẳng thưởng,
Bóng mai bên suối, khách thơ đã phụ hững thanh ngâm.*

*Lạt lẽo yên hà ruột có thể đứt,
Tiêu điều vượn hạc cảm xúc khôn cầm.
Muốn nhờ tay vẽ giỏi ở thế gian này,
Dem ngọn bút mà tả hết nỗi lòng của ta!*

DỊCH THƠ

Nửa đời người ruộng non bỏ suối,
Sau loạn ly mơ dôi quê hương.
Thông reo ghềnh đá bẽ bàng,
Bóng mai bên suối phụ phàng thanh ngâm.

Khói, rắng lạnh, ruột tằm đứt khúc,
Vượn, hạc kêu như giục lòng sầu!
Cậy người họa sĩ tay cao,
Hãy đem cây bút mà miêu tả lòng!

CHÚ THÍCH

(1) *Đăng lâm*: lên cao nom xuống để thưởng thức thắng cảnh nào đó.

(2) *Yên hà*: Khói và rắng.

42 — ĐỀ TRÌNH XỬ SĨ VÂN OA (1) ĐỒ

Giai khách tương phùng nhật bão cầm,
Cổ sơn quy khứ hưng hà thâm.
Hương phù ngõa đỉnh phong sinh thụ,
Nguyệt chiếu đài ky trúc mẫn lâm.
Tây tận trần khâm hoa ngoại minh,
Hoán hồi ngộ mộng chầm biên cầm.
Nhật trường ần kỷ vong ngôn xứ,
Nhân dữ bạch vân thù hữu tâm.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ BỨC TRANH VÂN OA CỦA XỬ SĨ HỌ TRÌNH

*Khách nhẽ gặp nhau hàng ngày ôm đờn,
Cái cảm hưng trở về núi cũ sao mà thắm thiết đến thế.
Hương bay lên từ vạc sành, (khi) gió sinh từ trên cây, (2)
Trắng soi xuống hòn đá rêu phủ, (thấy) trúc đầy rừng. (3)
Rửa hết lòng tục có ắm chè ngoài hoa,
Gọi tỉnh mộng trưa có tiếng chim bên gối.
Ngày dài tựa ghe quên nói năng,
Người với mây trắng ai hữu tâm?*

CHÚ THÍCH

(1) *Vân oa*: Cái nhà làm trong động núi (có mây che nên đặt là vân oa).

(2) và (3) Hai câu này tả cái cảnh « vân oa », những cảnh hương bay... gió sinh... trắng soi... và trúc đầy rừng... đều được phản ánh vào bức vẽ.

43 — QUAN DUYỆT THỦY TRẬN

Bắc hải đương niên dĩ lục kinh, (1)
Yến an do lự cật nhung binh.
Tinh kỳ ý nữ liên vân ảnh,
Bề cổ huyền diên động địa thanh.
Vạn giáp diệu sương tỳ hồ túc,
Thiên sư bố trận quán nga hành. (2)
Thánh tâm dục dữ dân hưu tức,
Văn trị chung tu tri thái bình.

DỊCH NGHĨA

XEM TẬP TRẬN ĐÁNH THỦY

*Năm kia, đã giết cá kinh ở miền Bắc,
Nay yên vui, còn lo rèn luyện binh nhung.
Bóng cờ phấp phới liền với bóng mây,
Tiếng trống rập rình rung chuyển cả đất.
Muôn áo giáp gọi sương, oai nghiêm như hùm gấu,
Nghìn chiếc thuyền bày trận đi chinh tề như chim quán
chim nga.
Lòng thánh thượng muốn cùng dân yên nghỉ,
Rồi đây cũng phải lấy văn trị mà đi đến cảnh thái bình.*

DỊCH THƠ

Năm kia giết kinh nghệ biển Bắc,
Yên vui còn mài sắc nhung binh.
Bóng cờ san sát mây thành,
Trống hồi động đất rập rình ầm vang.
Oai hùm gấu nghiêm trang bảo giáp,
Trận thuyền bày đồng dặc «ngan đi».
Muốn dân yên nghỉ vui vầy,
Dùng văn trị nước đắp xây thái bình.

CHÚ H CH

(1) *Lục kinh*: Giết cá kinh. Ý nói đã đánh tan giặc Minh

(2) *Quán nga*: Tên hai loài chim — Cũng là tên trận thế, bày theo hình thế «quán nga» (xuất xứ *Tả truyện*)

44 — ĐỀ TỪ TRỌNG PHỦ CANH ẨM ĐƯỜNG (1)

Khử phạ phồn hoa đập nhuyển trần,
Nhất lê nham bạng khả tang thân.
Thương gia lệnh tá xưng Sấn-dã, (2)
Hán thê cao phong ngưỡng Phú-xuân. (3)
Tùng cục do tồn qui vị vãn,
Lợi danh bất tiện ẨM phương chân. (4)
Ta dư cửu bị nho quan ngộ,
Bản thị canh nhân điều tịch nhân.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ NHÀ CANH ẨM CỦA TỪ TRỌNG PHỦ

*Đi sợ dâm phải cái bụi mềm phồn hoa,
Một lưỡi cày bên núi cũng có thể giấu thân.
Bạc phò tá giỏi nhà Thương, nổi tiếng ở Sấn-dã,
Phong độ thanh cao đời Hán, chiêm ngưỡng Phú-xuân.
Tùng cục vẫn còn, về cũng chưa muộn,
Lợi danh không hám, ở ẨM mới là thiên chân.
Thương ta bấy lâu bị cái mũ nhà nho làm lằm lổ,
Ta vốn là kẻ (ra) cày nhân câu vắng.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Canh ẨM* : Đặt tên là nhà « Canh ẨM » là lấy nghĩa cày ruộng và ẨM dật.

(2) Y Doãn khi chưa gặp vua Thành Thang nhà Thương, ông từng cày ruộng ở đất Sấn.

(3) *Phú-xuân* : Tên hòn núi ở phía Tây huyện Đồng-lô, tỉnh Chiết-giang (Trung-quốc), Nghiêm Tử Lăng đời Hán ẨM cư ở đó.

(4) *Chân* : Theo nghĩa chữ Hán cổ là *thiên chân*, là bản tính trời phú cho mà người ta giữ được nguyên vẹn; nó hơi khác với nghĩa của hai chữ *thiên chân* trong văn bạch thoại.

45 — ĐỀ THẠCH TRÚC OÁ

Bạng thạch di tài trúc kỷ can,
Linh lung sắc ánh bích lang can. (1)
Yên sao lộ trích y thường lãnh,
Địa cốt vãn sinh chầm đạm hàn.

U tri dĩ ưng trần ngoại tướng,
Thanh tiêu hoàn ái tuyết trung khan. (2)
Song tiền nguyệt bạch cung giai thưởng,
Thoái thực liêu tương ngụ tạm hoan.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ NHÀ THẠCH TRÚC

*Dời trồng bên đá mấy cần trúc,
Sắc long lanh ánh vào lang can biếc.
Giọt móc nhỏ từ ngọn cao xuống, lạnh cả áo xiêm,
Mây sinh ở khối đá làm mát gối nệm.
Trước cảnh tri thanh u, đã nghĩ đến việc ra ngoài bụi
trần,
Nhưng «cây nêu thanh nhã» ta còn thích ngắm nó trong
tuyết.
Trăng trong trước cửa sổ cung cho thú thưởng thức,
Sau lúc đi châu về hãy gửi cả niềm tạm vui vào đó.*

DỊCH THƠ

Đem khóm trúc trồng bên sườn đá,
Sắc long lanh cảnh lá tươi xanh.
Đá tuôn mây lạnh gối chần,
Ngọn cao, sương nhỏ thấm lẫn áo xiêm.
Thanh nhã tưởng sống miền tiên giới,
Còn ưa xem tuyết với «nêu trong».
Gương nga vắng vặc dòm song,
Châu về ngắm cảnh vui trong tĩnh tình.

CHÚ THÍCH

(1) *Lang can*: Tên một thứ đá quý, màu biêng biếc, cũng là tên một thứ trúc dùng để làm gậy.

(2) *Thanh tiêu*: Cái nêu thanh nhã, chỉ ngọn cây trúc. Trong các đề tài văn học Hán cổ, hình ảnh cây trúc cây thông thường thấy, là vì người xưa đem cây trúc ví người quân tử, cây thông ví bậc trượng phu.

Đình vi (2) nhất biệt tuế hoa thâm,
Ai mộ nhân giai công thử tâm.
Khách lý khan vân tinh dị thiết,
Công dư phi quyền ý nan cầm.
Gia sơn thực bất hoài tang tử, (3)
Trung hiếu hà tằng hữu cồ cầm.
Tri thử tặng quân hoàn tự cảm,
Thi thành ngã diệc lệ triêm khâm.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ TẬP THƠ « BẠCH VÂN TU THÂN »
CỦA QUAN HIỆU ÚY HỌ HÀ

*Từ biệt chốn « đình vi » năm tháng đã lâu,
Tình yêu mến, người ta đều một tấm lòng đò.
Trông mây nơi đất khách, tình dễ tha thiết,
Sau khi xong việc công, mở quyền ra coi, lòng
cảm xúc khôn cầm.
Tình quê hương, ai mà chẳng nhớ cây dâu cây thị,
Lòng trung hiếu, nào từng có phân biệt xưa nay.
Cảm bài thơ này tặng người lại tự thấy cảm động,
Khi thơ thành thì nước mắt của ta cũng thấm vạt áo!*

DỊCH THƠ

Bao năm xa cách chốn đình vi,
Yêu mến lòng ai chẳng tạc ghi.
Đất khách trông mây tinh thắm thiết,
Ngày nhàn mở quyền ý lâm ly.
Quê hương tang tử vô trăm mối,
Trung hiếu xưa nay vẫn một thi.
Cảm động đưa người này gọi chút,
Thơ xong, nước mắt nhỏ đầm dia!

CHÚ THÍCH

(1) *Bạch vân tư thân*: Trông mây trắng mà nhớ đến cha mẹ. Dịch Nhân Kiệt đời Đường trông đám mây trắng phủ lên núi Thái-hàng, ông nói: *Ngô thân xá kỳ hạ* nghĩa là cha mẹ ta ở dưới đó.

(2) *Đình vi*: Chỉ cha mẹ. Thơ *Nam Cai* trong *Kinh Thi* có câu: *Quyển luyện đình vi, tâm bất hoàng an* (Quyển luyện đình vi, tâm lòng không yên), ý nói vi yêu mến cha mẹ nên lòng người con lúc nào cũng nhớ, không yên tâm.

3) *Tang tử*: Cây dâu, cây thị. *Kinh Thi* có câu: «Duy tang dữ tử, tất cung kính chi» (chỉ có cây dâu cây thị hẳn nên cung kính). Ý nói dâu và thị là thứ cây mà các gia đình thường trồng, cho nên «dâu, thị» gọi lên tình nhớ quê hương, cha mẹ.

47 — THU ĐẠ KHÁCH CẢM I

Lữ xá tiêu tiêu tịch tác môn,
Vi ngâm tụ thủ quá hoàng hôn.
Thu phong lạc điệp ky tình tứ,
Đạ vũ thanh đăng khách mộng hồn.
Loạn hậu phùng nhân phi túc tịch,
Sầu trung tống mục ngu kiên khôn.
Đáo đầu vạn sự giai hư huyễn,
Hưu luận Phạm vong dữ Sở tồn! (1)

DỊCH NGHĨA

ĐÊM THU Ở ĐẤT KHÁCH CẢM HOÀI (bài I)

Quán trọ điu hiu lấy chiếu làm cửa,
Ngâm se sẽ, khoan tay ngồi qua buổi hoàng hôn.
Đêm thu lá rụng, tình tứ vấn vương nơi đất khách,
Đêm mưa, đèn xanh, mộng hồn man mác tha hương.
Sau loạn ly gặp người không còn như trước,
Khi buồn đưa mắt gửi ý tứ vào trời đất.
Rút cuộc mọi việc đều là hư ảo,
Chuyện Phạm mất Sở còn thôi bàn làm chi!

DỊCH THƠ

Đêm thu lạnh điu hiu quán khách,
Khoan tay ngâm tịch mịch hôn hoàng.
Gió thu lá rụng vấn vương,
Dưới đèn, hồn mộng mơ màng, mưa đêm!

Sau loạn gặp người xem cũng lạ,
Đưa mắt sâu gửi cả kiên khôn.
Bản chi Phàm mất Sở còn,
Ngẫm hay muôn sự vẫn hoán hư không?

GUYÊN CHÚ

Sách Trang Tử nói :... « Vua nước Sở ngồi với vua nước Phàm, một lúc cận thần vua Sở nói rằng : Phàm có ba điều mất nước. Vua nước Phàm nói : nước Phàm dù có « mất », cũng không thể làm mất được cái « lẽ còn » của ta, nước Sở dù có còn cũng không thể còn lại được cái « lẽ còn ». Câu này ý nói ở đời có nhiều điều hư ảo, cho nên dù những việc như nước Sở còn nước Phàm mất cũng chưa đủ biểu thị cái lẽ chân thật.

48 — THU DẠ KHÁCH CẢM II

Tây phong hám thụ hưởng đề tranh,
Giao lạc thanh bi cứu khách tình.
Hoàng diệp mãn đình thu quá bán,
Thanh đăng hòa vũ dạ tam canh.
Bệnh đa cốt sấu miên ưng thiếu,
Quan lãnh thân nhân mộng diệp thanh. (1)
Nhất niệm tức lai thiên niệm tức,
Kê trùng tự thử liễu tương tranh. (2)

DỊCH NGHĨA

ĐÊM THU Ở ĐẤT KHÁCH CẢM HOÀI (bài II)

*Gió tây rung cây vang lên như tiếng chiêng,
Tiếng cây lay, tiếng lá rụng, thương tình đất khách đã
lâu.
Lá vàng đầy sân, thu đã quá nửa,
Bóng đèn xanh hòa với giọt mưa đêm ba canh.
Bệnh nhiều xương gầy ngủ phải ít,
Quan lạnh thân nhân giấc mơ cũng thanh.
Một ý nghĩ dập tắt đi thì nghìn ý nghĩ khác cũng tắt
theo,
Câu chuyện gà với sấu từ đây thôi không tranh cãi nhau
nữa.*

DỊCH THƠ

Gió tây xoang xoảng cây rung động,
Xơ xác thê lương cảm khách tình.
Là úa sần đầy thu quá nửa,
Đèn xanh bóng lẩn mưa ba canh.
Bệnh nhiều xương nhức nằm luôn trở,
Quan lạnh thân nhân mộng cũng thanh.
Trăm mối tơ vò âu đập tắt,
Gà, sâu từ đấy hết tương tranh.

CHÚ THÍCH

(1) *Quan lãnh*: Quan lạnh. Đời xưa cho rằng làm quan mà không coi việc hành chánh thì không bận rộn, nào nhiệt gì cả, nên gọi là lãnh hoạn.

(2) *Kê trùng*: Gà và sâu.

Trong bài *Phược kê hành* của Đỗ Phủ đời Đường có câu: *Kê trùng đắc thất vô liễu thi* nghĩa là câu chuyện gà và sâu được hay mất không bao giờ kết liễu. Đại ý bài thơ này: người đầy tớ thấy gà ăn sâu muốn trói gà đem bán, nhưng chủ nhà là Đỗ Phủ sợ gà đem bán sẽ bị làm thịt nên bảo mở gà ra. Hai bên đều có lẽ phải, nếu cãi nhau thì không bao giờ xong.

49 — THU ĐẠ DỮ HOÀNG GIANG NGUYỄN NHƯỢC THỦY ĐỒNG PHÚ

Hồng diệp đôi dinh trúc ửng môn,
Mãn giai minh nguyệt quá hoàng hôn.
Cửu tiêu thanh lộ tam canh thấp,
Tứ bích hàn cùng triệt dạ huyền.
Tiên lại ngữ thu kinh thảo mộc,
Ngọc thẳng đê hán chuyển kiên khôn.
Cao trai độc tọa hồn vô mị,
Hảo bả tân thi hương chí luân.

DỊCH NGHĨA

ĐÊM THU CÙNG HOÀNG GIANG NGUYỄN NHƯỢC THỦY LÀM THƠ

Lá đỏ chất đống trong sân, trúc bao bọc trước cửa,
Qua buổi hoàng hôn đầy thềm trăng sáng.

*Từ chín tầng mây rơi xuống, hạt móc trong ướt át ba
 canh,
 Dưới bốn bức vách, dế sâu rết mướt kêu rộn suốt đêm.
 Sáo tiên (1) báo hiệu mùa thu làm kinh động cỏ cây,
 Sao Ngọc thẳng (2) hạ thấp gần sông Ngân hàn, chuyển
 cả trời đất.
 Một mình ngồi chốn thư phòng không chớp mắt được
 chút nào,
 Đem câu thơ mới hướng vào chỉ mình mà nói.*

DỊCH THƠ

Sân đầy lá, trúc giăng ngoài cửa,
 Qua hoàng hôn trắng tỏ đầy thềm.
 Ba canh nặng giọt sương đêm,
 Dế sâu kêu rết vang lên bốn tường.
 Sáo thu thổi cỏ thương cây sợ,
 Chuyển đất trời nghiêng dải sông Ngân.
 Mắt căng không nhắm, trở trăn,
 Đem câu thơ mới nói lên chỉ mình.

CHÚ THÍCH

(1) Hai chữ « sáo tiên » dịch ở chữ « tiên lại » ra. Trời thu gió thổi vi vu, tác giả cảm thấy như tiếng sáo thổi trên không, tiếng đó là tiếng thu.

(2) *Ngọc thẳng*: Sợi dây ngọc, và cũng là tên ngôi sao. Khi sao Ngọc thẳng hạ thấp gần sông Ngân hà là lúc đêm đã khuya.

50 — VỌNG DOANH (1)

Vọng doanh đầu mộ hệ ngâm thuyền,
 Thi cảnh liêu nhân văn hứng khiên.
 Dục-thúy vũ tình phong tự ngọc,
 Đại-an trào trướng thủy như thiên.
 Y y viễn thụ thanh yên lý,
 Điều điều bình sa bạch điều tiền.
 Tam thập niên tiền hồ hải thú,
 Tư du kỳ tuyết thẳng Tô tiên. (2)

DỊCH NGHĨA

NGẮM BIỂN

*Ngắm biển, chạng vạng buộc chiếc thuyền ngắm,
Cảnh thơ khêu người, cái hứng chiều hôm lồi cuốn.
Núi Dục-thủy lạnh mưa, ngọn núi như ngọc,
Cửa Đại-an triều dấy, nước (lớn) ngang trời.
Chòm cây xa xa mờ nhạt trong đám khói xanh,
Bãi cát bát ngát trước bầy chim trắng.
(Nhớ lại) cái thú biển hồ ba chục năm trước đây,
Chuyến đi chơi này tuyệt vời (còn) hơn cả vị tiên họ Tô.*

DỊCH THƠ

Chiều tà, ngắm biển buộc thuyền chơi,
Phong cảnh nên thơ quyến rũ người.
Dục-thủy mưa tan, non tựa ngọc,
Đại-an trào lớn, nước ngang trời.
Trước bầy chim trắng mông mênh cát,
Trong đám cây xa thấp thoáng hơi.
Ba chục năm xưa hồ hải thú,
Chơi này Tô tử phải nhường ai.

CHÚ THÍCH

(1) Có ý kiến cho rằng *Vọng-doanh* là tên một huyện (sau đổi là Phong-doanh) thuộc trấn Sơn-nam hồi xưa, giáp trấn Thanh-hóa (Theo lịch triều hiến chương loại chí tập I — Viện Sử học — 1960).

Do đó đầu đề bài này nên dịch là: «*Đi chơi đất Vọng-doanh*», còn câu thứ nhất nên dịch nghĩa là:

Buổi chiều tối đến đất Vọng-doanh, buộc chiếc thuyền thơ lại.

(2) *Tô tiên* tức Tô Đông Pha, một đại văn hào nhà Tống, đêm trăng cùng bạn chơi thuyền trên sông Xích-bích, uống rượu làm thơ.

51 — QUÁ THẦN PHÙ HẢI KHẨU⁽¹⁾

Thần phù hải khẩu dạ trung qua,
Nại thử phong thanh nguyệt bạch hà?
Giáp ngạn thiên phong bãi ngọc duẩn,
Trung lưu nhất thủy tàu thanh xà.

Giang sơn như tạc anh hùng thế,
Thiên địa vô tình sự biến đa.
Hồ Việt nhất gia kim hạnh đồ,
Tứ minh từng thử tức kinh ba.

DỊCH NGHĨA

QUA CỬA BÈ THẦN PHÙ

Ban đêm, qua cửa bè Thần-phù,
Trăng thanh gió mát biết làm sao đây?
Ngàn ngọn núi sát bờ bày ra như mặng ngọc,
Một dòng nước ở giữa chảy (nguồn ngoè) như con rắn xanh.
Non sông vẫn như trước (mà) anh hùng thì đã qua rồi,
Trời đất (xem ra) vô tình, (cho nên) biển cổ xảy ra nhiều!
(Cảnh tượng) Hồ Việt một nhà, nay may được thấy,
Bốn bề từ đây lặng bất sóng kinh.

DỊCH THƠ

Thần phù qua đó lúc đêm khuya,
Gió mát trăng thanh cảnh tuyệt kỳ.
Mặng ngọc nghìn đầu non dựng đứng,
Rắn xanh một dải nước quanh đi.
Giang sơn như cũ dẫu hào kiệt,
Trời đất vô tình lắm biến đi.
Hồ, Việt mừng nay về một cõi.
Biển khơi tắm ngọc bất im lý.⁽²⁾

NGUYÊN CHÚ

(1) Cửa Thần-phù ở huyện Nga-sơn (tỉnh Thanh-hóa). Nước sông từ thôn Chính-đại chảy xuống, hai bên bờ có nhiều núi đứng sừng, quanh co ra bề, cảnh trí rộng lớn, là một nơi danh thắng núi sông. (Cửa Thần-phù đã bồi lấp cạn từ thời hậu Lê, nay là cánh đồng bát ngát từ vùng Phát-diệm trở vào).

(2) Bản dịch thơ này là của Trúc Khê.

52— THẦN PHÙ HẢI KHAU

Cố quốc qui tâm lạc nhận biên,
Thu phong nhất điệp hải môn thuyền.
Kinh bồn lãng hống lời Nam Bắc;
Sóc ủng sơn liên ngọc hậu tiền.
Thiên địa đa tình khôi cự tâm,
Huân danh thử hội tướng đương niên.
Nhật tà ỷ trạo thương mang lập,
Nhiêm nhiêm hàn giang khởi mộ yên.

DỊCH NGHĨA

QUA CỬA BỀ THẦN PHÙ

*Lòng hướng về cố quốc bên cánh nhận sa,
Trong gió thu một con thuyền ở cửa biển như chiếc lá.
Sóng thét kinh phun như sấm dậy phương Nam
phương Bắc,
Núi liền giáo dựng như ngọc bày đằng trước đằng sau.
Trời đất đa tình mở ra biển lớn,
Hội công danh ấy nhớ lại năm xưa.
Bóng xế, dựa chèo đứng giữa vùng bát ngát,
Sông lạnh chảy lờ đờ, khói chiều bốc lên.*

DỊCH THƠ

Lòng quê bên cánh nhận sa,
Gió thu, một lá thuyền ra cửa này.
Sóng kinh sấm dậy đó đây,
Núi liền giáo dựng, ngọc bày trước sau.
Thợ trời khéo mở bề sâu,
Công danh một hội nhớ đâu năm nào.
Giữa dòng đứng tựa mái chèo,
Lờ đờ sông lạnh mây chiều dùn lên.

Cảng khẩu thịnh trào tạm hệ điều,
 Am am cách ngạn hưởng bồ lao.
 Thuyền song khách dạ tam canh vũ,
 Hải khúc thu phong thập trượng đào.
 Mô ngoại hư danh thân thị huyện,
 Mộng trung phù tục sự kham phao.
 Nhất sinh tập khí hồn như tạc,
 Bất vị ky sàu tổn cự hào.

DỊCH NGHĨA

ĐÊM ĐẬU THUYỀN Ở LÂM-CẢNG

*Nghe thủy trào ở cửa biển, tạm buộc con thuyền,
 Văng vẳng ở cách bờ, tiếng chuông vang lại.
 Cửa sỏ thuyền, đêm đất khách trận mưa ba canh,
 Eo biển thổi gió thu, sóng cao mười trượng.
 Hư danh để ngoài lòng (vì) tấm thân là ảo,
 Niềm tục trong chiêm bao là việc đáng bỏ đi.
 Thói quen một đời vẫn nguyên như trước,
 Không vì mối sàu vẫn vương mà giảm sút cái hào khí cũ.*

54 — HẢI KHẨU DẠ BẠC HỮU CẢM I

Hồ hải niên lai hứng vị lan,
 Kiền khôn đảo xứ giác tâm khoan.
 Nhãn biên xuân sắc huân nhân túy,
 Chằm thượng trào thanh nhập mộng hàn.
 Tuế nguyệt vô tình song mấn bạch,
 Quân thân tại niệm thốn tâm đan.
 Nhất sinh sự nghiệp thù kham tiếu,
 Doanh đắc phù danh lạc thế gian.

DỊCH NGHĨA

ĐÊM ĐẬU THUYỀN Ở CỬA BÈ
CÓ SỰ XÚC CẢM (bài I)

Mấy năm nay cái hứng hồ hải chưa tàn,
Trong kiền khôn đến đâu cũng thấy lòng ta khoan khoái.
Sắc xuân bên con mắt hun lòng người say sưa,
Tiếng triều trên gối, đưa vào chiêm bao lạnh lẽo.
Năm tháng vô tình, đôi mái tóc (đã) trắng xóa,
Quân thân ghi dạ, tức lòng vẫn như son.
Sự nghiệp cả một đời thật đáng buồn cười,
Giành được chút phù danh rơi xuống thế gian.

55 — HẢI KHẨU DẠ BẠC HỮU CẢM II

Nhất biệt giang hồ số thập niên,
Hải môn kim tịch hệ ngâm thuyền.
Ba tâm hạo diếu thương châu nguyệt,
Thụ ảnh sâm si phổ tự yên.
Vãng sự nan tầm thời dĩ quá,
Quốc ân vị báo lão kham liên.
Bình sinh độc bão tiên ưu niệm, (1)
Tọa ửng hàn khâm dạ bất miên.

DỊCH NGHĨA

ĐÊM ĐẬU THUYỀN Ở CỬA BÈ
CÓ SỰ XÚC CẢM (bài II)

Từ giã giang hồ đã vài chục năm,
Hôm nay buộc chiếc thuyền thơ ở cửa biển.
Trăng soi xuống bến, đáy nước mênh mông,
Khói lồng bên cửa sông, bóng cây so le.
Việc xưa khó tìm (vì) thời đã qua rồi,
Ơn nước chưa đền, tuổi già lại càng đáng thương.
Bình sinh riêng ôm tấm lòng « tiên ưu »,
Ngồi quàng mảnh chấn lạnh, đêm không ngủ được.

DỊCH THƠ

Từ già giang hồ mấy chục niên,
Hôm nay cửa bể lại găm thuyền.
Mênh mông làn sóng, bờ trắng dọi,
Thừa thớt chòm cây, bến khói lên.
Việc trước khôn tìm thời đã quá,
Ơn vua chưa giả lão thêm phiền.
Suốt đời ôm nỗi « tiên ưu » mãi,
Đêm lạnh quảng chấn ngủ chẳng yên.

CHÚ THÍCH

(1) *Tiên ưu* : lo trước. Phạm Trọng Yêm người đời Tống ở Trung-quốc có nói : người quân tử lo trước khi thiên hạ chưa lo, vui sau khi thiên hạ đều vui.

56 — LONG-ĐẠI NHAM

Khứ niên hồ huyết ngã tăng khuy, (1)
Long-đại kim quan thạch quật kỳ.
Ngao phụ xuất sơn sơn hữu động,
Kình du tắc hải hải vi tri.
Hồ trung nhật nguyệt thiên nan lão, (2)
Thế thượng anh hùng thử nhất thi.
Lê, Phạm phong lưu ta tiệm viễn, (3)
Thanh đài bán thực bích gian thi.

DỊCH NGHĨA

NÚI LONG-ĐẠI

Năm kia ta đã từng dòm hang hùm,
Nay xem « Núi Rồng », có hang đá rất lạ.
Cá ngao đội núi nổi lên, núi có động,
Cá kình bơi lội lấp bể, bể làm ao.
Ngày tháng trong bầu, trời (cũng) khó mà già được,
Anh hùng trên đời chỉ có một thời (đó thôi).
Tiếng tăm của Lê, Phạm, than ôi đã dần dần xa vắng,
Rêu xanh phần nửa đã ăn lấn bãi thơ trên vách đá!

DỊCH THƠ

Năm xưa mình đã dòm hang cọt,
Nay ngó non Rồng cảnh lạ sao.
Ngao nổi đội non, non có động,
Kinh bơi lấp biển, biển thành ao.
Trong bầu ngày tháng còn vui mãi,
Một thuở anh hùng trở lại đầu!
Lê, Phạm phong lưu ôi đã vắng,
Thơ dề vách đá nửa xanh rêu!

NGUYÊN CHÚ :

Long-dại là tên hòn núi ở Thanh-hoa, có sông Thanh-giang chạy ngang phía trước, có Hồng cừ chảy vòng phía sau, trong sách An nam chí có ghi rõ.

CHÚ THÍCH

(1) Ban Siêu tướng nhà Hán nói: *bất nhập hồ huyết yên đắc hồ tử* (không vào hang hùm thì sao bắt được con con hùm). Câu này tác giả nói mình đã từng xông pha vào nơi nguy hiểm.

(2) *Hồ trung nhật nguyệt*: Ngày tháng ở trong cái bầu. Hồ công bán thuốc ở chợ Tràng-an, ông có cái bầu treo đầu chợ, cứ tối đến thì chui vào bầu ngủ; Phi Trường Phòng thấy thế lấy làm lạ, xin được chui vào cùng. Hồ công ưng thuận. Khi vào trong bầu, Trường Phòng thấy lâu đài tráng lệ, kinh ngạc nói: « Ở đây có trời đất riêng ư? » liền đi theo Hồ công học đạo.

(3) *Lê, Phạm*: tức Lê Quát và Phạm sư Mạnh, hai bậc danh nho đời Trần, thời bấy giờ người ta gọi là Lê — Phạm. Quê Lê Quát ở gần núi Long-dại.

57 — THỨ VẬN TRẦN THƯỢNG THƯ ĐỀ NGUYỄN BỐ CHÁNH THẢO ĐƯỜNG (1)

Nhất tâm báo quốc thượng hoàn hoàn,
Tiểu cấu mao đình thả tự khoan.
Vi sảng (2) thoái qui hoa ảnh chuyển,
Kim môn (3) mộng giác lậu thanh tàn.
Cầm thư nhả thú chân kham thượng,
Tùng cúc hoan minh diệc vị hàn.
Hậu lạc tướng tri chung hữu ý,
Hảo tương sự nghiệp bách niên khan.

DỊCH NGHĨA

HỌA VAN (bài thơ) CỦA THƯỢNG THƯ HỌ TRAN
ĐỀ NHÀ TRANH CỦA BỐ CHÁNH HỌ NGUYỄN

Đền nợ nước tấm lòng còn hăng hái,
Dựng cái đình nhỏ bằng tranh, hãy tạm cho mình
khoan thai.

Từ vi sánh lui về, bóng hoa đã chuyển,
Chốn Kim-môn tỉnh giấc, đồng hồ đã điểm canh tàn.
Cái thú đàn sách thanh nhã, thật cũng đáng chuộng,
Lời thề vui chơi với cây tùng khóm cúc cũng chưa hề
nguội lạnh.

Thiêt tưởng «vui sau thiên hạ» rút cuộc (ông cũng) có
cái ý nghĩ đó,
Rất nên đặt cái sự nghiệp (của mình) về mặt «trăm năm»
mà xem.

DỊCH THƠ

Báo đền nợ nước còn hăng hái,
Vui dựng nhà tranh tạm mấy gian.
Vi sánh lui về khi bóng chuyển,
Kim môn tỉnh mộng lúc canh tàn.
Sách đàn thú cũ còn vương nợ,
Tùng cúc duyên xưa chữa lạnh nguyên.
Vui hưởng sau đời nhiều ý vị,
Trăm năm sự nghiệp hãy nhìn xem !

CHÚ THÍCH

(1) *Bố chánh*: Không như chức bố chính ở triều Nguyễn. Từ đời nhà Lê trở lên, nước ta không đặt chức bố chánh, chỉ từ thời thuộc Minh mới có ty bố chánh trông nom việc đình điền thuế khóa.

(2) *Vi sánh*: Nhà Minh gọi ty bố chánh là «Vi sánh», vi sánh thành một loại biệt ngữ, chỉ chức bố chánh.

(3) *Kim-môn*: Cửa vàng, cũng gọi là *Kim-mã môn*. Đời Vũ đế nhà Hán khiến các học sĩ đợi chiếu chỉ ở cửa Kim mã (ngựa vàng).

58 — ĐOAN NGỌ NHẬT (1)

Thiên trung (2) cộng hỉ trị giai thần,
Tửu phiếm xương bồ tiết vật tân.
Tiến thiếp đương niên tư Vĩnh Thúc, (3)
Trầm Tương đề sự thán Linh quân. (4)
Tịch tà bất dụng ty triền ti,
Tùy tục liêu vi ngải kết nhân.
Nguyện bả lan thang phân tứ hải,
Tùng kim tảo tuyết cự ô dân.

DỊCH NGHĨA

NGÀY TẾT ĐOAN NGỌ

*Mừng chung gặp ngày lành thiên trung,
Rượu ngâm cỏ xương bồ là thức mới để ăn tết.
Nhớ lại năm xưa Vĩnh Thúc dâng tờ thiếp lên vua,
Việc trầm mình sông Tương luống thương tiếc Linh quân!
Trừ tà không cần lấy chỉ ngũ sắc buộc vào cánh tay;
Theo thói quen hãy lấy lá ngải kết làm hình người.
Muốn đem nước cỏ lan chia cho bốn bể,
Từ nay gột rửa cho những người còn nhớ nhớp cũ!*

CHÚ THÍCH

(1) Tết Đoan ngọ vào ngày mồng năm tháng năm âm lịch. Đời xưa, trong ngày ấy người ta lấy cỏ xương bồ ngâm rượu, cho trẻ em buộc chỉ ngũ sắc vào tay, lấy lá ngải cứu kết hình người treo trước cửa và nấu nước cỏ lan để tắm, những việc làm ấy họ đều cho là có thể trừ tà khí.

(2) Tiết đoan ngọ cũng gọi là tiết *thiên-trung*.

(3) *Vĩnh Thúc*, tức Âu Dương Tu, một đại văn hào và cũng là một trung thần đời Tống, ngày đoan ngọ ông có dâng thiếp tử (một bản tấu ngắn) lên vua Nhân-tông.

(4) *Linh quân* tức Khuất Nguyên, người nước Sở đời Chiến quốc, một vị trung thần và là một đại thi nhân, vua Sở nghe lời dèm pha, đày ông đi Giang-nam, ông uất phẫn, ngày mồng năm tháng năm nhảy xuống sông Mịch-la (một dòng sông chảy vào sông Tương) mà chết.

59 — THU NHẬT NGẪU THÀNH

Tiêu tiêu truy diệp hưởng đình cao,
Bệnh cốt tài tô khí chuyển hào.
Thiên địa tư văn tùng cổ trọng,
Hồ sơn thanh hứng nhập thu cao.

Kính trung bạch phát giai nhân lão,
Thân ngoại phù danh mạn nhĩ lao.
Diễn tưởng cố viên tam kính cúc,
Mộng hồn dạ dạ thương qui điều.

DỊCH NGHĨA

NGÀY MÙA THU NGẦU THÀNH

*Lá rụng lao xao vang ngoài mé sân,
Mới ốm dậy chi khi liền hăng hái ngay.
Nền tư vấn trong trời đất, từ xưa vốn trọng,
Hừng thanh nhã trong cảnh núi hồ, vào mùa thu lạ
càng cao.*

*Tóc bạc trong gương, theo người cùng già,
Phù danh ở ngoài tấm thân, mặc các người theo đuổi.
Mơ mòng đến ba luống cúc nơi vườn cũ,
Hồn chiêm bao đêm đêm lên chiếc thuyền thoi đi về.*

DỊCH THƠ

Ngoài mé sân lao xao lá rụng,
Bệnh vừa lành khi cũng hăng ngay.
Đất trời vẫn trọng xưa nay,
Núi, hồ thu đến hừng này càng cao.
Tóc trong gương già theo người đến,
Đeo phù danh thêm bận mà chi.
Nhớ ba luống cúc vườn quê,
Hồn mơ lên chiếc thuyền về đêm đêm.

60 — MẠN HỨNG I

Thế lộ sa đà tuyết thượng điền,
Nhất sinh lạc phách cánh kham liên.
Nhi tôn chủng phúc lưu tâm địa,
Ngư điều vong tình lạc tinh thiên. (1)
Tảo tuyết chữ trà hiên trúc hạ,
Phần hương đối án ở mai biên.
Cố sơn tạc dạ triển thanh mộng,
Nguyệt mãn bình than tửu mãn thuyền.

DỊCH NGHĨA

MẠN HỨNG (bài 1)

*Đường đời khắp khênh như núi trên tuyết,
Một kiếp long đong càng đáng thương.
Giữ lấy tâm địa lam chổ trông cây phúc cho con cháu,
Vui với cái tình trời phú mà « quên tình » như chim cá.
Quét đống tuyết, nấu ấm trà dưới hiên trúc,
Đốt hương, ngồi đối mặt với án thư bên ụ mai.
Núi cũ, đêm qua vẫn vương giấc mộng thanh,
Trăng vàng đầy bến, rượu đầy thuyền.*

DỊCH THƠ

Đường đời bấp bênh non trên tuyết,
Đời người long đong khôn nói xiết.
Vun trồng cây phúc để mai sau,
Vui như chim cá, « tình » quên hết.
Quét tuyết đun trà dưới trúc hiên,
Đốt hương bên ụ mai thanh khiết.
Đêm qua mơ về thăm cố hương,
Rượu ngon đầy thuyền, bến đầy nguyệt.

CHÚ THÍCH

(1) *Vong tình*: quên tình, tức là quên cả mừng, giận, thương, vui...
mà cứ thân nhiên như là không có gì xảy ra.

61 — MẠN HỨNG II

Cửu vạn đoàn phong ký tích tăng,
Đương niên thác tử bắc minh bằng.
Hư danh tự thân thành cơ đầu, (1)
Hậu học thù tương tác chuẩn thẳng.
Nhất phiến đan tâm chân hống hỏa, (2)
Thập niên thanh chức ngọc hồ băng. (3)
Ưu du thả phục ngôn dư hiếu,
Phủ ngưỡng tùy nhân tạ bất năng.

DỊCH NGHĨA

MẠN HÙNG (bài II)

Vượt gió lên chín vạn dặm, nhớ xưa đã từng,
Lúc bấy giờ làm vi (mình như) chim đại bàng biển Bắc.
(Được) cái hư danh than (mình) như sao Cơ sao Đẩu,
Sau này học giả ai sẽ (lấy ta) làm cái mực cái thước.
Một tấm lòng son như lửa luyện đơn bằng thủy ngân,
Mười năm thanh chức như mảnh giá trong bình ngọc.
Đứng đỉnh thung thặng hãy lại nói lên điều ta ưa thích,
Ngẩng lên cúi xuống theo người đời, xin từ chối không
sao làm được.

DỊCH THƠ

Từng cơn gió vẩy vũng vạn lý,
Năm xưa ta làm vi chim bàng.
«Đẩu, Cơ» danh hào mà thương,
Ai làm mực thước cho làng hậu nho!
Lòng son rực như lò luyện thủy,
Tuyết băng trong xuất sĩ mười năm.
Ung dung, nói hương ta nhằm,
Vào luôn ra cúi rằng can bất tài!

CHÚ THÍCH

(1) *Cơ Đẩu*: Sao Cơ, hình như cái nĩa, mà không được dùng để sàng sảy; sao Đẩu, hình như cái dấu, mà không được dùng để rọi tương. Ý nói mình có tài mà không được đặc dụng.

(2) *Hống hỏa*: Xưa nhà tu tiên luyện thuốc trường sinh, lấy thủy ngân (hống) và châu sa mà nấu hàng năm mới thành.

(3) *Thanh chức*: Chức quan nhàn tản không bận rộn gì lắm.

62 — MẠN HÙNG III

Ô, thỏ thông thông vãn bất lưu,
Hồi đầu vạn sự tống nghi hưu.
Không hoa huyễn nhãn miên tiêu lộc, (1)
Tục cảnh kinh tâm suyễn nguyệt ngư. (2)

Oải ốc thê thân kham độ lão,
Thương sinh tại niệm độc tiên ưu.
Bành thương tang cốc đô hưu luận,
Cổ vãng kim lai lạc nhất khuru.

DỊCH NGHĨA

MẠN HƯNG (bài III)

Vàng ó bóng thỏ đi vội vàng không niu lại được,
Quay đầu (nhìn lại) muốn việc thấy nên bỏ qua.
Cảnh « hoa hư không » chói mắt như câu chuyện hươu
giấu trong khóm chuối,
Cõi tục ghê lòng như trâu suyền khi thấy trăng lên.
Nương thân dưới mái nhà úp xúp có thể qua lúc tuổi già,
(Song) nghĩ đến dân, một mình cứ lo trước thiên hạ.
Sống lâu, chết non, chẳng ở, con đời, đều chẳng cần phải
bàn đến,
Xưa qua nay lại, như con cáo ở trong một cái gò.

CHÚ THÍCH

(1) Sách *Liệt tử* nói: Xưa người nước Trịnh hái củi ngoài đồng, đánh chết con hươu, đem giấu dưới lá chuối. Một chốc quên mất chỗ giấu, bèn cho là câu chuyện chiêm bao.

(2) Mãn Phấn đời Tấn nói: Trâu ở miền Giang, Hoài tính sợ nắng, thấy mặt trăng sợ là mặt trời nên thỏ mạnh.

Hai câu này ý nói ở đời nhiều việc hão huyền.

63 — MẠN HƯNG IV

Phác tán thuần li, thánh đạo nhân,
Ngô nho sự nghiệp yếu vô văn.
Phùng thì bất tác Thương-nham vũ, (1)
Thoái lão tư canh Cốc-khâu vân. (2)
Mỗi thán bách niên đồng quá khách,
Hà tặng nhất phạn nhân vong quân.
« Nhân sinh thức tự đa ưu hoạn »,
Pha lão tặng vân ngã diệc vân. (3)

MẠN HỨNG (bài IV)

(Thói) mọc mọc tan đi, (thói) thuận hậu phai lạt, đạo
thánh (đến lúc) lu mờ,
Sự nghiệp nhà nho ta vắng lặng, không còn nghe thấy
gì nữa.

Lúc gặp thời không làm được trận mưa ở núi nhà Thương,
Khi về già nghĩ đến việc cày mây ở đầu Cốc-khâu.
Thường than thở (đời người) trăm năm cũng chỉ như
khách qua đường,
Chưa từng có khi nào trong một bữa cơm (mà) nỡ quên
vua.

«Người đời vì biết chữ cho nên nhiều điều lo sợ»,
Tô Đông Pha từng nói thế, ta cũng nói thế.

CHÚ THÍCH

(1) *Thương-nham*: Núi Phó-nham nhà Thương. Phó Duyệt đời nhà Thương làm nghề đắp tường đất ở núi Phó-nham, sau được làm tướng giúp vua Cao tông. Nhà vua nói: «N như trời hạn dùng người để làm mưa», ý nói giúp nước trong khi khó khăn.

(2) *Cốc-khâu*: Trịnh tử Châu, người đời Hán Thành đế, ở ẩn tại Cốc-khâu, lo sửa mình vui đạo, tiếng giỏi đồn đến kinh đô. Đại tướng Vương Phương đem lễ đến đón mời, ông không chịu ra.

(3) *Pha lão*: tức Tô Đông Pha, một nhà văn hào đời Tống. Câu thơ thứ 7 nhắc lại lời nói của Tô Đông Pha.

64 — MẠN HỨNG V

Tiểu viện âm âm thạch kính tà,
Tiêu nhiên hoạn hưởng tự tăng gia.
Quan tinh dị khiếp thương cung điều,
Mộ ảnh nan lưu phó hác xà.
Mộng giác cố viên tam kính cục,
Tâm thanh hoạt thủy nhất âu trà.
Hồi đầu lục thập niên tiền sự,
Song mấn tinh tinh lưỡng nhãn hoa.

DỊCH NGHĨA

MẠN HƯNG (bài V)

Viện nhỏ mờ mờ, đường núi đá chénh chéch,
Cảnh hưởng làm quan tiêu sơ giống cảnh nhà sư.
Trong chốn quan trường, nổi lòng khiếp sợ như chim
phải cung,
Bóng chiều bằng láng khó mà giữ được như con rắn đang
xuống hố.
Tĩnh mộng, ba luống cúc trong vườn cũ,
Sạch lòng, một ấm trà bằng nước suối.
Ngoài nhìn việc sáu chục năm trước,
(Bây giờ) hai mái tóc lốm đốm, đôi mắt đã hoa.

65 — HẠ NHẬT MẠN THÀNH

Truyền gia cựu nghiệp chỉ thanh chiên, (1)
Ly loạn như kim mệnh cầu tuyền.
Phù thế bách niên chân tự mộng,
Nhân sinh vạn sự tổng quan thiên.
Nhất hồ bạch tửu tiêu trần lự,
Bán tháp thanh phong tức ngộ miên.
Duy hữu cố sơn tâm vị đoạn,
Hà thời kết ốc hương mai biên.

DỊCH NGHĨA

NGÀY HÈ MẠN HƯNG

Nghiệp cũ của nhà truyền lại chỉ có lấm chiên xanh,
Qua loạn ly đến nay tính mạng may được toàn vẹn.
Cõi phù thế trăm năm thật như giấc mộng,
Đời người ta, muôn việc đều là bởi trời.
Một bầu rượu trắng tiêu tan nổi lo trần tục,
Nửa giường gió mát đủ cho giấc ngủ trưa (ngon).
Chỉ có non xưa lòng chưa dứt được,
Bao giờ đến bên cây mai dựng nhà?

DỊCH THƠ

Nghiệp nhà truyền « chiên xanh » một bức,
Sau loạn ly sống được là may.
Phù sinh như mộng ngàn thay,
Đời người muôn sự do tay trời già !
Rượu một bầu tiêu ma trần lự,
Gió nửa giường giấc ngủ trưa ngon.
Lòng về núi cũ, chưa mòn,
Bên mai dựng mái nhà con, bao giờ ?

CHÚ THÍCH

(1) *Thanh chiên* : tấm chiên xanh. Theo sách *Thế thuyết* : một đêm có tụi kẻ cướp vào nhà Vương Hiến Chi lục lọi. Vương bảo chúng : « Chúng bay muốn lấy gì cứ lấy, riêng có tấm chiên xanh là vật cũ của ông cha ta để lại, phải để lại cho ta ». Tụi kẻ cướp lấy sạch đồ vật, chỉ còn để lại cho Vương tấm chiên xanh. Câu thơ này dẫn điển ấy là có ý nói nếp sinh hoạt của nhà nho vốn thanh bạch.

66 — MẠN THÀNH I

Thanh niên phương dự ái nho lâm,
Lão khứ hư danh phó mộng tầm.
Trượng sách hà từng qui Hán thất, (1)
Bão cầm không tự tháo Nam âm. (2)
Trọng Ni tam nguyệt vô quân niệm, (3)
Mạnh tử cô thần lự hoạn tâm. (4)
Đẫn hỉ cung cơ tồn cự nghiệp, (5)
Truyền gia hà dụng mẫn doanh cầm (kim). (6)

DỊCH NGHĨA

MẠN THÀNH (bài 1)

Hồi tuổi xanh, tiếng thom (đã) sức nức trong rừng nho,
Già rồi, cái danh suông để mặc cho chiêm bao đi lìm.
Chống roi ngựa làm gậy biết đi đường nào về với nhà
Hán,
Ôm đàn cầm luống những gậy âm điệu phương Nam!

Nỗi niềm « ba tháng không vua » của Trọng Ni!
Tấm lòng « cô thần lo hoạn nạn » của Mạnh tử!
Những mình làm cung làm nia giữ được nghiệp cũ,
Để lại (cho con cháu) trong nhà cần chi phải vàng đầy
rương.

DỊCH THƠ

Thuở thanh xuân rừng nho sức nức,
Già, danh sông tim giấc chiêm bao.
Chống roi dâu thấy Hán triều,
Ôm đờn luống những phở vào Nam âm.
Xa vắng vua, nỗi niềm Khổng thánh,
Lo nguy nan, thầy Mạnh cô thần!
« Cung cơ » giữ nếp tiền nhân,
Cần chi vàng chứa đầy ăm ắp hòm!

CHÚ THÍCH

(1) *Trọng sách* : chống roi ngựa. Đặng Vũ chống roi ngựa làm gậy đi tìm vua Quang Võ nhà Đông Hán, sau làm công thần bậc nhất.

(2) *Nam âm* : âm điệu phương Nam. Chung Nghi người nước Sở bị người nước Trịnh bắt được hiến cho nước Tấn, vua Tấn hỏi Chung Nghi có biết nhạc không, Nghi nói có biết, liền bảo, đưa cho cái đàn cầm, Chung Nghi cầm đàn gảy điệu Nam âm tỏ ý nhớ nước Sở (ở về phương Nam).

(3) Khổng tử muốn hành đạo giúp dân, ba tháng không thờ vua thì trong lòng không yên.

(4) Mạnh tử nói : Cô thần (người tôi cô đơn không được vua yêu) nghiệp tử (con vợ thứ), cầm lòng cần thận, lo hoạn nạn một cách sâu sắc cho nên thông suốt việc đời.

(5) *Cung cơ* là cung và nia, ý nói con cháu làm theo nghiệp cha ông, như con người thợ làm cung giỏi thì tập làm vành nia (vành nia cong như cung).

(6) Tục ngữ Trung-quốc có câu : Để vàng cho con đầy rương, không bằng dạy cho con một quyển sách.

67 — MẠN THÀNH II

Nhãn trung phù thế tổng phù vân,
Oa giốc kinh khan nhật Tấn Tần. (1)
Thiên hoặc táng tư tri hữu mệnh,
Bang như hữu đạo diệc tu bản.

Trần Bình tự tin năng vi tề, (2)
Đỗ Phủ duy linh dĩ ngộ thân. (3)
Thế sự bất tri hà nhật liễu,
Biển chu qui điệu Ngũ-hồ xuân. (4)

DỊCH NGHĨA

MẠN THÀNH (bài II)

*Trong con mắt, cuộc đời trôi nổi thấy là đám mây trời nổi,
Trên sừng sên, kinh hãi nước Tấn nước Tần ngày ngày
đánh nhau.
Trời kia hoặc làm mất nền « tư vấn » thì cũng biết đó là
định mệnh,
Nước nhà nếu quả là có đạo thì cũng đáng xấu hổ cho
cảnh nghèo.
Trần Bình, tự tin (có đủ tài) làm tể tướng,
Đỗ Phủ chỉ thương cho mình đã mang lụy vào thân.
Việc đời chả biết bao giờ xong,
(Hầy) đi chuyển thuyền con về câu cái xuân của Ngũ-hồ.*

CHÚ THÍCH

(1) *Oa giốc* (hay *oa giác*): sừng con sên. *Trang tử ngụ ngôn*: Hai bên sừng con sên có hai nước là *Man thị* và *Xúc thị*, giành đất đánh nhau luôn.

(2) *Trần Bình* tướng của vua Hán Cao tổ, lúc trẻ trong làng có lễ tế xã, Bình coi việc chia thịt rất đều, được phụ lão khen. Bình nói: « Ôi, nếu tôi được làm tể tướng, xử việc thiên hạ cũng cần đối như chia đồng thịt này. »

(3) *Thơ Đỗ Phủ* có câu: *Nho quan đa ngộ thân*, nghĩa là: ăn mặc cách nhà nho nhiều khi lụy mình. Ý nói mình theo đạo nho không hợp với người đời.

(4) *Ngũ hồ*: năm hồ, gợi ý đi chơi ngắm phong cảnh như Phạm Lãi thời Xuân thu đi chơi Ngũ hồ sau khi đã giúp Câu Tiễn nước Việt đánh bại nước Ngô, khôi phục lại đất nước.

68 — MẠN THÀNH III

Bác-sơn hương tần ngộ song hư, (1)
Lãn tính từng lai ái tác cư.
Gia hữu cầm thư nhi bối lạc,
Môn vô xa mã cố nhân sơ.

Tê diêm tùy phân an hành bi; (2)
Hồ hải thê thân ức điệu ngư.
Dữ thế tiệm sơ đầu hương bạch,
Đông-sơn nhật nhật phú qui dư. (3)

DỊCH NGHĨA

MẠN THÀNH (bài III)

Lò hương Bắc-sơn đã tàn, cửa sổ giữa trưa trống trải,
Tinh lười từ trước đến nay cứ thích ở riêng lẻ.
Nhà có đàn, sách, lũ trẻ vui thích,
Cửa không xe, ngựa, bạn cũ cũng thưa.
Dưa, muối lượm phân, yên tâm với « cửa ngang và nước
suối »,
Nương thân biển, hồ, nhớ thú câu cá và đánh chài.
Với cuộc đời xa dần mà đầu cũng muốn bạc,
Núi Đông-sơn, hàng ngày ngâm câu: « Về đi thôi ».

DỊCH THƠ

Lư Bắc-sơn hương tàn cửa trống,
Nhác xưa nay ư sống cô đơn.
Trẻ con vui có sách đàn,
Bạn thưa, vì cửa không còn ngựa xe.
Dưa muối quen yên bề « hành bi »,
Nhớ biển hồ thích chi chài câu.
Xa đời, sương cũng nhuộm đầu,
« Đông-sơn » ngày vịnh ngâm câu đi về.

CHÚ THÍCH

(1) *Bắc-sơn*: Sách *Khảo cổ đồ chép*: Cái lư hương hình dạng giống hòn núi Bắc-sơn ở ngoài biển. Dưới lư hương đựng nước nóng nấu bằng các chất thơm, hương xông nghi ngút như hòn núi trong biển bốc hơi.

(2) *Hành bi*: Cửa ngang và nước suối. Nói nhà nghèo, không làm nổi cái cổng cho đẹp mắt mà phải chôn hai cái cột rồi lấy cành cây bắc ngang lên trên làm thành cái khung cổng sơ sài. *Kinh thi* có câu: *Hành môn chi hạ, khả dĩ thê trì* (dưới cổng ngang có thể nương náu) và *Bí thủy dương dương khả dĩ lạc cơ* (nước suối tràn trề, có thể quên đời). Ý nói cảnh sống tuy thanh đạm nhưng vẫn vui vẻ không lo lắng.

(3) *Đông-sơn*: Tên núi ở Chiết-giang, nơi ở ẩn của Tạ An nhà Tấn.

69 — NGẪU THÀNH

Hỷ đắc thân nhân quan hựu lãnh,
Bế môn tận nhật thiếu tương qua.
Mãn đường vân khí triều phần bách.
Nhiều chăm từng thanh dạ thược trà.
Tu kỹ dẫn tri vi thiện lạc,
Trí thân vị tất độc thư đa,
Bình sinh vu khoát chân ngô bệnh,
Vô thuật năng y lão cánh gia.

DỊCH NGHĨA

NGẪU THÀNH

*Mừng được thân nhân với một chức quan lãnh lẽo,
Đóng cửa suốt ngày ít người tới lui.
Buổi sáng đốt hương gỗ trắc bách, mây tỏa đầy nhà
Ban đêm đun nước pha trà, thông reo quanh gối.
Sửa mình chỉ biết làm điều lành là vui (hơn cả),
Hiền thân chưa hẳn là bởi đọc sách nhiều.
Suốt đời «viễn vọng», thật là cái bệnh của ta,
Không có cách gì chữa được, già lại càng thêm.*

DỊCH THƠ

Minh nhân mừng được quan không bận,
Đóng cửa thâu ngày khách vắng teo.
Đốt bách đầy nhà mây khói tỏa,
Quạt trà quanh gối gió thông reo.
Sửa mình chỉ biết làm lành thích,
Lên chức dẫu vì đọc sách nhiều.
Vu khoát suốt đời là bệnh tớ,
Già càng khó chữa biết làm sao!

70 — THÙ HỮU NHÂN KIẾN KÝ

Kiểu kiêu long nhượng vạn học chu,
An hành mỗi cụ phúc trung lưu.
Sự kham thể lệ phi ngôn thuyết,
Vận lạc phong ba khởi trí mưu.

Thân ngoại phù danh yên các quýnh,
Mộng trung hoa điều cố sơn u.
Ân cần kham tạ hương trung hữu,
Liêu bả tân thi tả ngã sâu.

DỊCH NGHĨA

BẠN GỬI CHO, ĐÁP LẠI

*Thuyền muôn học đồng dạy hiên ngang như rồng bước,
Đang đi yên ổn, mà vẫn sợ úp giữa dòng.
Việc đời đáng rơi nước mắt, không thể nói bằng lời được,
Vận hội rơi vào sóng gió há rằng (kém) trí mưu.
Chút phù danh ngoài thân, gác khỏi xa vời,
Hoa vời chim trong mộng, núi cũ thanh u.
An cần cảm tạ người bạn cố hương,
Hãy đem câu thơ mới tả nỗi sâu riêng.*

DỊCH THƠ

Thuyền lớn như rồng bay chầm chầm,
Đi yên thường lo dấp giữa dòng.
Lệ rơi khôn nhẽ nói năng,
Vận sa sóng gió há rằng trí mưu.
Phù danh đó, mịt mù gác khỏi,
Mơ hoa chim, hồn dôi quê hương.
Tạ lòng bạn cũ trong làng,
Giải sầu, ta gửi mấy hàng tân thi.

71 — HỌA HỮU NHÂN YÊN HÀ NGỤ HỨNG I

Bồng lai Nhược thủy yếu vô nha, (1)
Tục cảnh đề hồi phát bán hoa.
Vân ngoại cố cư không huệ trưởng,
Nguyệt trung thanh mộng nhiều sơn gia.
Tâm như dã hạc phi thiên tế,
Tịch tự chinh hồng đập tuyết sa. (2)
Nham huyết thê thân hà nhật thị,
Thiên môn hồi thủ ngữ vân xa. (3)

DỊCH NGHĨA

HỌA VĂN BÀI THƠ «YÊN HÀ NGỤ HỨNG»
CỦA NGƯỜI BẠN (bài I)

Non Bồng nước Nhược mịn mù không bờ bến,
Lần lữa cỏi tục, tóc đã hoa râm.
Nơi ở cũ ngoài mây, bỏ không trướng huệ,
Giấc mộng thanh đêm trắng, dạo quanh núi nhà.
Lòng như hạc nội bay trên tầng không,
Dấu tịa chim hồng dẫm lên trên bãi tuyết.
Ngày nào sẽ về nương thân nơi hang đá,
Ngoảnh lại cửa trời năm mây xa xa!

DỊCH THƠ

Bồng lai đâu thấy bến bờ,
Cỏi trần lần lữa, bạc phơ nửa đầu.
Ngoài mây trướng huệ quạnh hiu,
Đêm trắng mộng đẹp hồn theo quê nhà.
Lòng như hạc nội bay xa,
Hồng còn in dấu tuyết đã tro tro.
Về nương hang núi bao giờ?
Cửa trời ngoảnh lại, xa mờ năm mây!

CHÚ THÍCH

(1) *Bồng lai Nhược thủy* : Non Bồng nước Nhược. Tục truyền ngoài biển Đông có núi Bồng-lai, chung quanh là nước Nhược thủy, một thứ nước rất yếu, vớt cái lông ngỗng xuống cũng chìm. Người xưa cho chỗ đó chỉ có thần tiên mới đến được thôi.

(2) Tô Thức, một đại văn hào nhà Tống có mấy câu thơ : *Nhân sinh đảo xư tri hà tự? Ưng tự phi hồng đạp tuyết nê. Nê thượng ngẫu nhiên lưu chỉ thảo, hồng phi na phục kế đông tê* ». (Đời người ta giống như cái gì? Phải chăng như chim hồng dẫm chân lên bùn tuyết. Ngẫu nhiên trên bùn tuyết để lại vết chân, chim hồng bay nào kể chi đông tây).

(3) *Thiên môn* : Cửa trời, chỉ cung điện nhà vua.

Tiên thư sỗ quyền cự sinh nha,
 Cơ thực từng căn tước nhật hoa.
 Trúc hữu thiên can lan tục khách,
 Trần vô bán điểm đảo sơn gia.
 Dao giai hạc lệ song tà nguyệt,
 Điều chữ ngư hàn trạo các sa.
 Đồ giác hồ trung phong nguyệt hảo,
 Niên niên bất dụng nhất tiền xa.

DỊCH NGHĨA

HỌA VẪN BÀI THƠ «YÊN HÀ NGỰ HỨNG»
 CỦA NGƯỜI BẠN (bài II)

Sách tiên vài cuốn, thú sinh nhai cũ,
 Đói thì ăn rễ thông và nhá ánh sáng mặt trời.
 Trúc có nghìn cần, rào ngăn khách tục,
 Bụi không nửa điểm, đến được núi nhà.
 Thềm ngọc hạc kêu, cửa sỗ trắng chềch,
 Bến câu cá rét, mái chèo ghêch vào bãi cát.
 Chỉ biết gió trắng ở trong bầu là đẹp,
 Hàng năm không mất một đồng tiền nào mua.

DỊCH THƠ

Sách tiên vài cuốn sinh nha,
 Đói ăn rễ bách tinh hoa mặt trời.
 Trúc ngăn khách tục vãng lai,
 Núi nhà không chút bụi rơi lụy mình.
 Hạc kêu, cửa sỗ trắng chênh,
 Bến câu cá lạnh, thuyền dành năm khan.
 Một bầu trắng gió chứa chan,
 Hằng năm không mất đồng tiền nào mua.

Mao ốc tam gian đã thủy nha,
Thiếu niên bác lạc cự phân hoa (1).
Đắc an phận xứ nhưng tùy phận,
Vị xuất gia thời thả trú gia.
Hạm lý vân sơn vô sủng nhục (2),
Thành trung hiên miện tổng trần sa.
Cát ông (3) nhất khứ kim thiên tải.
Đan táo hàn yên tuế nguyệt xa.

DỊCH NGHĨA

HỌA VĂN BÀI THƠ «YÊN HÀ NGỰ HỨNG»
CỦA NGƯỜI BẠN (bài III)

Ba gian nhà tranh ở bến nước ngoài nội,
Đã đánh rụng cái phân hoa cũ của thời thiếu niên.
Được chỗ an phận hãy nên theo phận,
Khi chưa xuất gia hãy (tạm) trú ở nhà.
Mây núi trong vòng lan can không có sủng nhục,
Ngựa xe, áo mũ trong thành đều là cát bụi.
Cát ông (hóa thân) đi, đến nay đã nghìn năm rồi,
Bếp luyện thuốc khói lạnh, năm tháng xa xôi!

DỊCH THƠ

Ba gian tranh dựng bến đồng,
Anh hoa thuở trẻ rụng không còn gì!
Được nơi yên phận, yên đi,
Chưa đi tu hãy trụ trì tại gia.
Núi mây chẳng nhục vinh mà,
Ngựa xe thành thị xem ra bụi lấm.
Cát tiên đi đã nghìn năm,
Bếp tiên khói lạnh, thời gian mịt mù!

CHÚ THÍCH

(1) *Phân hoa*: nghĩa cũng tương tự như *phồn hoa*.

(2) *Sủng nhục*: nghĩa gần giống như chữ « vinh nhục ».

Nhưng chữ « sủng » còn có nghĩa là được người trên yêu mến, cho được hưởng giàu sang quyền quý.

(3) *Cát ông* tức *Cát Hồng*, người đời Tấn, lúc còn trẻ học giỏi, thích học đạo thần tiên, biết phép luyện đan, nghe đất Giao-chỉ có đan sa, liền đem con em đến núi La-phù luyện thuốc, luyện xong rồi lên tiên.

74 — THỨ VẬN HOÀNG MÔN THỊ LANG NGUYỄN CÚC PHA HẠ TÂN CƯ THÀNH

Cung dư tích địa bán trấn kinh, (1)
Hỉ đắc tân thi đáng tọa minh,
Ứng thuật lữ khuynh mưu phụ tửu, (2)
Nang thư duy hữu thảo Huyền kinh. (3)
Bồng môn đảo lý nghinh giai khách (4)
Hoa ồ di sàng cận khúc linh.
Tiểu ngã lão lai cường cánh thậm,
Bàng nhân hưu quái Thứ Công tinh (5),

DỊCH NGHĨA

HỌA VẦN CỦA QUAN HOÀNG MÔN THỊ LANG NGUYỄN CÚC PHA MỪNG XONG NHÀ MỚI

Đất hẻo lánh hơn một cung, một nửa đã gai góc,
Mừng được bài thơ mới, làm bài mình trên chỗ ngồi.
Luôn luôn nghiêng bầu rượu nếp, thứ rượu phải bàn với
vợ mới có
Sách trong túi chỉ có « Huyền kinh » chép tay.
Ngoài cửa bồng, giày xỏ ngược ra đón khách phong tao,
Dời giường lại gần hàng triện cong bên ụ hoa.
Cười ta đến tuổi già càng thêm ngông,
Người ngoài đừng lấy làm lạ rằng Thứ Công vẫn tỉnh

CHÚ THÍCH

(1) *Cung* là một đơn vị đo đạc của thời xưa, bằng 5 thước ta.

(2) *Mưu phụ tửu*: Bài phú *Hậu xích bích* của Tô Thức đời Tống có câu: ... *cổ an sở đắc tửu hồ? qui nhi mưu chư phụ...* Nghĩa là... nhưng làm sao mà có rượu? về mà thương lượng với vợ... Câu này lấy chữ ở đây.

(3) *Huyền kinh* tức Thái huyền kinh: Sách của Dương Hùng đời Hán.

(4) *Đảo lý*: Xỏ ngược giày. Thái Ung nhà Hán, lúc nào cũng có khách đến chơi chạt nhà. Một bữa có người nhà vào báo có Vương Xán đến chơi, Ung lật đặt xỏ ngược cả giày chạy ra đón chào. Khách thấy thế đều ngạc nhiên. Ung nói: «... Cậu bé này (chỉ Xán) giỏi lắm, chính tôi cũng không bằng».

(5) *Thư Công*: Cáp Khoan Nhiêu nhà Hán tên tự là Thư Công, một tay hào phóng mà cũng tài uống rượu, người đời đã có câu: *Thư Công tuy tỉnh mà vẫn cuồng, đâu có phải vì rượu.*

75 — THỨ CÚC PHA TẶNG THI⁽¹⁾

Thái bình thiên tử chinh sùng văn,
Hỷ kiến hoàng kim lịch ngõa phân.
Mỹ ngọc bất lao cầu thiện giá,
Y lan chung tự thổ thanh phân.
Tiện quân dĩ tác nghi đình phượng⁽²⁾,
Quý ngã ưng đồng xuất tỵ vân⁽³⁾.
Lưỡng nhãn hôn hoa đầu cánh bạch.
Quyên ai hà dĩ đáp quân ân.

DỊCH NGHĨA

HỌA VAN BÀI THƠ CỦA CÚC PHA TẶNG

Thái bình thiên tử đang sùng trọng văn chương,
Mình thấy vàng tốt được phân biệt với ngói, sỏi.
Ngọc tốt không cần phải đi tìm giá đắt,
Lan tươi rút cục vẫn tự nở ra hương thanh.
Khen cho bác, đã làm chim phượng châu sân vua,
Thẹn cho tôi, gần giống như đám mây ở trong hang núi
bay ra.
Cặp mắt lem nhem dầu lại bạc,
Biết lấy gì mà báo đáp ơn vua được mấy may.

DỊCH THƠ

Thái bình thiên tử trọng văn chương,
Mừng thấy rành chia sỏi với vàng.
Ngọc tốt lo chi tim giá đắt,
Lan tươi ắt vẫn tỏa mùi hương.
Sân châu phượng mùa anh may mắn,
Hang núi mây bay tờ thẹn thường,
Cặp mắt lem nhem dầu lại bạc,
Chút gì báo đáp đấng quân vương.

CHÚ THÍCH

(1) *Cúc-pha* : biệt hiệu của Nguyễn Mộng Tuân, một vị văn thần đồng thời với Nguyễn Trãi.

(2) Ý nói người quân tử gặp thời đắc dụng (Mộng Tuân lúc đó đương làm thượng khinh xa đô úy dưới triều Lê Thái tông).

(3) Ý nói ra đời vẫn vô tâm như đám mây ở hang núi bay ra, không bị danh lợi bó buộc.

76 — TỐNG TẶNG ĐẠO KHIÊM QUI SƠN

Ký tặng giảng học thập dư niên,
Kim hựu tương phùng nhất dạ miên.
Thả hỉ mộng trung phao tục sự,
Cánh tầm thạch thượng thoại tiền duyên.
Minh triều Linh-phố hoàn phi tích (1),
Hà nhật Côn-sơn cộng thánh tuyền.
Lão khứ cường ngôn hựu quái ngã,
Lâm kỳ ngã diệc thượng thừa thiên (2).

DỊCH NGHĨA

TIẾN NHÀ SƯ ĐẠO KHIÊM VỀ NÚI

Nhớ từng giảng học hơn mười năm,
Nay lại gặp nhau, ngủ một đêm.
Hãy mừng trong chiêm bao vứt bỏ việc trần tục,
Lại tìm trên đá cùng nhau bàn luận duyên xưa.
Sáng mai, gậy thần tích còn bay đến Linh-phố,
Ngày nào lại cùng nghe suối reo ở Côn-sơn?
Già đến nói ngông, đừng lấy làm lạ,
Tới đoạn đường rẽ, ta cũng làm vị thiền sư thượng thừa.

DỊCH THƠ

Nhớ từng giảng học mười năm,
Gặp nhau đây hãy cùng nằm một đêm.
Trong mơ trần lụy chẳng phiền,
Lại tìm trên đá luận bản duyên xưa.
Ngày mai Linh-phố vân du,
Côn-sơn nghe suối bao giờ cùng nhau?
Giả ngông còn lạ chi dẫu,
Rê đường ta cũng đi tu thượng thừa.

CHÚ THÍCH

(1) *Phi tích*: nhà sư thường cầm gậy tích trượng, nên khi nhà sư đi vân du thì gọi là *phi tích*.

(2) *Thượng thừa*: một trong hai phái lớn của đạo Phật. *Thượng thừa* hay *Đại thừa* nhằm giải thoát chúng sinh khỏi vòng bể khổ. *Tiểu thừa* chỉ nhằm giải thoát cho bản thân. Ý câu này nói: đến chỗ rẽ của đường đời thì mình cũng chỉ vì mục đích cứu khổ cho chúng sinh mà đi theo học phái thượng thừa thôi, chứ không chịu rẽ sang ngã đường nào khác,

77 — TỨC HỨNG

Lãm thúy đình đông trúc mẫn lâm,
Sài môn trú tảo tĩnh âm âm.
Vũ dư sơn sắc thanh thi nhãn,
Lạo thoái giang quang tĩnh tặc tâm.
Hộ ngoại điều đề tri khách chí,
Đình biên mộc lạc thức thu thâm.
Ngộ song thụy tĩnh hồn vô mị,
An kỷ phần hương lý ngọc cầm.

DỊCH NGHĨA

TỨC HỨNG

Phía đông đình Lãm-thúy, trúc đầy rừng,
Cửa sài ngày quét dọn sạch sẽ, im mát.
Sắc núi sau trận mưa, trong trẻo mắt nhà thơ,
Sông trong sau trận lụt, sạch lòng trần tục.
Ngoài cổng chim kêu, biết có khách đến,
Bên sân cây trụi, mới hay rằng tiết thu đã muộn.
Giữa trưa, dưới cửa sổ tỉnh giấc, không ngủ lại nữa,
Đốt hương, tựa ghế, so đàn ngọc.

Cùng hạng u cư khổ tịch liêu,
 Ở cân trúc trượng văn tiêu diêu.
 Thôn hoang nhật lạc hà thè thụ,
 Dã kinh nhân hi thủy một kiêu.
 Kim cổ vô cùng giang mạc mạc,
 Anh hùng hữu hận điệp tiêu tiêu.
 Qui lai độc vụng lan can tọa,
 Nhất phiến băng thiềm quải bích tiêu.

DỊCH NGHĨA

HÙNG BUỒI CHIỀU

*Ngõ sâu, ở vắng, khổ nổi quạnh hiu,
 Khăn thâm, gậy trúc đi dạo chơi buổi chiều,
 Thôn xóm hoang vu, mặt trời lặn, rặng đậu trên cây,
 Đường ngoài nội người thưa, nước ngập phủ cầu.
 Kim cổ không cùng, sông chảy man mác,
 Anh hùng ôm hận, lá rụng lao xao.
 Về đây một mình ngồi tựa lan can,
 Một mảnh gương trong treo trên trời xanh biếc.*

DỊCH THƠ

Ngõ hẻm nhà sâu quá quạnh hiu,
 Khăn thâm gậy trúc dạo chơi chiều.
 Xóm hoang ác lặn cây bưng rặng,
 Đường nội người thưa nước ngập cầu.
 Kim cổ không cùng sông lênh láng,
 Anh hùng cảm giận lá lao xao.
 Về đây ngồi tựa lan can ngóng,
 Vắng vặc trời xanh mảnh nguyệt treo.

79 — THU NGUYỆT NGÃU THÀNH

U trai thụy khởi độc trầm ngâm,
 Ấn thượng hương tiêu tĩnh khách tâm.
 Tĩnh lý kiên khôn kinh vạn biến,
 Nhân trung nhật nguyệt trị thiên cam.

Nho phong lãnh đạm thời tình bạc,
Thánh vực ưu du đạo vị thâm.
Độc bãi quần thư vô cá sự,
Lão mai song bạn lý dao cầm.

DỊCH NGHĨA

THU NGUYỆT NGẪU THÀNH

Thư phòng vắng vẻ, ngủ dậy một mình trầm ngâm,
Trên án thư, cây hương chầm bén, lòng khách sạch
lâu lâu.
Ở trong cõi tĩnh của trời đất, vẫn kinh sợ muôn biến cố
có thể xảy ra,
Tháng ngày trong cái nhàn, đáng giá một nghìn vàng.
Nếp nhà nho đạm bạc tình đời xem khinh.
Cõi thánh thung thăng, nhắm sâu mùi đạo
Đọc xong các sách, không còn lấy một việc,
Dưới gốc mai già bên cửa sổ so đàn ngọc.

80 — HỌA TÂN TRAI VẬN

Phong lưu quận thú văn chương bá.
Kiều mộc năng linh ngã cố gia. (1)
Tin mỹ giang sơn thi dị tỵ,
Vô tình tuế nguyệt nhãn tương hoa.
Can qua thập tải thân bằng thiếu,
Vũ trụ thiên niên biến cố đa.
Khách xá hương trần xuân trú vĩnh,
Đẳng đẳng thanh mộng nhiều yên ba.

DỊCH NGHĨA

HỌA VẬN CỦA TÂN TRAI

Quan quận thú phong nhã (lại là) bực đàn anh trong
văn chương,
Còn thương đến cái cây cao nơi nhà cũ của ta.
Non sông vốn tươi đẹp, nguồn thơ dễ đến,
Năm tháng thật vô tình, đôi mắt sắp hoa.
Chinh chiến mười năm bạn thân ít,
Vũ trụ nghìn thuở biến cố nhiều.
Bụi hương nơi quán khách đẳng đẳng ngày xuân,
Giấc mộng thanh láng láng quanh quần nơi sóng cồn
khói tỏa.

DỊCH THƠ

Vấn bá lừng danh ngải quận thú,
Còn thương nhà cũ bóng cây cao.
Non sông vốn đẹp thơ hằng đến,
Ngày tháng vô tình mắt đã hao.
Chinh chiến mười năm bè bạn ít,
Kiên khôn muôn thuở biển di nhiều!
Bụi hương quán khách xuân dằng dẵng.
Sóng khói hồn mơ lẫn quất theo!

CHÚ THÍCH

(1) *Kiều mộc*: cây cao: đời xưa thường có những cây cổ thụ làm dấu hiệu cho những nhà thế gia đã từng ở một chỗ lâu đời.

81 — TỨC SỰ

Tiểu tiểu hiên song oải oải lư,
Quan cư đốn giác loại u cư. (1)
Thương ba giang thượng nhàn thùy điệu,
Lục thụ âm trung tĩnh khán thư.
Vũ quá tinh lam khuy hộ dũ,
Phong lai tuyết lãng vũ đình trừ.
Ngộ song tiêu sái vô trần lụy,
Nhất phiến nhàn tâm nhiếp thái lư. (2)

DỊCH NGHĨA

TỨC SỰ

*Cửa sổ hiên nhỏ, nhà lợp xúp,
Chỗ « quan cư » mà bỗng thấy như chỗ « ẩn cư ».
Trên sông nước biếc thanh thoi buông câu,
Trong bóng cây xanh lặng lẽ xem sách.
Qua trận mưa, khí núi quang tạnh dòm vào cửa sổ,
Gió đưa làn sóng trắng xóa đến mùa dưới thềm.
Cửa sổ giữa trưa sạch lầu không vương bụi,
Một tấm lòng thanh thoi gắn liền với thái hư.*

DỊCH THƠ

Cửa sổ nhỏ, căn nhà thấp bé,
« Quan cư » mà vắng vẻ âm u.
Trên sông đứng đỉnh buồng câu,
Dưới cây xem sách dạt dào bóng nhâm.
Tan mưa, núi dòm xem cửa sổ,
Gió xa đưa sóng mùa ngoài sân.
Cửa song không vương bụi trần,
Lòng nhân gắn bó cùng miền thái hư,

CHÚ THÍCH

(1) *Quan cư*: chỗ ở của các quan.

(2) *Thái hư*: cõi hư không, lặng lẽ, chỉ khoảng không xa thẳm của vũ trụ. Ý câu thơ này nói khi lòng người ta thanh thoi không bị cái ý nghĩ danh lợi làm vẩn đục, thì chính lúc đó là lúc cõi lòng mở rộng thênh thang và sánh được với vũ trụ. Đây cũng là cách tu dưỡng theo quan điểm triết lý thời xưa.

82 — ĐỀ YÊN-TỬ SƠN HOA-YÊN TỰ

Yên-sơn sơn thượng tối cao phong,
Tài ngũ canh sơ nhật chính hồng.
Vũ trụ nhãn cùng thương hải ngoại,
Tiểu đàm nhân tại bích vân trung.
Ứng môn ngọc sóc sâm thiên mẫu, (1)
Quải thạch châu lưu lạc bán không. (2)
Nhân miếu đương niên di tích tại, (3)
Bạch hào (4) quang li đồ trùng đồng, (5)

DỊCH NGHĨA

ĐỀ CHÙA HOA-YÊN Ở NÚI YÊN-TỬ

Ngọn núi cao nhất ở trên núi Yên-tử,
Vừa đầu trống canh năm mặt trời đã đỏ rực.
Trong vũ trụ, phóng mắt trông suốt ngoài biển xanh,
Khi nói cười, người ở trong mây biếc.

Hộ vệ trước cửa, giáo ngọc xum xuê nghìn mầu,
Treo trên đá, tua hạt châu rơi xuống nửa chừng không.
Di tích vua Nhân tông năm xưa còn đó,
Trong bóng sáng của lông mày trắng được thấy mắt
«trùng đồng».

DỊCH THƠ

Trên non Yên-tử đỉnh cao phong,
Vừa mới canh năm rực ánh hồng.
Vũ trụ mắt nhìn ngoài bề rộng,
Chuyện trò người ở giữa mây lồng.
Cửa bao mặng ngọc đầy nghìn mầu,
Đá rủ tua châu xuống nửa không.
Dấu cũ Nhân tông còn mãi đó,
Hào quang mi trắng thấy «trùng đồng».

NGUYỄN CHÚ

Sách An Nam chí chép : núi này ở huyện Đông-triều, (tỉnh Hải-dương), lại có tên gọi là núi Tượng-đầu (đầu voi), tương truyền là chỗ tu luyện của Yên Kỳ Sinh, cho nên lấy đó mà đặt tên.

Sách Hải nhạc danh đồ của nhà Tống nói : ngôi phúc địa liệt vào hạng thứ tư trong thiên hạ là núi Yên-tử Giao-châu. Sách Phong vực chí nói : trên núi có các thắng cảnh như ngọn núi Tử-tiên phong, am Ngọa-vân và Long-động. Chùa Yên-hoa ở trên đỉnh núi cao nhất, cảnh trí nom bát ngát. Vua Nhân tông nhà Trần tu ở chùa đó, tức là vị Trúc Lâm đệ nhất tổ.

CHÚ THÍCH

(1) Ngọc sóc hay ngọc sào : Cái giáo ngọc, ở đây chỉ mặng trúc nhọn như mũi giáo.

(2) Châu lưu : Chỉ thạch nhũ nhỏ xuống như tua hạt châu.

(3) Nhân miếu : Miếu hiệu của Nhân tông nhà Trần.

(4) Bạch hào : Lông mày trắng. Phật Như Lai có tương lạ, lông mi có nhiều lông trắng ; ở đây chỉ dung mạo vua Nhân tông nhà Trần.

(5) Trùng đồng : Hai con người. Sử ký Tư mã Thiên chép : Vua Thuấn ngày xưa mỗi con mắt có hai con người. Do đó, đời sau lấy chữ «trùng đồng» để chỉ dung mạo vua.

83 – ĐỀ BẢO-PHÚC NHAM

Bình minh các trạo thương nham đầu,
Thừa hứng liêu vi Ngọc-cục du. (1)
Cửu chuyển đan thành cô hạc khứ, (2)
Tam thần cổ đoạn nhất ngao phù. (3)
Thạch lan ảnh phụ thương giang nguyệt,
Tiên động yên hàm bích thu thu.
Thị xứ chân kham dung ngã ần,
Sơn trung hoàn hữu cự du phầu?

DỊCH NGHĨA

ĐỀ ĐỘNG BẢO-PHÚC

*Trời bình sáng gác mái chèo, lên đỉnh núi,
Nhân khi cao hứng hãy làm cuộc chơi Ngọc-cục.
Đan cửu luyện đã thành, chiếc hạc bay đi;
Núi Tam-thần đứt vế, con giải, nổi lên.
Đá lan can lồng bóng trắng trên sông nước xanh,
Khói động tiên ngậm sắc mùa thu cây biếc.
Chốn này thật đáng để cho ta đến ở ần,
Trong núi còn có bạn chơi cũ nào chăng?*

NGUYÊN CHÚ

Động này ở xã An-khánh, huyện Đông-triều, trong khúc sông lớn có các hòn núi nổi lên, động ở chân núi, cúi dòm xuống nước, ngoài động có miếng đất ước nửa sào, cây cối xanh tốt, ở trong có miếu thủy thần rất thiêng, lại có cái hang sâu, đốt đuốc mà đi thì thấy không cùng tận. Sách An nam chí nói rằng: Hang núi rộng chừng làm chín trượng, đất màu đỏ.

CHÚ THÍCH

(1) *Ngọc-cục*: Tên một cái quán, nay ở phía nam huyện Thành-đô, tỉnh Tứ-xuyên. Đầu niên hiệu Vĩnh thọ đời Hậu Hán, Lão Quân và Trương Đạo Lăng đến giảng kinh ở đó. Ý câu này nói khi cao hứng đến thăm cảnh tiên.

(2) *Cửu chuyển đan*: Thuốc luyện qua chín lần. Ý câu thơ này nói khi thuốc trường sinh luyện xong thì người tiên đã cỡi hạc bay đi nên ở Bảo phúc nham không còn dấu tích gì của người tiên nữa. Điền tích chưa rõ.

(3) *Tam-thần*: Tên núi ở giữa bể Bột-hải, theo sách Sử ký thì núi Tam thần là nơi ở của các vị thần tiên. Câu này cũng chưa rõ điền tích.

84 — ĐỀ NGỌC-THANH QUÁN

Tử phủ lâu đài ỷ bích sầm, (1)
Thập niên kim tịch nhất đặng lâm.
Tùng hoa lạc địa kim đàn tĩnh,
Bích hưởng xuyên vân đạo viện thâm.
Kim đỉnh đan thành nhân dĩ khứ, (2)
Hoàng lương mộng giác sự nan tầm. (3)
Viên sầu hạc oán vô cùng ý,
Hàn nhật tiêu tiêu trúc cách lâm.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ QUÁN NGỌC-THANH

*Lâu đài « phủ tía » dựa lưng vào hòn núi biếc,
(Qua) mười năm, đến hôm nay lên thăm một lần.
Hoa thông rụng đầy đất, nơi đàn vàng tĩnh mịch,
Tiếng chuông ngân xuyên lên tầng mây, chốn viện tu
thâm nghiêm.
Thuốc « kim đỉnh » đã thành thì người đi mất rồi,
Mộng « hoàng lương » đã tỉnh, việc khó tìm lại được.
Vượn sầu, hạc oán, tình ý xiết bao,
Ngày rét gió thổi vi vu mà trúc thì xa cách với rừng.*

CHÚ THÍCH

(1) *Tử phủ*: Phủ tía, chỉ cung điện đế vương. Sau dùng để chỉ chung các đền miếu hoặc nơi thần tiên ở.

(2) *Kim đỉnh*: Đỉnh vàng. Đời xưa các đạo sĩ khi luyện thuốc trường sinh thì bỏ vàng và các vị thuốc khác vào vạc để nấu, cho nên gọi là thuốc đỉnh vàng. Ý câu thơ này cảm khái quán Ngọc-thanh như cái quán của người tiên, nhưng không thấy tiên ở đâu cả.

(3) *Hoàng lương*: Xem chú thích số 2 bài 9.

85 — HẠ NHẬT MẠN THÀNH

Vũ quá đình kha trưởng lục âm,
Thuyền thanh cung chủ tấu Ngu cầm.
Song tiền hoàng quyền công môi thụy,
Hộ ngoại thanh sơn cổ sách ngâm.
Trú tĩnh kiên khôn khoan đạo tứ,
Nhân nhân danh lợi tỉnh sơ tâm.
Hồi đầu tam thập niên tiền sự,
Mộng lý du du cánh mạc tầm.

NGÀY HÈ MẠN THÀNH

Sau trận mưa, cảnh cây trên sân càng thêm bóng xanh
mát,
Tiếng ve như gảy phím « cung » phím « chủy » trong đàn
vua Ngu.
Quyển vàng (mở) trước cửa sổ, khéo đưa mối cho giấc ngủ,
Núi xanh ở ngoài cổng cứ đòi ta ngâm thơ.
Ban ngày yên lĩnh, lòng đạo bát ngát trong kiền khôn.
Con người được nhân, tỉnh lại tấm lòng danh lợi ngày xưa.
Ngoài lại việc trước đây ba chục năm,
Trong giấc mơ dằng dặc cũng chẳng biết đâu mà tìm.

DỊCH THƠ

Sau mưa cảnh lá bên sân rợp,
Ve gảy đàn Ngu rộn tiếng tơ.
Quyển sách trước song đưa mối ngủ,
Non xanh ngoài cổng cứ đòi thơ.
Đất trời ngày tỉnh khơi nguồn đạo,
Danh lợi người nhân tỉnh mộng xưa.
Ba chục năm qua rày ngoài lại,
Tìm đâu cho thấy việc trong mơ.

86 — OAN THÂN

Phù tặc thẳng trăm ngũ thập niên,
Cổ sơn tuyền thạch phụ tinh duyên.
Hư danh thực họa thù kham tiểu,
Chúng báng cô trung tuyệt khả liên.
Số hữu nan đào tri thị mệnh,
Văn như vị táng dã quan thiên.
Ngục trung độc bối không tao nhục, (1)
Kim khuyết hà do đạt thốn tiên.

THAN NỖI OAN

Nỗi chìm trong cõi tục trải năm mươi năm,
 Trót phụ tình duyên với suối, đá ở nơi núi cũ. (2)
 Danh sông mà vạ thực, thật đáng buồn cười.
 Bao kẻ gièm pha, người trung cô lập, quả là đáng thương!
 Số phận có khi khó tránh, biết là do mệnh,
 Nên «vấn» nếu chưa mất hẳn (3) thì cũng bởi trời.
 Ở trong ngục, xem lưng tờ giấy luống chịu nhục nhằn
 Biết làm thế nào gửi bức thư lên cửa vàng.

DỊCH THƠ

Năm chục năm qua trải cuộc đời,
 Non xưa suối cũ lỗi thề bồi.
 Danh sông vạ thực buồn cười nhỉ!
 Chúng ghét mình ngay chịu thiệt thòi.
 Kiếp ấy phải mang danh có mệnh,
 Văn kia chưa mất cũng nhờ trời.
 Trong lao luống tủi nhìn lưng giấy!
 Cửa khuyết do đâu gửi một lời!

CHÚ THÍCH

(1) *Ngục trung độc bồi*: Trong ngục quay bên trái tờ giấy. Chu Bột là thừa tướng nhà Hán, bị vua Hán bỏ ngục. Ông muốn nhờ người coi ngục giúp cho thoát nạn, nhưng người coi ngục sợ, không dám nói chuyện, chỉ viết mấy chữ vào mặt trái tờ giấy rồi giơ cho xem để tự hiểu. Chu Bột lấy điều đó làm tủi nhục. Nguyễn Trãi mượn điển này để gợi ý mình cũng gặp cảnh ngộ khổ nhục đáng thương như Chu Bột thời xưa.

(2) *Núi cũ*: chỉ núi Côn-sơn.

(3) *Nền văn nếu chưa mất hẳn*: nền văn chỉ đạo học thánh hiền mà tác giả tự cho mình là một đồ đệ. Ý câu thơ nói nếu trời chưa muốn để mất đạo học của thánh hiền thì mình sẽ không chết.

87 — CÔN-SƠN CA

Côn-sơn hữu tuyền, kỳ thanh linh linh nhiên, ngô
 dĩ vi cầm huyền.
 Côn-sơn hữu thạch, vũ tầy đài phô bích, ngô dĩ
 vi đàm tịch.

Nham trung hữu tùng, vạn cái thúy đồng đồng,
 ngô ư thị hồ yển tức kỳ trung.
 Lâm trung hữu trúc, thiên mẫu ấn hàn lục, ngô ư
 thị hồ ngâm khiếu kỳ trắc.
 Vấn quân hồ bất qui khứ lai, bán sinh trần thổ
 trường dao cốc?
 Vạn chung cửu đỉnh hà tất nhiên, âm thủy phạm
 sơ tùy phạm tức.
 Quân bất kiến Đồng Trác hoàng kim doanh nhất ồ,
 Nguyên Tái hồ tiêu bát bách học?
 Hựu bất kiến Bá Di dữ Thúc Tề, Thú-dương ngã
 tử bất thực tức?
 Hiền ngu lưỡng giả bất tương mâu, diệc các tự
 cầu kỳ sở dục.
 Nhân sinh bách tuế nội, tất cánh đồng thảo mộc.
 Bi hoan ưu lạc diệt vãng lai, nhất vinh nhất tạ
 hoàn tương tục.
 Khuru sơn hoa ốc diệc ngẫu nhiên, tử hậu thù
 vinh cánh thù nhục.
 Nhân gian nhược hữu Sào Do đồ, khuyến cừ thỉnh
 ngã sơn trung khúc.

DỊCH NGHĨA

BÀI CA CÔN-SÔN

*Côn-sơn có suối, tiếng nước chảy róc rách, ta cho là
 đàn cầm.
 Côn-sơn có đá, mưa rửa rêu phôi biếc, ta cho là đệm chiếu.
 Trong núi có thông, muôn chiếc lọng xanh rủ bóng, ta
 nghỉ ngơi ở trong đó.
 Trong rừng có trúc, nghìn mẫu in vẽ xanh mát rượi, ta
 ngâm nga ở bên cạnh.
 Hỡi người, sao không về đi, nửa đời người giam buộc
 mình mãi ở trong cát bụi làm gì?
 Cần gì phải muôn chung(1) chín đỉnh(2), uống nước lã,
 ăn cơm rau, theo phận mình cũng đủ.
 Người không xem, Đồng Trác có vàng đầy một ụ, Nguyên
 Tái có hồ tiêu tám trăm học(3).
 Lại chẳng xem Bá Di cùng Thúc Tề, chết đói ở núi Thú-
 dương, không chịu ăn thóc?(4)*



Hiền ngu hai đàng không so sánh được với nhau, nhưng
mỗi đàng đều tự tìm lấy cái thích của họ.
Người ta sống trong khoảng trăm năm, rút cuộc đều cùng
nát với cây cỏ.
Mừng, buồn, lo, vui, cái nọ đi, cái kia đến; tốt tươi rồi
khô héo, vẫn nối tiếp nhau.
Ở nơi núi gò hay ở chỗ cửa nhà lộng lẫy (5), cũng chỉ là
sự tình cờ thôi; sau khi chết rồi, còn ai vinh ai nhục?
Ở thế gian này, nếu có bọn Sào, Do (6), khuyên các người
ấy hãy nghe ta hát khúc ca trong núi.

DỊCH THƠ

Côn-sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn-sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.
Trong ghềnh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có trúc bóng râm,
Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.
Về đi sao chẳng sớm toan,
Nửa đời vương vãi bụi trần làm chi.
Muôn chung chín vạc cần gì,
Cơm rau nước lã nên tùy phận thôi.
Đồng Trác Nguyên Tái kia ơi!
Hồ tiêu ấm ắp, vàng mười chứa chan.
Lại xem trên núi Thú-san,
Di, Tề nhện dơi chẳng màng thóc Chu.
Hai đàng khó sánh hiền ngu,
Đều làm cho thỏa được như ý mình.
Trăm năm trong cuộc nhân sinh,
Người như cây cỏ thân hình nát tan.
Hết ưu lạc đến bi hoan,
Một lần tươi tốt, một lần héo khô.

Khi lâu đài, lúc núi gò,
 Chết rồi ai kể cái trò nhục vinh.
 Sào, Do bằng có tái sinh,
 Hãy nghe ta hát khúc ghềnh Côn-sơn.

CHÚ THÍCH

(1) *Chung*: Một thứ đồ dùng để đựng lúa của thời cổ, chứa được sáu斛 bốn đấu.

(2) *Đỉnh*: Vạc, đồ dùng hình thức cái sanh có ba chân.

Muôn chung chín đỉnh: là nói cảnh giàu sang quyền quý của những người làm quan to.

(3) *Đồng Trác*: người đời Hán; *Nguyên Tái*, người đời Đường. Hai người này đều là kẻ cực kỳ giàu sang.

(4) *Bá Di*, *Thúc Tề* là người đời Ân. Nhà Chu diệt chúa Trụ, giành ngôi vua của nhà Ân, hai ông can ngăn không được, vào ẩn trong núi Thú-dương, không thêm ăn thóc nhà Chu, chỉ hái rau vi trong núi mà ăn. Sau hai ông cùng chết đói ở trong núi.

(5) Câu này lấy ý trong câu thơ của Tào Thục: *Sinh tồn hoa ốc xir, linh lạc qui sơn khuru* nghĩa là khi còn sống thì ở nhà đẹp lộng lẫy, đến khi héo rụng (chết) thì về nơi gò núi.

(6) *Sào, Do* tức Sào Phủ và Hứa Do, hai người ẩn sĩ về đời vua Nghiêu.

88 — ĐỀ HOÀNG NGŨ SỬ MAI TUYẾT HIÊN (1)

Trãi quan(2) nga nga diện như thiết,

Bất độc ái mai kiêm ái tuyết.

Ái mai ái tuyết ái duyên hà?

Ái duyên tuyết bạch mai phương khiết.

Thiên nhiên mai tuyết tự lưỡng kỳ,

Cánh thêm dài bách chân tam tuyết.

La-phù(3) tiên tử băng vi hồn,

Khoảnh khắc năng linh quỳnh tác tiết.

Dạ thâm kỳ thụ toái linh lung,

Nguyệt hộ phong song hàn lâm liệt.

Nhược phi phong đệ ám hương lai,

Phân phân nhất sắc hà do biệt.

Tuần thiềm bất phạ ngọc lâu hàn, (4)

Ngân hải giao quang cánh thanh triệt. (5)

Cửu trùng chần niệm cập hà manh,

Vạn lý tú y giao trú tiết.

Sương phong quyền địa giản hoành thu,

Thân tại viêm hoang tâm nguyệt khuyết.

Giao-nam thập nguyệt noãn như xuân,
 Mộng trung chỉ hữu hoa kham chiết.
 Tương tâm thác vật cổ hữu chi,
 Cao trọc thêm kỳ đạo tiền triết.
 Đông Pha vị trúc bất khả vô, (6)
 Liêm Khê ái liên diệc hữu thuyết. (7)
 Kiền khôn vạn cổ nhất thanh tri,
 Bá-kiều (8) thi tứ Tây hồ (9) nguyệt.

DỊCH NGHĨA

ĐỀ HIÊN MAI TUYẾT CỦA NGỤ SỬ HỌ HOÀNG

Mũ trĩ cao vôi vôi, mặt như sắt,
 Chẳng riêng yêu mai mà gồm yêu cả tuyết.
 Yêu mai yêu tuyết tại sao yêu?
 Yêu vì tuyết trắng, mai thơm sạch.
 Mai, tuyết thiên nhiên, cả hai đều lạ,
 Lại thêm cây bách ở trước đài thật là ba cái tuyết.
 Người tiên ở núi La-phù lấy băng giá làm linh hồn,
 Trong khoảnh khắc khiến cho cây ngọc quỳnh thành
 từng mảnh.
 Đêm khuya cây ngọc kỳ vờ tỏa ra ánh sáng lóng lánh,
 Trăng giới cửa, gió qua song, rét căm căm.
 Nếu không có gió đưa mùi hương thoang thoang tới,
 (Thì) bởi bởi đồng một sắc sao phân biệt được.
 Đạo quanh hiên chẳng e trên lầu ngọc lạnh.
 Biển bạc lay động ánh sáng lại càng trong suốt.
 Chín trùng thương đến dân phương xa,
 Phái người mặc áo gấm dựng cờ liết ở ngoài muôn dặm.
 (Uy nghi như) gió sương cuốn đất, cầm thẻ nghiêm nghị
 như khí mùa thu.
 Thân ở xứ nóng xa xăm mà lòng thì hướng về cửa khuyết.
 Tháng mười ở Giao-nam ấm như mùa xuân,
 Trong chiêm bao chỉ hoa là có thể bẻ (mà thôi).
 Đem lòng gửi gắm vào cảnh vật thì người xưa đã
 từng có,
 Dấu vết thanh cao mong muốn theo đòi tiền triết.
 Tô Đông Pha bảo rằng trúc thì không có thể thiếu,
 Liêm Khê yêu sen cũng đã có thuyết.
 Trời đất muôn thuở chung vẻ thanh cao,
 Tứ thơ Bá-kiều, trăng Tây-hồ.

DỊCH THƠ

Mặt như sắt, hiên ngang mũ trĩ,
Đã yêu mai, tuyết lại càng yêu.
Yêu mai yêu tuyết vì sao?
Vi chung tuyết trắng mai ngào ngạt hương.
Mai cùng tuyết hai đường đều lạ,
Lại còn thêm cây bá trên nền.
La-phù trong trẻo hồn tiên,
Ngọc quỳnh chốc lát phun lên lạ đường.
Cây kỳ thụ đêm trường lóng lánh,
Cửa gió trắng khi lạnh ghê thay.
Nếu không gió thổi hương mai,
Đều chung một sắc trắng ngời khó phân.
Trên chin bệ thương dân tha thiết,
Áo vóc thêu cầm tiết viêm giao.
Gió sương thu khi một mầu,
Thân ngoài muôn dặm lòng âu trong triều.
Tiết tháng mười Nam-giao còn ấm,
Trong chiêm bao bể năm hoa thôi.
Nói theo tiền triết mấy người,
Mượn trong cảnh vật ngụ nơi tinh tinh.
Đông Pha bảo trúc minh chi thiết,
Chu Liêm Khê có thuyết « ái liên ».
Muôn đời thanh hưng vò biên,
Thơ bên cầu Bá, nguyệt trên Tây-hồ.

CHÚ THÍCH

(1) Hoàng ngự sử không rõ là người nào.

(2) *Trĩ quan*: Mũ có cầu làm theo hình sừng con trĩ, một loài thú có tính cương trực. Vua Huyền tông nhà Đường cho quan ngự sử đội mũ hình sừng con trĩ, vì chức trách của ngự sử là đàn hạch trăm quan khi họ trái phép triều đình, cho đội mũ trĩ là có ý cho rằng quan ngự sử cần phải thẳng thắn, không tày vị ai.

(3) *La-phù*: Núi La-phù là nơi ở của các vị tiên. Ở đây dùng để chỉ cây mai. Theo sách *Long thành lục*: Triệu sư Hùng đời Tùy đi chơi núi La-phù, chiều tối thấy ngôi nhà bên quán rượu trong rừng có người đàn

bà đẹp mặc áo trắng ra đón, nói năng thanh nhã, hương thơm sực nức, rồi cùng nhau vào quán uống rượu. Sư Hùng say nằm ngủ, sáng dậy thấy mình nằm dưới gốc một cây mai to lớn (người đẹp là cây mai hóa hình).

(4, 5) Thơ Đỗ Phủ có câu: *Tuần thiêm sách cộng mai hoa tiếu*, nghĩa là dạo quanh hè để tìm một cái cười chung với hoa mai. Thơ Tô Thức có câu: *Đông hợp ngọc lâu hàn khởi túc, quang dao ngân hải huyền sinh hoa*, nghĩa là hơi lạnh của tuyết làm cho vai người ta xo lại mà sờn gây thóc, và ánh sáng của nó lay động vào con mắt, làm cho đồ đồng quang. Theo chữ của Đạo gia thì *ngọc lâu* là vai, *ngân hải* là mắt. Các điển: *tuần thiêm*, *ngọc lâu*, *ngân hải*, chính tác giả lấy chữ ở mấy câu thơ trên.

(6) *Đông Pha*: biệt hiệu của Tô Thức, một văn hào đời Tống, ông có câu thơ: *Khả sử thực vô nhục, bất khả cư vô trúc* nghĩa là ăn có thể thiếu thịt, ở không thể thiếu trúc.

(7) *Liên Khê*: tức Chu Đôn Di, một danh nho đời Tống, có làm bài *Ái liên thuyết* nói lòng yêu sen, cho sen là quân tử trong các loài hoa.

(8) *Bá-kiều*: Cầu trên sông Bá (Trung-quốc). Có người hỏi nhà thơ Trịnh Khải đời Đường: gần đây có thơ gì mới không? Ông đáp: «Từ thơ của tôi ở nơi cảnh côi lữ đi trong tuyết trên cầu sông Bá; nay không có cảnh ấy thì làm thơ sao được». Ở đây tác giả nhắc đến cầu sông Bá để gợi ý tuyết.

(9) *Tây-hồ*: Tên một hồ đẹp ở Trung-quốc. Thơ Tô Đông Pha: *Tây-hồ nguyệt sắc thị mai hoa* (sắc trắng ở Tây-hồ là hoa mai). Vậy Tây-hồ gợi ý mai.

PHẦN TỒN NGHI

1 — THÁI-THẠCH HOÀI CỒ (1)

Thái-thạch tặng văn Lý trích tiên (2)
Kỳ kinh phi khứ dĩ đa niên (3)
Thử giang nhược biến vi xuân tửu
Chỉ khủng ba tâm thượng túy miên

DỊCH NGHĨA

THÁI-THẠCH HOÀI CỒ

*Ơ sông Thái-thạch, từng nghe nói Lý trích tiên
Cỡi cá kinh bay đi đã lâu năm
(Nước) sông ấy nếu biến thành rượu mùa xuân,
Chỉ sợ ông ta còn say nằm ở lòng sông.*

CHÚ THÍCH

1) *Thái-thạch* là con sông ở tỉnh An-huy, miền Nam Trung-quốc, Lý Bạch một đại thi hào đời Đường chết đuối ở đây.

2) *Trích tiên*: Hạ Tri Chương gọi Lý Bạch là *trích tiên*, ý nói ông là bậc tiên nhân trên trời đây xuống.

3) Tương truyền Lý Bạch chơi trăng trên sông Thái-thạch, say rượu rơi xuống nước rồi cỡi cá kinh bay lên trời.

2 — LAM-QUAN HOÀI CỒ

Hành tận thiên san dĩ vạn san,
Sóc phong xuy khởi mẫn Lam-quan (1)
Quân vương tặng thử tư trung gián,
Chương hải giao quan sắt mã hoàn.

DỊCH NGHĨA

LAM-QUAN HOÀI CỒ

*Đi hết nghìn núi cùng muôn núi,
Gió bắc thổi lên đầy cửa Lam-quan.
Đấng quân vương đã từng ở đây nhớ lời can của tôi
trung,
Một vùng lam chướng, xa xa trông thấy chiếc ngựa
chạy về.*

CHỮ THÍCH

1) *Lam-quan*: Tên cửa ải, tức ải Lam-diền ở phía đông nam huyện Lam-diền thuộc đạo Quan-trung tỉnh Thiểm-tây Trung-quốc.

3 — THIỀU-CHÂU TỨC SỰ

*Xuân đình hoa lạc vũ tham tham,
Thiên ý thanh minh tam nguyệt tam.
Thủy thượng hành nhân môn ngoại liễu
Sở thanh đề điều tự Giang-nam.*

DỊCH NGHĨA

TỨC SỰ THIỀU-CHÂU

*Sân mùa xuân hoa rụng, mưa sầm sập,
Ý trời thanh minh, mồng ba tháng ba.
Người đi trên sông, cây liễu ngoài cửa.
Vài tiếng chim kêu giống cảnh Giang-nam.*

4 — ĐỀ NAM-HOA THIỀN PHÒNG

*Bán sinh khâu hác tiện u thê,
Thiền tháp phân minh thỉnh điều đề.
Vạn lý nam lai sơn thủy viễn
Nhất sinh năng kỷ quá Tào-khê? (1)*

DỊCH NGHĨA

ĐỀ PHÒNG NHÀ SƯ CHÙA NAM-HOA

*Nửa đời người, chỉ thích nương thân cảnh suối gò
vắng vẻ.
Giường thiền rõ rệt nghe tiếng chim kêu.
Muôn dặm từ phương nam đến, sông núi xa xôi,
Một đời người đã được mấy lần qua suối Tào-khê.*

CHÚ THÍCH

(1) *Tào-khé*: tên con suối ở Thiều-châu, là nơi có chùa Bảo-lâm (tức chùa Nam-hoa) và cũng là nơi mà Lục tổ Huệ Năng giảng đạo Phật ở đó.

5 — TĨNH-AN VẤN LẬP

Đạm yên sơ vũ văn mô hồ
Thủy sắc thiên quang bán hữu vô.
Vạn cổ kiên khôn thanh cảnh trí,
Hải sơn vị ngã xuất tân đồ.

DỊCH NGHĨA

BUỔI CHIỀU ĐỨNG Ở TĨNH-AN

*Khói nhạt mưa thưa, trời chiều bằng lặng,
Sắc nước với ánh sáng trời, nửa như có nửa như không,
Trời đất muôn đời, cảnh trí thanh nhã,
Núi biển vì ta mà xuất hiện bức tranh mới.*

6 — ĐỒ TRUNG KÝ HỮU

Thượng quốc quan quang vạn lý đồ, (1)
Thiên nha khuất chỉ tuế vân lô.
Mộng trung thủy viễn sơn hoàn viên.
Biệt hậu thư vô nhận diệp vô.
Khách dạ bất miên thiên cảm tập,
Thanh thời thù liệu thốn trung cô.
Nam châu cự thức như tương vấn,
Báo đạo kim ngô phi cố ngô. (a)

(a) — *phi nhất tác diệp*

DỊCH NGHĨA

TRÊN ĐƯỜNG GỬI THƠ CHO BẠN

*Trên đường dài muôn dặm đi xem ánh sáng thượng quốc,
Bên trời bấm đốt ngón tay, rằng năm đã qua.
Trong chiêm bao, nước xa, núi lại xa,
Sau khi từ biệt, thư không mà nhận cũng không.*

Đêm trên đất khách không ngủ, nghìn mối cảm nghĩ
dồn đến,
Thời thanh bình có ai ngờ tác lòng trung có đơn!
Người quen biết cũ ở phương nam nếu hỏi đến nhau
Xin báo rằng cái «tôi» hiện nay, không phải cái «tôi»
thuở trước.

NGUYÊN CHÚ

(a) Chữ phi nghĩa là không phải, cũng có bản chép chữ diệc nghĩa là cũng.

CHÚ THÍCH

(1) *Quan quang*: Xem ánh sáng. Hào lục tử của quẻ Quan trong kinh Dịch nói: *Quan quốc chi quang, lợi dụng tân vu vương* (xem ánh sáng trong nước, lợi (cho việc) đi triều kiến nhà vua). Theo kiến giải của tiên nho, đại ý nói: Đức sáng của nhà vua tỏa đến bốn bề, những người hiền trong thiên hạ đều có dịp được đến triều bái hoặc tiến cử, cho nên gọi là *quan quang*. Sau người ta dùng ý này để chỉ công việc đi sứ.

7 — THIỀU-CHÂU VĂN HIẾN MIẾU

Phản trạng đương niên biện yết nhi, (1)
Chí minh tiên kiến nhược thi qui (2)
Tế thời nho thuật sinh bình hữu,
Giản chủ trung ngôn tử hậu tri. (3)
Vạn cổ bất ma Kim giám lục, (4)
Thiên niên do hưởng Khúc-giang tì (5)
Cao phong truy tượng hồn như tạc,
Thủ phát thanh đài nhận thạch bi.

DỊCH NGHĨA

MIẾU VĂN HIẾN Ở THIỀU-CHÂU

Năm xưa từng vạch rõ cái trạng thái phản nghịch của
đứa con rợ Hồ,
Cái tiên kiến sáng suốt như «thi qui».
Nho thuật giúp đời, bình sinh sẵn có,
Lời trung can chúa, sau khi chết càng rõ.
Muôn thuở không mòn được lời ghi trong Kim giám,
Nghìn năm còn hưởng sự thờ cúng ở Khúc-giang.
Phong độ thanh cao, tượng nhớ lại vẫn còn nguyên như
hôm qua.
Tay phải râu xanh, nhận kỹ bia đá.

CHÚ THÍCH

(1) Trương Cửu Linh đời Đường nhận xét An Lộc Sơn người Hồ có trạng thái phản nghịch, nhân khi y phạm quân luật, ông tâu vua Huyền tông rằng: « Thần quan sát tên này có trạng mạo phản nghịch, nếu không giết đi sẽ để mối lo về sau », nhưng Huyền tông không nghe, sau An Lộc Sơn quả nhiên nổi loạn, làm cho xã tắc nhà Đường suýt sụp đổ.

(2) *Thi qui*: cổ thi và mai rùa, đời thượng cổ cho hai vật này là vật thiêng, nên dùng để bói toán lành dữ. Ý nói tài thông minh biết trước của Trương Cửu Linh cũng như thi qui.

(3) Ý câu này nói sau khi Trương Cửu Linh chết rồi thì An Lộc Sơn quả làm phản thật.

(4) *Kim giám*: (cái gương vàng): Ngày tết « thiên thu » các quan đại thần đều dâng gương báu lên chúc mừng vua. Riêng Trương Cửu Linh chỉ dâng lên mười chương nói về đạo trị nước nuôi dân, gọi là sách *Thiên thu Kim giám lục* để răn nhà vua.

(5) *Khúc-giang*, tên huyện, thuộc tỉnh Quảng-đông, quê của Trương Cửu Linh.

8 — DU NAM-HOA TỰ

Thần tích phi lai kỷ bách xuân
Bảo-lâm hương hỏa kế tiền nhân. (1)
Giáng long phục hồ cơ hà diệu,
Vô thụ phi đài ngữ nhược tân. (2)
Điện trắc khởi lâu tàng phật bát,
Hạp trung di tích thoát chân thân.
Môn tiền nhất phái Tào-khê thủy,
Tẩy tận nhân gian kiếp kiếp trần.

DỊCH NGHĨA

CHƠI CHÙA NAM-HOA

*Gậy thần tích bay đến đây đã mấy trăm mùa xuân rồi,
Lửa hương ở chùa Bảo-lâm hợp với nhân duyên trước.
Rồng phải giáng, hồ phải phục, máy (huyền vi) sao mà
thần diệu thế,
« Không có cây, mà cũng chẳng phải đài », lời nói đó như
mới.*

*Cạnh điện dựng lâu cất giấu « bát phật »,
Trong hộp còn để cái dấu mà chân thân thì đã thoát.
Trước cửa một dòng nước Tào-khê,
Rửa sạch bụi bặm đời đời kiếp kiếp cho nhân gian.*

CHÚ THÍCH

(1) *Bảo-lâm*, tên cũ của ngôi chùa Nam-hoa. Nhà Phật gọi *bảo lâm* là rừng có bảy cây quý ở thế giới cực lạc.

(2) *Vô thụ phi đài*: Bài kệ của Lục tổ Huệ Năng, một vị Cao tăng ở chùa Nam-hoa có câu: *Bồ đề bản vô thụ, minh kính diệc phi đài, bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai* (Bồ đề vốn không có cây, gương sáng cũng chẳng phải là đài, bản lai không có một vật gì, thì còn có chỗ nào mà vương phải bụi bặm). Ý nói cái « sắc » vốn là « không », mà đã là « không » thì hăng trong sáng, không chút bụi bặm. Đó là một trong những nguyên lý của đạo Phật.

9 -- TÂM-CHÂU

Tâm-châu thành hạ cổ bề thanh,
Khách lộ hoàn yêm sở nguyệt trình.
Khê động hữu manh sơn bát vạn,
Thú lâu xuy đốc nguyệt tam canh.
Ngạn hoàng sắt sắt bi phong khởi,
Giang thủy du du lữ mộng thanh.
Lão ngã thế đồ gian hiểm thực,
Trung tiêu bất mị độc thương tình.

DỊCH NGHĨA

TÂM-CHÂU

*Dưới thành Tâm-châu tiếng trống vang dậy,
Đường đi của khách còn phải ngậm lại mấy tháng hành
trình.*

*Động ven khe có dân, núi tám vạn ngọn,
Lầu linh thú thổi tiếng sừng khi trăng ba canh.
Tre nứa trên bờ sông xào xạc, ngọn gió bi ai nổi lên,
Nước sông dài dằng dặc, giấc chiêm bao lữ khách trong
trẻo.*

*Già cái đường đời của ta, bao gian hiểm đều quen thuộc,
Nửa đêm rồi mà không ngủ, riêng những đau lòng.*

10 — NGÔ CHÂU

Lộ nhập Thanh-Ngô cảnh cánh giai (gia)
Ngạn biên dương liễu thốc nhân gia.
Cửu-nghi tích thúy phong như ngọc, (1)
Nhị Quảng phân lưu thủy nhược soa.
Lâm quán không văn phi bạch hạc, (2)
Tiên nhân bất kiến tụ thanh xà. (3)
Hỏa sơn băng tỉnh chân kỳ sự, (4)
Cự tục tương truyền khủng diệc sai (sa)

DỊCH NGHĨA

NGÔ CHÂU

*Đường vào Thanh-ngô cảnh càng đẹp,
Cây dương liễu bên bờ sông đứng xúm lại quanh nhà
người ta.
Núi Cửu-nghi chứa màu thúy, cái chóp đẹp như ngọc,
Hai đất Quảng chia dòng, nước rẽ ra như cánh thoa.
Lâm quán chỉ còn nghe nói có chim hạc trắng bay đi,
Không thấy người tiên thủ con rắn xanh ở trong tay áo.
Núi lửa, giếng băng thật là việc lạ,
Tục cũ truyền lại e cũng sai.*

CHÚ THÍCH

(1) Núi Cửu-nghi ở tỉnh Hồ-nam Trung-quốc. Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên ở đó có mả vua Thuấn.

(2) *Lâm quán*: Tu viện của đạo sĩ. Câu này nói đạo sĩ đắc đạo thì hóa chim hạc bay đi. Chưa rõ xuất xứ.

(3) *Tụ thanh xà*: Chưa thấy xuất xứ.

(4) *Hỏa sơn băng tỉnh*: Chưa thấy xuất xứ.

11 — QUÁ LĨNH

Tiền cương nhật lạc mã hôi đòi,
Hành tận Mai quan bất kiến mai.
Giáp đạo thiên tùng xanh hán lập,
Duyên vân nhất lộ phách san khai.
Tràng-an nhật cận liêu thư mục,
Cổ quốc thiên giao trung cảm hoài.
Đường tương nhất tưng thông thủ đạo,
Bất tri kim kỷ bách niên lai.

DỊCH NGHĨA

QUA NÚI (1)

Trên sông núi phía trước, mặt trời đã lặn, ngựa thì
mỏi mệt,
Đi hết ải Mai mà chẳng nom thấy hoa mai.
Hàng nghìn cây thông giập đường chống vòm trời
mà đứng,
Một con đường leo lên mây như bở núi để mở ra.
Mặt trời Tràng-an gần, hãy thư thái con mắt,
Trời cổ quốc xa xăm, nặng mỗi cảm hoài.
Từ khi tướng nhà Đường đánh thông con đường ấy,
Chẳng biết đến nay đã mấy trăm năm rồi?

CHÚ THÍCH

(1) Núi: Chỉ núi Dũ-lĩnh ở Thiệu-châu thuộc tỉnh Quảng-dông, còn có tên là núi Mai-lĩnh.

(2) Tướng nhà Đường: Chưa tìm ra xuất xứ.

12 — ĐỀ LƯU THỊ GIA PHẢ

Tích khánh nguyên lai tự hữu cơ (ky)
Súc hoảng phát cự khả tiên tri.
Thi thư tuần trạch phương du viễn,
Trung hiếu truyền gia huấn vĩnh di.
Thủy mộc tất tùng nguyên bản thủy,
Hoàng kim hà dụng tử tôn di.
Phần hương nhất độc công gia phả,
Túc tức linh nhân khởi kính tư (ti)

DỊCH NGHĨA

ĐỀ VÀO GIA PHẢ HỌ LƯU

Tích đức vốn đã xây nền từ trước,
Chứa nhiều thì phát ra to, có thể biết trước được.
Thi thư khơi dòng, mùi thơm càng xa,
Trung hiếu truyền nhà, giáo huấn lưu mãi.

*Nước và cây hản bắt đầu từ nguồn gốc,
Cần chi phải để vàng cho con cháu.
Một khi đốt hương đọc gia phả nhà ông,
Khiến cái ý nghĩ trang nghiêm tôn kính của người ta
nổi dậy.*

13 — GIANG-TÂY

*Tự cổ Hồng-đô xưng thắng địa,
Kim triều khách lý tạm tương qua.
Yên thu nam phổ tình quang hảo,
Nhật lạc tây sơn mộ cảnh giai (gia)
Cáo yết thành phong liên tục bạc,
Từ chương hữu học trúng khoa đa.
Tinh dương thiết trụ kim do tại,
Bi khắc thiên niên tiền dĩ hoa.*

DỊCH NGHĨA

GIANG-TÂY

*Từ xưa Hồng-đô đã xưng là đất danh thắng,
Hôm nay trong đất khách tạm đi qua.
Khói thu lại bên nam, ánh nắng đẹp,
Mặt trời gác núi tây, cảnh chiều tốt.
Kiện cáo thành thói quen, đáng thương tục bạc,
Từ chương có học nên trúng khoa nhiều.
Cột sắt biểu dương đến nay vẫn còn,
Bia khắc nghìn năm rêu đã nở hoa.*

14 — BÌNH-NAM DẠ BẠC

*Phiến phàm cao chiếm văn phong khinh,
Mộ túc Bình-nam cổ huyện thành.
Đăng ảnh chiếu nhân hòa nguyệt ảnh,
Thụ thanh xao mộng tỉnh than thanh.
Hồ sơn hữu ước vi sơ chí,
Tuế nguyệt như lưu mạn thử sinh.
Dạ bán thú lâu xuy họa giốc,
Khách trung thê thẳng bất thẳng tình.*

DỊCH NGHĨA

ĐÊM CẨM THUYỀN TẠI BÌNH-NAM

Tấm buồm cao cuốn gió chiều nhẹ bỗng,
Giời tối đậu lại Bình-nam nơi huyện thành cũ.
Bóng đèn soi người hòa với bóng trăng,
Tiếng cây lay gõ vào giấc chiêm bao át cả tiếng thác chảy
Ước hẹn với núi hồ nhưng đã trái chí xưa,
Năm tháng như trôi luống (tiếc) cho đời mình.
Nửa đêm tiếng còi rúc trên lầu linh thú,
Mỗi tình trong đất khách ngậm ngùi xiết bao!

15 — TẶNG KHỔNG NHAN MẠNH TAM THỊ
TỬ TÔN GIÁO THỤ THÁI-BÌNH

Nhân sinh thập lự cứu thường quai,
Thịnh thế thù tri hữu khí tài.
Pha lão tích tảng Đam-nhĩ khứ; (1)
Trường Canh diệp hương Dạ-lang lai. (2)
Văn chương tự cổ đa vi lụy,
Thi tửu tông kim thả phóng hoài.
Hội đãi kim kê khai xá nhật, (3)
Ngũ vân thâm xứ đồ Bồng-lai.

DỊCH NGHĨA

TẶNG CON CHÁU BA HỌ KHỔNG, NHAN VÀ MẠNH
ĐI LÀM GIÁO THỤ PHỮ THÁI-BÌNH

Người đời nghĩ mười thường trái chín,
Đời thịnh nào ai biết có tài bị bỏ đi.
Pha lão xưa từng phải đi Đam-nhĩ,
Trường Canh cũng phải đến Dạ-lang.
Văn chương tự cổ nhiều khi mang lụy,
Thơ rượu từ nay hãy cứ mặc lòng,
Sẽ đợi đến ngày « kim kê » mở lượng ân xá,
Năm mây thăm thẳm thấy núi Bồng-lai.

CHÚ THÍCH

(1) *Đam-nhĩ* : Vùng dân tộc ít người ở phía Nam Trung-quốc, Tô Đông Pha nhà Tống đã một hồi bị biếm truất đến đó.

(2) *Dạ-lang* : Tên một bộ lạc nay ở vào phía tây Quý-châu Trung-quốc. Tráng Canh tức Lý Bạch, nhà thơ đời Đường, cũng bị biếm truất ra đây.

(3) *Kim kê khai xá* : Đời cổ nhà vua khi có chiếu chỉ ân xá cho ai thi cho buộc con gà vàng lên đầu cần trúc, miệng nó ngậm lá phượng màu đỏ, đầu nó bịt vàng, nên gọi là *kim kê khai xá*.

16 — LÃNH NOÃN THÍCH

Tiệt trúc biên bờ vị túc kỳ,
Yếu cừ lãnh noãn thích thời nghi.
Nhu mao ồn tạ hương xâm cốt,
Nhuyễn cách hàn phô thủy tầm ky,
Trúc viện nhật trường nghi thử thoái,
Hồng lâu dạ vĩnh giác xuân ti.
Cao đường bất thất (1) ôn lương hậu,
Khước hận thần hôn định tỉnh thì.

DỊCH NGHĨA

CHIẾU LẠNH ẤM

*Cắt thanh trúc bên bờ cỏ bồ cũng chưa lấy làm lạ,
Mà còn phải lạnh ấm hợp với thời nghi.
Lông mềm nệm êm, mùi thơm lọt vào xương,
Da nhuyễn chiếu lạnh, hơi mát ngấm vào da thịt.
Viện trúc ngày dài hợp với khi nắng đã lui,
Lầu hồng đêm dài cảm thấy có một mùa xuân riêng,
Cha mẹ cũng không thiếu sự quạt nồng ấp lạnh,
Chỉ ân hận những khi sớm thắm tối viếng mà thôi.*

CHÚ THÍCH

(1) *Bất thất* : Có bản chép là *bất tất* nghĩa là không cần phải...

17 — CHU TRUNG NGẪU THÀNH

Bội kiếm huề thư dỏm khi thô,
Hải sơn vạn lý phiến phàm cô.
Đồ trung nhật nguyệt tam đông quá,
Khách lý thân bằng nhất tự vô.
Dị cảnh mỗi kinh tân tuế nguyệt,
Biên chu trùng ức cự giang hồ.
Tứ phương tráng chí bình sinh hữu,
Thử khứ ninh từ ngã bộc phô.

DỊCH NGHĨA

TRONG THUYỀN NGẪU NHIÊN LÀM THƠ

*Đeo gươm mang sách, khí khái can đởm thật là to,
Biển núi muôn dặm một cánh buồm lẻ loi.
Trên đường đi, ngày tháng đã qua ba đông,
Nơi đất khách, bạn bè thân thuộc một chữ cũng không
Ở cõi xa lạ, mỗi khi sang năm tháng mới, làm cho lòng
kinh sợ,
Đi chiếc thuyền con, nhớ lại thú giang hồ khi xưa.
Bình sinh sẵn có chí lớn bốn phương,
Chuyến đi này không vì dầy tờ ta mỗi mọt mà từ chối.*

Đồ tư sơn chi nga nga hề, niệm tịch nhật chi
gian khổ.
Phủ vương nghiệp chi du cơ hề, hà nhật năng
vương.
Nguyên kỷ thịnh đức dĩ lạc trình mãn hề, vĩnh
thùy bất hủ.
Cảng thiên cổ dữ vạn cổ hề, đồng thiên địa nhi
trường cửu.

DỊCH NGHĨA

PHÚ NÚI CHÍ-LINH

Con rồng thiêng vùng dậy bay ở Lam-kinh,
Giáo trời trở thẳng quét sạch ải Bắc.
Công dựng nghiệp thành bởi lòng răn sợ,
Núi sông miền tây cũng có linh thiêng.
Ôi (tài đức) thánh võ của vua ta,
Gánh (cái trách nhiệm) sửa sang bốn phương.
Vạn nước gian truân, lòng khốn khổ, dạ ngồn ngang,
Đã biết chắc được lòng trời, bèn răn chí để thành công.
Vì thế, ngày nay Hồ Việt đã thành một nhà, mà núi này
cũng được lưu danh nghìn năm vậy.
Trong khi quân nghĩa mới dấy lên, thế giặc chinh đang
hăng;
Anh hùng hào kiệt trong nước như cây mùa thu gặp sương
trút lá.
Chí muốn nuốt nước Ngô, lấy ai làm Văn Chung,
Phạm Lãi,
Toan dấy nghiệp nhà Hán, lấy ai làm Trần Bình, Trương
Lương?
Vua ta khi đang lăn lút ở núi này, chỉ một bề giấu kín tâm
hơi, bùng bít tia sáng.
Vợ con lưu ly, quân sĩ tan tác.
Tuy ở trong cảnh khốn đốn mà lòng càng hanh thông
biết rằng vận sắp hưng thì có điềm lành.
Mang giới trụ để làm áo, ăn rễ rau để làm lương.
Chí hỏi hả việc khôi phục, lòng bản khoán không hề quên.

Tướng núi này ở thời ấy há chẳng giống như khi vua
nhà Hán thuở còn ở đất Mang-Đường hay sao?
Bởi nhà vua biết sức người và biết sức mình, biết làm
kẻ yếu và biết làm kẻ mạnh;
Chờ thời để lừa khi địch mỗi mệt, giấu mũi nhọn và
bít ánh sáng.

Gối lên củi mà nằm, treo trái mật mà nếm,
Lo rửa sạch mỗi thẹn xưa và để thu lại bờ cõi cũ.
Tướng núi này ở vào thời đó há chẳng giống như đất Cối-
kê (làm chỗ) nương nấu cho vua nước Việt hay sao?
Rồi thì, thu tập tàn quân, vỗ về nuôi nấng càng ân cần,
Trong thì sửa chiến cụ, ngoài thì giả hòa thân.
Quyên vàng mộ kẻ sĩ, giết voi để khao quân.
Người người thân yêu bề trên, liều chết cho kẻ lớn, lo ra
sức để đền ân.

Thế rồi, chọn binh kén tướng, chặn tay người mà ăn
chắc, mưu chước thần kỳ;
Sống nhục không bằng thác vinh, biết chí quân ta dùng
được,

Lương khô, khí giới đều lấy của địch để làm của mình;
Chiếm lấy bằng kế vạn toàn, một mũi tên không bỏ sót.
Cầm Bành củi rập đầu để dâng đất,

Phương Chinh thì hò hét dậm dọa suông.

Bèn giữ nơi hiểm yếu mà lập công,

Lại dùng nhiều phương đánh lừa địch:

Đêm thì đốt lửa, ngày thì kéo cờ lên,

Lấn đất Đô-gia giành lấy tiện lợi,

Sang sông Khả-lưu đánh đấm quân địch.

Sấm ran chớp giạt, tre chẻ tro bay.

Chu Kiệt bị bỏ củi, Hoàng Thành chết phơi thây.

Đất Nghệ-an đã thuộc về ta,

Báo tiếp Tây-dô, nhanh hơn gió giạt,

Dọc đường giở cơm bầu nước, người kéo đến đông như
về (chợ),

Hào kiệt đều căm giận mà nghiêng rặng,

Phụ lão đều rơi lệ mà sụt sùi.

Tiếng tăm quân ta ngày càng lừng lẫy,

Giặc chỉ chạy ngược chạy xuôi ngày càng mỗi mệt.

Trận Thị-kiều như dè sạt phá toang tổ kiến.
Trận Tốt-động như gió dữ bẻ gãy cây ồm,
Trần Hợp, Lý Lượng như con hồ sa xuống hầm sâu,
Vương Thông, Mã Kỳ như con cá trong vạc nước sôi sục,
Non sông muôn dặm đã thu phục lại,
Chợ búa ở Đông-đô vẫn không thay đổi.
Trong khi đó há chẳng giống như vua Cao tổ nhà Hán
bỏ vầy bốn mặt ở đất Cai-hạ hay sao?
Cớ sao giặc cuồng không giệp lòng tham,
Viện binh cả nước lại kéo đến,
Đem dầu đi chữa cháy, lấy tai vạ của người làm vui
mừng.
Liễu Thăng nộp mạng mà máu chảy lai láng ở Chi-lãng,
Mộc Thạnh trốn đêm mà xương người chồng chắt ở
Lãnh-kinh
Hai đường cứu binh chưa kịp quay gót mà đều thua,
Thành giặc các nơi, mũi nhọn không dính máu mà tự mở.
Nguầy đuôi van lạy, tha thiết đáng thương,
Trong khi đó há chẳng giống như Câu Tiễn vầy hãm vua
Ngô ở Cô-tô-đài hay sao?
Tuy nhiên, qui mô rộng lớn của vua Cao tổ nhà Hán (mới)
thật giống như sự hưng thịnh của vua ta ngày nay.
Còn như Câu Tiễn thì riêng cái chí phục thù là khả thủ
mà thôi, há đủ so sánh được muôn một với vua ta!
Đến như thần vũ không muốn giết người, mà đại đức
chỉ muốn cho con người được sống.
Nghĩ đến kẻ lâu dài của nước nhà, tha cho mười vạn
hàng binh.
Sửa lại tình hòa hảo giữa hai nước, dập tắt họa chiến
tranh cho muôn đời.
«Bảo toàn nước» là trên hết, chỉ lo toan việc đẹp yên.
Thế thì cái thịnh đức của vua ta, Cao tổ nhà Hán sao có
thể so sánh được,
Mà (vua ta) sẽ cùng với hai đời đế ba đời vương lừng
danh đó vậy!
Than ôi! xưa qua nay lại, dù trăm đời cũng có thể suy
xét được,

Vua Nghiêu dấy lên từ Đường hầu, vua Thuấn dấy lên
 từ hàn vi;
 Vua Thành Thang mới gậy từ đất Bạc, vua Thái vương
 thì dời sang núi Kỳ.
 Có lẽ nhiều tai nạn chinh là cái gốc để dựng nước, mà
 sự bần khoản lo lắng thực cũng là cái nền để mở ra thánh trị.
 Trái biển cố nhiều thì tư lự sâu, lo công việc xa thì
 thành công lạ.
 Các vị đế vương dấy nghiệp không ai không noi theo lẽ đó.
 Vậy thì sự nghiệp của vua ta thực do núi này mà bắt
 đầu xây dựng,
 Và công to đức lớn của vua ta cũng cùng với núi này
 mà chót vót mãi.
 Liền chấp tay cúi đầu mà dâng lời ca rằng:
 Trời mở thánh, đất dựng vương,
 Kiền khôn mờ mịt, vận gặp lúc phi thường,
 Thấy núi này cao chót vót mà nhớ đến ngày xưa gian khổ,
 Vỡ cái nền lâu dài của nghiệp vương, khi nào quên được.
 Xin ghi thịnh đức của (nhà vua) vào phiến đá tốt này
 để lưu truyền bất hủ,
 Thâu nghìn đời đến muôn đời cùng với trời đất mà dài lâu.

DỊCH PHÚ

BÀI PHÚ NÚI CHÍ-LINH

Rộng thiêng vùng dậy bay Lam-kinh,
 Giáo trời chỉ thẳng ải Bắc thành.
 Sáng nghiệp, nên công khó nhọc,
 Núi sông miền tây anh linh.
 Ôi! Vua ta gồm tài thánh võ,
 Việc bốn phương ra sức kinh doanh.
 Vận nước gian truân, lòng khổ nghĩ rành,
 Xem cơ trời đã có phần quyết đoán,
 Chắc thành công bền luyện chi sắt danh.
 Vì thế nên ngày nay mới hóa Hồ, Việt thành một
 nhà, mà núi này được ngàn thuở lưu danh vậy.

Đương lúc:

Nghĩa binh mới dấy, thế giặc đang hăng,
Anh hùng trong nước, cây gậy mùa sương.
Chi nuốt giặc Ngô ư? Ai Chung, ai Lãi?
Muốn xây nghiệp Hán ư? Ai Bình, ai Lương?
Vua ta còn ẩn giấu ở núi này, chỉ nướng náu
mà tiềm tàng.

Vợ con lưu ly, sĩ tốt tan hoang,
Tuy xử cảnh khốn mà lòng càng thur thái, biết
tương lai hẳn được vẻ vang.
Mặc quân phục để làm áo, ăn rễ rau để làm lương.
Chi tha thiết tình bề khôi phục, lòng bán khoán
chẳng chút trề trắng.
Tướng núi này trong lúc ấy há chẳng như Hán
Cao tổ còn ở núi Mang-Đường đó ư?

Bởi vì:

Biết thế địch, biết sức mình, khi nhượng bộ, khi
tăng cường.
Chờ thời cơ đến khi thuận lợi, giấu oai hùng
chẳng để hở hang.

Nằm gai chẳng quản, ném mật là thường.
Lo rửa thẹn xưa nghìn thuở, để phục đất cũ
bôn phương.

Tướng núi này lúc bấy giờ, há chẳng phải như đất
Cối-kê còn làm chỗ ẩn náu cho Việt vương đó ư?

Thế rồi:

Thu thập tàn quân, nuôi dưỡng ăn cần,
Trong sửa chiến cụ, ngoài vờ hòa thân.
Tung vàng mộ lính, giết voi khao quân,
Mọi người đều thân mến người trên mà liêu chết,
những lo đem sức lực để đền ân.

Khi bấy giờ:

Luyện quân và chọn tướng, quyết thắng ra chước
hay;

Sống nhục thác vinh, biết quân ta vững chi;

Mộc Thạnh trốn chạy mà Lân-kinh xương dầy.
Cứu binh hai đường, thua liểng xiểng không quay
gót kịp;
Thành giặc các xứ, ra đầu hàng chẳng giọt máu
rơi.

Nguầy đuôi van lạy, thăm thiết thương thay!
Đương lúc bấy giờ há chẳng giống như Câu Tiên
hâm vua Ngô ở Cô-tô-dài đó ư?

Tuy vậy:

Hán Cao tổ quy mô xa rộng, chinh gióng được
thịnh đức của vua ta ngày nay,
Còn Câu Tiên chỉ có cái chí phục thù đáng kể,
sánh vua ta muôn một nào tày!

Đến như:

Thần vũ không giết, đức lớn hiếu sinh,
Nghĩ kế quốc gia trường cửu, tha ngay mười vạn
hàng binh.
Hai nước dốc lòng hòa hiếu, muôn đời dập mối
chiến tranh.

«Toàn quốc» trên hết, lo sự yên lành.

Vậy thì đức thịnh vua ta, Hán Cao tổ làm sao
sánh kịp, sẽ cùng hai đế ba vương mà lừng danh!
Than ôi! Xưa qua nay lại, trăm đời khá suy.
Vua Nghiêu trước làm Đường hầu, vua Thuấn
nguyên xưa hàn vi.

Thành Thang khởi binh từ đất Bạc, Thái vương
thiên đô sang núi Kỳ.
Vị nhiều nạn là gốc dựng nước ở đó, mà lo âu
là nền mở thành từ đây.
Trải biến nhiều thi tri lự sâu, tinh việc xa thi
thành công kỳ.

Đế vương nổi lên, ai cũng thế này.

Thế thì sự nghiệp vua ta, thực từ núi này mà xây
dựng;

Và công cao đức thịnh của vua ta, há chẳng cùng
núi này vọi vọi muôn thi!
Bèn chấp tay cúi đầu mà hiến bài ca rằng:
Trời sinh thánh hoàng, đất dấy nghiệp vương,
Kiền khôn mờ ám, gặp vận phi thường.
Trông núi này cao ngất, nghĩ đến ngày xưa gian
khổ,
Nhớ vương nghiệp xây nên, quên lãng sao đang.
Xin ghi thịnh đức, khắc vào đá để truyền bất hủ;
Suốt nghìn đời và muôn đời, cùng trời đất mà
trường thọ.

CHÚ THÍCH

(1) *Chi Linh*: Tên núi ở phía Tây-Bắc tỉnh Thanh-hóa thuộc huyện Lang-chánh, gần biên giới Lào — Việt.

(2) *Lam-kinh*: Núi Lam-sơn, Thanh-hóa.

(3) *Tây thô*: Đất miền tây, chỉ những nơi hoạt động của nghĩa quân khi bắt đầu ở miền Tây Thanh-hóa.

(4) Ý nói: Anh hùng thừa thốt như cây gặp sương mùa thu làm cho lá rụng ít đi.

(5) Ý nói: Bấy giờ nhà vua như Câu Tiễn muốn khôi phục nước Việt, tiêu diệt nước Ngô, nhưng chưa thấy ai là Văn Chủng, Phạm Lãi. Chỉ nhà vua như Hán Cao tổ, nhưng chưa thấy ai như Trần Bình Trưng Lương.

(6) *Giới trụ*: Áo giáp, mũ trụ.

(7) *Mang-Đường*: Tên núi ở Giang-tô (Trung-quốc), trước khi dấy binh đánh Tần, Hán Cao tổ thường ăn náu ở đây.

(8) *Việt vương*: Vua nước Việt, chỉ Việt Câu Tiễn.

(9) *Cầm Bành*: Người thô, trước giữ thành Trà-long, bị Bình-định Vương (tức Lê Thái tổ sau này) bao vây, xin hàng.

(10, 12, 14, 15) đều là tên tướng của quân Minh.

(11) *Đỗ-gia*: Tên huyện xưa, tức là huyện Hương-sơn ở Hà-tĩnh ngày nay.

(13) *Tây-dô*: Ở tỉnh Thanh-hóa.

(16) *Toàn quốc vi thượng*: Bảo toàn nước là trên hết. Chữ ở thiên *Mưu công sách Tôn Tử*.

2 — LAM-SƠN VINH-LĂNG THẦN ĐẠO BI KÝ

Duy Thuận thiên lục niên, tuế thứ Quý sửu, nhuận bát nguyệt, nhị thập nhị nhật, Thái tổ Cao hoàng đế tân thiên. Bản niên thập nguyệt nhị thập tam nhật, táng vu Lam-sơn chi Vĩnh-lăng. Đế tính Lê, húy Lợi.

Tằng tổ húy Hối, Thanh-hóa phủ nhân dã. Thường nhất nhật du Lam-sơn, kiến chúng điều quần phi tường nhiều ư Lam-sơn chi hạ, nhược chúng nhân tụ hội chi trạng, viết: thử giai xứ dã, nhân tử gia cư yên. Tam niên nhi sản nghiệp thành. Tử tôn nhất phồn, nô lệ nhất thịnh, kiến bang khái thổ, thực ký ư thử yên. Tự thị thế vi nhất phương quân trưởng.

Hoàng tổ húy Sanh, (Đinh) khắc thừa kỳ gia, dĩ kế tiên chí, hữu chúng chí thiên dư nhân.

Hoàng tổ tỷ Nguyễn thị, tối hữu hiền hạnh, sinh nhị tử, trưởng viết Tông, thứ viết Khoáng, đế chi hoàng khảo dã. Khởi đề từ tường, hưu hưu lạc thiện, hiếu dưỡng tân khách, lân cảnh chi dân, thị đồng nhất gia, thị dĩ nhân mạc bất cảm kỳ ân nhi phục kỳ nghĩa dã.

Hoàng tỷ Trịnh thị, húy Thương, cần ư phụ đạo, khuê môn hòa mục, gia nhật ích xương. Sinh tam tử, bá viết Học, trọng viết Trừ, quý tắc đế dã.

Bá thụ tổ phụ chi truyền, bất hạnh đoản mệnh.

Đế thừa tổ phụ chi mệnh duy cần. Tuy thời tao đại loạn, nhi chí thả ích kiên, hối tích Lam-sơn, dĩ canh giá vi nghiệp. Do kỳ phân cường tặc chi lăng ngược, vu chuyên tâm ư thao lược chi thư, khánh kiệt gia tư, hậu đãi tân khách.

Mậu tuất khởi nghĩa binh, đồn Lạc-thủy thượng, tiền hậu phạm nhị thập dư chiến, dai thiết phục xuất kỳ, ty nhuệ thừa tộ, dĩ quả địch chúng, dĩ nhược chế cường.

Binh ngộ chiến ư Ninh-động, đại tiếp, toại tiến vi Đông-đô.

Đinh vị, tặc viện binh An viên hầu Liễu Thăng lĩnh binh thập vạn do Quảng-tây tiến, Kiểm quốc công Mộc Thạnh lĩnh binh ngũ vạn do Vân-nam tiến. Chi lăng nhất chiến, Liễu Thăng thụ thủ, trăm tặc chúng sở vạn dư cấp, sinh cầm Hoàng Phúc, Thôi Tự đẳng tam bách dư nhân, quân sĩ vạn dư khẩu. Sở hoạch Liễu Thăng sắc mệnh binh phù tống Vân-nam quân, Mộc Thạnh kiến chi, cử chúng tiêu độn, trăm quốc sinh cầm,

bất khả thắng ký. Thời trấn thủ Đông-quan thành Thành sơn hầu Vương Thông đăng, tiên dũ ngã quân giảng hòa vị định, chí thị thỉnh minh vu Nhị-hà chi thượng, các xứ trấn thủ thành trì câu khai môn xuất hàng. Sở hoạch tặc nhân cập các thành hàng tốt cai thập vạn dư khẩu, nhất giai phóng hoàn; thủy lộ tổng hiệu thuyền ngũ bách dư sru, lục lộ ứng phó khẩu lương cước lực, giới trấp quân sĩ, thu hào nhất vô sở phạm. Lương quốc tự thị thông hiếu, nam bắc vô sự. Mang-lễ, Ai-lao câu nhập bản đồ. Xiêm-thành Đồ-bà hàng hải tu cống. Để tiêu y cán thực, phạm lục tải nhi quốc trung đại trị, chí thị băng.

Thuận thiên lục niên quý sru thập nguyệt cát nhật Vinh lộc đại phu nhập nội hành khiển tri tam quán sự thần Nguyễn Trãi phụng sắc soạn.

DỊCH NGHĨA

BÀI VĂN BIA VĨNH-LĂNG TẠI LAM-SƠN (1)

Năm Quý sru, niên hiệu Thuận thiên thứ 6, ngày 22 tháng 8 nhuận (2), đức Thái tổ Cao hoàng đế lên châu trời. Ngày 23 tháng 10 năm nay (3), an táng Ngài ở Vĩnh-lăng tại Lam-sơn.

Nhà vua họ Lê húy Lợi.

Tằng tổ (4) ngài húy là Hối, người phủ Thanh-hóa. Một hôm đi chơi qua Lam-sơn, thấy đàn chim bay liệng vòng quanh dưới núi Lam-sơn, giống như đám người tụ họp. Người nói rằng: « Đây là chỗ đất tốt », nhân dời nhà đến ở tại đó. Được ba năm, trở nên giàu có, con cháu ngày thêm đông, tài tích ngày thêm nhiều, sau này dựng nước mở đất, thực bởi nền móng ở chốn này. Từ đó, đời đời cầm đầu một phương.

Tổ phụ nhà vua húy là Sanh (thường đọc là Đình), nối dõi nghiệp nhà, theo chí người trước, gia thuộc tới hơn nghìn người.

Tổ mẫu của nhà vua họ Nguyễn, tính hiền hậu, sinh được hai con, đầu là Tông, thứ là Khoáng, tức là thân phụ của nhà vua. Người có tính hòa thuận hiền từ, thích làm việc thiện, hậu đãi tân khách, coi dân các làng lân cận như trong một nhà, vì thế ai cũng cảm ơn mến nghĩa.

Thân mẫu nhà vua, họ Trịnh, húy là Thương, chăm lo đạo vợ, hòa thuận buông the, cửa nhà ngày càng thịnh vượng. Bà sinh hạ ba con trai: trưởng là Học, giữa là Trừ, nhà vua là út.

Người con trưởng nối nghiệp ông cha, không may mất sớm.

Nhà vua vâng mệnh ông cha, rất mực cẩn thận, tuy gặp buổi loạn to mà chí càng thêm vững. Giấu mình ở núi Lam-sơn, làm nghề cày cấy. Vì căm giận bọn cường tặc tàn ngược, nên càng chuyên tâm nghiên cứu sách thao lược (5), và dốc hết của nhà để hậu đãi tân khách.

Năm Mậu tuất (1418), nhà vua khởi nghĩa, đóng quân trên sông Lạc-thủy, trước sau đánh hơn hai chục trận, đều đặt mai phục bày chước lạ, tránh chỗ mạnh, nhẹ lúc yếu, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh.

Năm Bình ngọ (1426), đánh ở Ninh-động (6) đại thắng, bèn tiến vây Đông-đô (7).

Năm Đinh mùi (1427) giặc đem viện binh sang, An viên hầu Liễu Thăng lĩnh quân 10 vạn do đường Quảng-tây tiến vào; Kiềm quốc công Mộc Thạnh lĩnh quân 5 vạn do đường Vân-nam tiến đến. Một trận đánh ở Chi-lăng, Liễu Thăng phải nộp mạng, quân ta chém đến vài vạn đầu và bắt sống bọn Hoàng Phúc, Thôi Tụ hơn 300 người, quân sĩ hơn vạn tên. Bắt được sắc mệnh và binh phù (8) của Liễu Thăng, cho người đưa tới chỗ đạo quân Vân-nam đóng, Mộc Thạnh trông thấy, đương đêm dẫn quân chạy trốn, ta vừa chém đầu vừa bắt sống nhiều không kể xiết.

Lúc ấy trấn thủ thành Đông-quan là bọn Thành sơn hầu Vương Thông, trước kia đã cùng quân ta giảng hòa nhưng chưa quyết định, thì bây giờ xin lập đàn ăn thề ở trên sông Nhị-hà. Các thành trì khác cũng đều mở cửa ra hàng.

Số quân giặc bị bắt và số hàng binh ở các thành, gồm hơn 10 vạn tên, thấy đều thả cho về nước. Đường thủy cấp cho hơn 500 chiếc thuyền, đường bộ cấp lương thực và lừa ngựa. Nhà vua răn cấm quân sĩ không được mảy may động chạm đến chúng. Từ đó thông hiếu, nam bắc không còn việc gì lôi thôi. Mường-lễ, Ai-lao đều thuộc về bản đồ nước ta; Chiêm-thành, Đồ-bà (9) cũng đều vượt bể đến triều cống.

Nhà vua dậy sớm thức khuya, siêng lo việc nước được 6 năm, mà trong nước thịnh trị. Đến nay ngài mất.

Ngày lành tháng mười năm Quý sửu, niên hiệu Thuận thiên thứ 6 (10) Vinh lộc đại phu nhập nội hành khiển tri tam quán sự thần là Nguyễn Trãi vâng lời sắc soạn bài văn bia này.

CHÚ THÍCH

(1) Lãng của Lê Thái tổ, nay còn ở Lam-sơn, xã Xuân-lam (Thanh-hóa).

(2) Ngày 5-10-1433.

(3) Ngày 4-12-1433.

(4) Tổ bốn đời sinh ra ông bà. Thường gọi là cụ hay cố.

(5) Sách *Lục thao Tam lược* nói về phương lược dụng binh.

(6) *Ninh-động*: tức Ninh-kiều, một địa điểm ở phía tây phủ Giao-châu, ở vùng tây bắc tỉnh Hà-đông. — Có bản lại chép là *Tốt-động*, xin ghi vào đây để tham khảo.

(7) *Đông-đô*: thời thuộc Minh gọi là Đông-quan. Đông-đô có khi chỉ toàn miền Bắc từ Ninh-bình trở ra.

(8) *Sắc mệnh, binh phù*: tờ sắc và dấu hiệu vua ban cho một vị tướng để giao quyền điều khiển binh sĩ. *Binh phù* của Liễu Thăng tức là quả ấn (song hồ phù) do quân ta bắt được.

(9) *Đồ-bà*: tên một nước ở vùng bờ Nam-dương.

(10) Tức tháng 11 năm 1433.

3 — BĂNG HỒ DI SỰ LỤC

Băng hồ tướng công, Trần thị chi thân tộc, phụ nhập nội thái bảo Uy túc công, húy Văn Bích, phụ Minh miếu tri thái bình. Tổ Văn túc vương, húy Đạo Tải, thập tứ tuế thi trúng băng nhãn. Thánh miếu đặc tứ văn phục dĩ sủng dị chi, xưng kỳ hữu Quán, Cát chi tài, hữu ý đại dụng, vị cập trắc tướng, nhi vương tảo hoảng. Tằng tổ thượng tướng thái sư Chiêu minh đại vương, húy Quang Khải, Thái tông chi thứ tử, Trùng hưng niên gian, công cư đệ nhất. Thường xuất chinh, Thánh miếu tứ nhị kỳ, thần hàn đề vân:

« Nhất đại công danh thiên hạ hữu,

Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô »,

khả kiến phi thường chi nhân hỹ. Thọ ngũ thập tuế, hữu *Lạc đạo tập* hành vu thế.

Công húy Nguyên Đán, gia truyền thi lễ, trụ xuất thần minh. Tề nguyệt quang phong, nhã hữu xuất trần chi tướng; thanh thiên bạch nhật, minh kỳ hứa quốc chi trung. Tích đương Hôn đức bội loạn chi thời, tòng Nghệ, Duệ nhị đế xuất bôn vu ngoại. Sự bình chi nhật, viên lập tác tướng. Định thung chàng ư chốn

hám chi tế, giải phân kết vu thác loạn chi dư. Sở niên chi gian, hải nội bình trị. Quốc nhân xưng viết hiền tướng. Tuy nhi đồng tâu tốt, mạc bất tri danh.

Tự Hồ thị tiến dụng, âm băng thủy ngưng. Công viết : « Quân tử kiến cơ nhi tác, bất sĩ chung nhật ». Ư thị, sáng Thanh hư động ư Phụng-sơn huyện chi Côn-sơn, dĩ vi thoái hư chi xứ. Động thành, Duệ miếu tứ ngự thư « Thanh hư động » tam đại tự, yết chi bi ngạch. Nghệ miếu thân chế bi minh, khắc chi nham âm.

Công tuy tích ngụ lâm tuyền, chí tồn tông xã, kỳ ưu ái chi niệm, quyền quyền vị thường nhất nhật tam vong vu hoài. Mỗi thác chi thi ca, ngụ kỳ trung phần, hoặc khứ hoặc lưu, nhất động nhất tĩnh, mạc phi dán thuyết dã. Nghệ tông chung bất chi sát, do thị Hồ gia khí diễm nhật thịnh, phụ thế nhật phồn, quốc ích dĩ tước, vô khả nại hà, nhi công thoái hư chi chí thủy quyết.

Lâm chung bệnh phát phục dược. Tử tôn hữu khuyến chi giả, tất viết : « Thời sự như thử, dư đắc tử hạnh hỷ, khởi phục cầu sinh kiến họa loạn da? » Công một vị kỹ, Hồ thị quả soạn quốc, sát lục Trần thị tử tôn vô di, kỳ tiên kiến chi minh, hữu như thị yên. Thọ lục thập ngũ, dĩ Canh ngộ niên thập nhất nguyệt thập tứ nhật tốt vu gia, táng vu Lương-châu phủ (kim Lương-giang phủ) Phụng-sơn huyện Tam-giáp sơn. Lịch quan chi nhập nội kiểm hiệu tư đồ bình chương sự, quốc thượng hầu, thụ Chương túc. Hữu *Băng hồ ngọc hác* tập hành vu thế. Nam nữ thập nhất nhân, binh hậu tiền hữu tồn giả.

Dư mẫu, công đệ tam nữ dã, tiên công nhi một. Dư thiết cảm Bành-trạch Đào công tác ngoại tổ Mạnh phủ quân truyện, My-sơn Tô công lục Trinh công di sự, Hối am Văn công hựu lục Chúc công di sự. Khải phong hàn tuyền chi bi, thực chung vu tâm ; hướng công tử tôn đãi tận, đường cầu chi thác, thực tại ư dư. Nghĩ phục trúc thất vu Côn-sơn chi hạ, tuế thời tiến hưởng, nhi quyết chí vị toại ; nhân mệnh công hội tập di sự, lục vu kỳ hậu, tàng chi vu gia, dĩ thị bất vong, diệc thử cơ hồ Đào công, Tô công, Văn công chi tâm dã. Dư kiến Nhị Khê tiên sinh sở soạn Thanh hư động ký cập biệt chi thư vân.

Thuận thiên nguyên niên Mậu thân trọng đông tuyền phụng đại phu nhập nội hành khiển, môn hạ hữu gián nghị đại phu đồng trung thư lệnh sự, tứ tử kim ngư đại, thượng hộ quốc, quan phục hầu tứ tinh Lê Trãi.

CÂU CHUYỆN CŨ VỀ CỤ BĂNG HO

Băng hồ tướng công, họ thân của nhà Trần. Cha là Uy túc công, húy Văn Bích, làm chức nhập nội thái bảo giúp vua Minh tông nên nghiệp thái bình. Ông là Văn túc vương, húy Đạo Tải, năm mười bốn tuổi thi đỗ bảng nhãn, Thánh tông ban cho văn phục để tỏ lòng yêu trọng và khen là có tài Quán, Cát⁽¹⁾, nhà vua có ý đại dụng, nhưng chưa kịp thăng lên tướng vị thì vương đã mất sớm. Cụ là thượng tướng, thái sư, Chiêu minh đại vương, húy Quang Khải, con thứ vua Thái tông, có công to bực nhất trong khoảng niên hiệu Trưng hưng (1285 — 1295). Thường đem quân đi đánh giặc, vua Thánh tông ban cho hai lá cờ, đề rằng :

Nhất đại công danh thiên hạ hữu,
Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô,⁽²⁾

đủ hiểu vương là một bực phi thường ; thọ năm mươi tuổi, có tập Lạc đạo truyền lại đời sau

Ông húy là Nguyễn Đán, nếp nhà thi lễ, dòng dõi thần minh ; trắng trong gió mát, thường có tư tưởng xuất trần⁽³⁾ ; bạch nhật thanh thiên⁽⁴⁾, soi rõ tấm lòng hứa quốc⁽⁵⁾.

Buổi trước, khi Hôn đức⁽⁶⁾ làm việc bội loạn, ông theo hai vua Nghệ, Duệ⁽⁷⁾, xuất bôn ra ngoài ; đến khi dẹp yên, ông được sung vào ngôi tướng quốc ; giữ vững trong cơn nao núng, gỡ thanh mọi mối rối ren ; trong khoảng vài năm, thiên hạ bình trị, người trong nước khen là bực tướng hiền, dù trẻ con lnh tráng đều biết tiếng.

Từ khi họ Hồ được tiến dụng thì lớp băng giá ngấm bắt đầu đọng lại. Ông nói rằng : « Người quân tử thấy thời cơ thì đứng dậy, không đợi đến cuối ngày ». Bèn dựng động Thanh-hư ở núi Côn-sơn tại huyện Phụng-sơn làm chỗ lui về hưu dưỡng. Động làm xong, vua Duệ tông viết ba chữ lớn : « Thanh-hư động » để vào đầu tấm bia. Vua Nghệ tông thân soạn bài văn bia khắc vào vách núi. Ông tuy mình gửi lâm toản, chỉ văn đề vào tông xã. Tấm lòng ưu ái chưa từng một lúc nào tạm khuấy. Thường vẫn mượn thi ca gửi niềm trung phản, hoặc ở hoặc đi, một động một tĩnh, ông đều ngụ ý can gián, cuối cùng Nghệ tông không xét gì cả. Do đó mà họ Hồ khí diễm càng mạnh, xu phụ càng nhiều, thế nước dần nguy, không biết làm thế nào được nữa, thì cái chi thoái hưu của ông mới quả quyết.

Đến ngày cuối cùng, ốm mà không chịu uống thuốc, con cháu cố khuyên mời thì ông nói: «*Thời sự như thế, ta được chết là may rồi, còn cầu lấy cái sống để mà nhìn thấy cuộc họa loạn xảy đến hay sao?*»

Ông mất chưa được bao lâu thì họ Hồ cướp nước, giết hại con cháu nhà Trần không còn sót ai, sự tiên kiến của ông sáng suốt là như vậy.

Ông thọ 65 tuổi, ngày 14 tháng 11 năm Canh ngọ (1390) mất ở nhà, táng tại núi Giáp-sơn, thuộc huyện Phượng-sơn, phủ Lạng-châu. Ông làm quan đến nhập nội kiêm hiệu tư đồ bình chương sự, Quốc thượng hầu, thụy là Chương túc, có tập Băng hồ ngọc hác truyền lại. Trai gái cả thảy 11 người, sau hồi binh qua không mấy người còn.

Mẹ ta là con gái thứ ba của ông, mất từ khi ông còn sống. Ta chạnh nhớ đến những việc Bành-trạch Đào công (8) làm truyện ông ngoại là Mạnh phủ quân, My-sơn Tô công (9) viết Trình công di sự, Hối am Văn công (10) viết Chúc công di sự, bất giác nổi nhớ dòng suối lạnh trong thơ Khải phong thực đã chung đúc trong lòng (11). Phương chi, con cháu của ông không còn ai, việc thừa kế chính là phận sự của ta.

Ta vẫn định dựng một nếp nhà ở dưới núi Côn-sơn để tuế thời cúng vái, mà ý muốn vẫn chưa đạt được. Nhân thuê thợ vẽ bức tranh và góp hợp truyện cũ chép vào sau, cất giấu ở nhà để tỏ lòng không quên, ngõ hầu cũng gần với tấm lòng của các ông Đào công, Tô công và Văn công, ngoài ra thì còn có ghi trong bài Thanh hư động ký của Nhị Khê tiên sinh (12) và các bản khác.

Tháng trọng đông (13) năm Mậu thân, niên hiệu Thuận thiên nguyên niên (1428), Tuyên phụng đại phu, nhập nội hành khiển môn hạ hữu gián nghị đại phu, đồng trung thư lệnh sự, ban cho kim tử ngư đại, thượng hộ quốc, Quan phục hầu, cho quốc tính, Lê Trãi cần lục.

CHÚ THÍCH

(1) Quản Trọng giúp Hoàn công nước Tề, Gia Cát Lượng giúp Lưu Bị nhà Hán, đều là những bậc hào kiệt.

(2) «*Một thuở công danh thiên hạ có,*

Hai triều trung hiếu thế gian không.»

ý nói công danh còn có kẻ bằng, nhưng trọn đạo trung hiếu với cả hai đời vua thì không ai sánh kịp.

- (3) *Xuất trần* : sống ngoài cõi trần tục.
- (4) *Thanh thiên bạch nhật* : trời xanh và mặt trời sáng.
- (5) *Hứa quốc* : hiến mình cho nước.
- (6) *Hôn đức* : cái đức mờ ám, chỉ Dương nhật Lễ cướp ngôi vua, làm tàn hại dân.
- (7) *Nghệ, Duệ* : Nghệ tông và Duệ tông.
- (8) *Đào công* tức *Đào Tiềm* : tự là Uyên Minh, người đời Tấn (Trung-quốc), làm huyện lệnh ở Bành-trạch.
- (9) *Tô công* tức *Tô Thức* : người đời Tống, ở xứ My-sơn (Trung-quốc), nổi tiếng văn thơ.
- (10) *Văn công* tức *Chu Hy* : tự Hối am, cũng người đời Tống. Ba ông Đào, Tô, Chu đều viết truyện ông ngoại.
- (11) Thơ *Khải phong* trong thiên Vệ phong kinh Thi nói đến công đức của người mẹ. Trong truyện *Mạnh phủ quân*, Đào Tiềm có viết : « mẫu thân của Uyên minh là con gái thứ tư của ông (Mạnh phủ quân), niềm cảm nhớ đến dòng suối lạnh trong thơ *Khải phong* thực đã chung đúc trong lòng ».
- (12) Tức Nguyễn phi Khanh, thân phụ Nguyễn Trãi, có viết bài *Thanh-hư động ký* ca ngợi Trần nguyên Đán.
- (13) *Trọng đông* : tháng 11 âm lịch.



(1) The first thing I did was to go to the bank.
(2) I then went to the post office to get my mail.
(3) After that, I went to the library to borrow some books.
(4) I also went to the gym to work out.
(5) Finally, I went to the store to buy some groceries.
(6) I then went to the bank to deposit my money.
(7) After that, I went to the post office to get my mail.
(8) I also went to the library to borrow some books.
(9) I then went to the gym to work out.
(10) Finally, I went to the store to buy some groceries.

PHẦN CHỮ HÁN



PLATE 100

抑齋詩集

1 遊山寺

短	掉	繫	斜	陽	匆	匆	謁	上	方
雲	歸	禪	楊	冷	花	落	澗	流	香
日	暮	猿	聲	急	山	空	竹	影	長
箇	中	真	有	意	欲	語	忽	還	忘

2 江行

西	津	初	艤	棹	風	景	便	江	湖
雨	過	山	容	瘦	天	長	雁	影	孤
滄	浪	何	處	是	漁	釣	好	爲	徒
回	首	東	華	地	塵	埃	覺	已	無

3 聽雨

寂	寞	幽	齋	裡	終	宵	聽	雨	聲
蕭	騷	驚	客	枕	點	滴	數	殘	更
隔	竹	敲	窻	密	和	鍾	入	夢	清
吟	餘	渾	不	寐	斷	續	到	天	明

4

贈友人

貧	病	予	憐	汝	疎	狂	汝	似	予
同	爲	千	里	客	俱	讀	數	行	書
獲	落	知	何	用	棲	遲	諒	有	餘
他	年	藥	溪	約	短	笠	荷	春	鋤

5

浴翠山

海	口	有	僊	山	年	前	屢	往	還
蓮	花	浮	水	上	僊	境	墜	人	間
塔	影	簪	青	玉	波	光	鏡	翠	鬢
有	懷	張	少	保	碑	刻	蘇	花	斑

6

題伯牙鼓琴圖

鍾	期	不	作	鑄	金	難	獨	抱	瑤	琴	對	月	彈
靜	夜	碧	霄	涼	似	水	一	聲	鶴	唳	九	皋	寒

全唐詩集唐僧詩安能得黃金鑄作鍾子期

7

夢山中

清	虛	洞	裡	竹	千	竿	飛	瀑	霏	霏	落	鏡	寒
昨	夜	月	明	天	似	水	夢	騎	黃	鶴	上	僊	壇

8

題雲窩

半簾花影滿床書
盡日雲窩無箇事
庭外蕭蕭水竹居
黑甜一枕半窻虛

9

偶成

世上黃梁一夢餘
如今只愛山中住
覺來萬事總成虛
結屋花邊讀父書

10

寨頭春渡

渡頭春草綠如烟
野徑荒涼行客少
春雨添來月拍天
孤舟鎮日攔沙眠

11

暮春即事

爾雅苦棟三月開花芳香滿庭

閑中盡日閉書齋
杜宇聲中春向老
門外全無俗客來
一庭疏雨棟花開

12

村舍秋砧

滿江何處響東丁
一種蕭關征婦怨
夜月偏驚久客情
總將離恨入秋聲

13 晚 立

長天漠漠水悠悠 黃落山河屬暮秋
羨殺花邊雙白鳥 人間累不到滄洲

14 題山鳥呼人圖

深山寂寂鳥呼人 畫裡看來亦逼真
閒掛午窗朝退日 夢回疑是故園春

15 題東山寺

寺在東朝永饒社有含龍寺安南志溪水山亦在
伊社在靈鹿寺玉清館下有霹靂池四時不竭

君親一念久嬰懷 澗愧林慚夙願乖
三十餘年塵境夢 數聲啼鳥喚初回

16 寄 友

亂後親朋落葉空 天邊書信斷秋鴻
故園歸夢三更雨 旅舍吟懷四壁蛩
杜老何曾忘渭北 管寧猶自客遼東
城中故舊如相問 爲道天涯任轉蓬

17 途中寄洮江何刺史程僉憲

洮江一別意悠悠 杯酒論文憶舊遊
東岸梅花晴映纜 平灘月色遠隨舟
程公世上無雙士 何老朝中第一流
鈴閣想應清話處 天涯肯念故人不

18 雲屯

雲屯在廣安安南志云雲屯即斷山在雲屯縣海中
兩山對峙一水中通立木柵置水門民家列居兩岸
李時瓜哇暹羅諸酋泊來于此居住販買

路入雲屯山復山 天恢地設付奇觀
一盤藍碧澄明鏡 萬斛鴉青鬢翠鬟
宇宙頓清塵海岳 風波不動鐵心肝
望中岸草萋萋綠 道是藩人駐船灣

19 白藤海口

在水棠縣爲閩河名勝第一華封安興橫蒲三縣分
處江左波濤蔽天重山峙立海門之東爲廣東欽州
去數百里是分茅嶺陳時元兵來侵興道於此植椿
擒其將叟都

朔風吹海氣淩淩 輕起吟帆過白藤
鰐斷鯨刳山曲曲 戈沉戟折岸層層
關河百二由天設 豪傑功名此地曾
往事回頭嗟已矣 臨流撫景意難勝

龍尾山在萬寧縣首據峻岸尾
 截海邊往來舟楫阻風浪者多

撥盡閒愁獨倚蓬	水光渺渺思何窮
松林地斥疆南北	龍尾山橫限要衝
義氣掃空千嶂霧	壯懷呼起半帆風
扁舟羨我朝天客	直駕鯨鯢跨海東

椿木重重海浪前	沈江鐵鎖亦徒然
覆舟始信民猶水	恃險難憑命在天
禍福有媒非一日	英雄遺恨幾千年
乾坤今古無窮意	却在滄浪遠樹烟

和鄉先生韻東諸同志

愁來咄咄漫書空	天地無窮嘆轉蓬
世事灰心頭向白	衰顏借酒暈生紅
覽輝擬學鳴陽鳳	遠害終爲避弋鴻
淪落天涯俱是客	年來出處畧相同

寄舅易齋陳公

兵餘親戚半離零	萬死殘軀偶一生
往事空成槐國夢	別憐誰寫渭陽情
不來自擬同王式	避亂終當學管寧
欲問相思愁別處	孤齋風雨夜三更

24

清明

一從淪落他鄉去
千里墳塋遠拜掃
乍晴天氣模稜雨
聊把一杯還自彊

屈指清明幾度過
十年親舊盡消磨
過半春光斷句花
莫教日日苦思家

斷句花即醪醖花也

25

戲題

閒來無事不清哦
珪璧千重開壘嶽
管弦嘈雜林邊鳥
眼底一時詩料富

塵外風流自一家
玻璃萬頃漾晴波
羅綺芳芬塢裡花
吟翁誰與世人多

26

亂後感作

神州一自起干戈
子美孤忠唐日月
年來變故侵人老
卅載虛名安用處

萬姓嗷嗷可奈何
伯仁雙淚晉山河
秋越他鄉感客多
回頭萬事付南柯

27

亂後到崑山感作

山在支硎社陳元旦退休處山有清虛洞下有漱玉橋陳法螺庵居玄光亦卓錫于此

一別家山恰十年
林泉有約那堪負
鄉里纔過如夢到
何時結屋雲峯下

歸來松菊半翛然
塵土低頭只自憐
干戈未息幸身全
汲澗烹茶枕石眠

歸崑山舟中作

十	年	飄	轉	嘆	蓬	萍	歸	思	搖	搖	日	似	旌
幾	托	夢	魂	尋	故	里	空	將	血	淚	洗	先	塋
兵	餘	斤	斧	嗟	難	禁	客	裡	江	山	只	此	情
鬱	鬱	寸	懷	無	奈	處	船	窻	推	枕	到	天	明

寄友

半	生	世	路	嘆	屯	遭	萬	事	惟	應	付	老	天
寸	舌	但	存	空	自	信	一	寒	如	故	亦	堪	憐
光	陰	倏	忽	時	難	再	客	舍	淒	涼	夜	似	年
十	載	讀	書	貧	到	骨	盤	無	苜	蓿	坐	無	甍

舟中偶成

雨	後	春	潮	漲	海	門	天	風	吹	起	浪	花	噴
半	林	殘	照	篩	烟	樹	隔	水	孤	鐘	搗	月	村
風	景	可	人	詩	入	畫	湖	山	滿	目	酒	盈	樽
舊	遊	歷	歷	余	曾	記	往	事	重	尋	只	夢	魂

海	角	天	涯	肆	意	遊	乾	坤	到	處	放	吟	毫
漁	歌	三	唱	烟	湖	濶	牧	笛	一	聲	天	月	高
清	夜	憑	虛	觀	宇	宙	秋	風	乘	興	駕	鯨	鯨
悠	然	萬	事	忘	情	後	妙	理	真	堪	付	濁	醪

32

題 劍

藍山自昔臥神龍	世事懸知在掌中
大任有歸天啓聖	昌期一遇虎生風
國讐洗盡千年耻	金匱終藏萬世功
整頓乾坤從此了	世間那更數英雄

賀 歸 藍 山

33

I

權謀本是用除奸	仁義維持國勢安
臺閣有人儒席煖	邊陲無事柳營閒
遠方玉帛圖王會	中國威儀觀漢官
朔祲已清鯨浪息	南州萬古舊江山

34

II

憶昔藍山玩武經	當時志已在蒼生
義旗一向中原指	廟算先知大事成
月竈日城歸德化	弁裳椎髻識威聲
一戎大定何神速	甲洗弓囊樂太平

35

上元扈駕舟中作

沿江千里燭光紅	彩鷁乘風跨浪蓬
十丈樓臺消屨氣	三更鼓角壯軍容
滄波月浸玉千頃	僊杖雲趨九重
五夜蓬窻清夢覺	猶疑長樂隔花鍾

賀捷

辛亥太祖征復禮州

36

I

邊	寇	敢	曾	蠻	爾	蠢	年	多	已	惡	稔	凶	積
俗	遐	怡	念	容	重	九	烟	瘴	冒	輿	變	里	萬
博	魏	收	聞	已	戍	山	然	燕	刻	見	又	奎	宸
一	書	車	海	四	今	從	前	古	萬	功	豐	德	盛

37

II

容	難	罪	子	賊	臣	奸	中	網	憲	投	終	底	到
息	喘	延	堪	豈	壤	窮	公	膚	奏	已	應	庭	大
月	山	溪	里	萬	聲	角	風	木	草	岩	千	脚	旗
始	此	從	清	永	海	四	天	掛	辨	早	桑	扶	扶

38

III

愚	昏	憫	遠	柔	朝	聖	軀	殞	自	知	無	爾	奈
怨	境	鄰	深	仇	世	累	誅	神	鬼	大	罪	天	欺
代	今	扳	世	前	將	莫	囚	逆	効	臣	忠	作	不
者	鎮	藩	來	後	報	爲	途	前	在	轍	覆	輪	征

39

IV

高	天	謂	上	罔	天	欺	逃	莫	更	恢	恢	網	天
險	設	空	山	重	外	戶	巢	歸	不	鳥	棲	間	林
馭	鸞	紆	遠	路	溪	蠻	韜	虎	出	謀	深	帳	玉
靜	帖	俱	今	只	海	四	勞	先	本	逸	後	知	預

40

周公輔成王圖

懿	親	輔	政	想	周	公	處	變	誰	將	伊	尹	同
玉	几	遺	言	常	在	念	金	滕	故	事	敢	言	功
安	危	自	任	扶	王	室	左	右	無	非	保	聖	躬
子	孟	豈	能	瞻	彷彿		擁	昭	僅	可	挹	餘	風

41

乞人畫崑山圖

半	生	邱	壑	廢	登	臨	亂	後	家	鄉	費	夢	尋
石	畔	松	風	孤	勝	賞	澗	邊	梅	影	負	清	吟
烟	霞	冷	落	腸	堪	斷	猿	鶴	蕭	條	意	匪	禁
憑	仗	人	間	高	畫	手	筆	端	寫	出	一	般	心

42

題程處士雲窩圖

佳	客	相	逢	日	抱	琴	故	山	歸	去	興	何	深
香	浮	瓦	鼎	風	生	樹	月	照	苔	磯	竹	滿	林
洗	盡	塵	心	花	外	茗	喚	回	午	夢	枕	邊	禽
日	長	隱	几	忘	言	處	人	與	白	雲	誰	有	心

43

觀閱水陣

北	海	當	年	已	截	鯨	燕	安	猶	慮	詰	戎	兵
旌	旗	旖	旖	連	雲	影	驚	鼓	喧	闐	動	地	聲
萬	甲	耀	霜	貔	虎	肅	千	艘	布	陣	鶴	鵝	行
聖	心	欲	與	民	休	息	文	治	終	須	致	太	平

44 題徐仲甫耕隱堂

去怕繁花踏軟塵	一犁岩畔可藏身
商家令佐稱莘野	漢世高風仰富春
松菊猶存歸未晚	利名不羨隱方真
嗟余久被儒冠誤	本是耕閒釣寂人

45 題石竹窩

鏡石移栽竹幾竿	玲瓏色映碧琅玕
烟梢露滴衣裳冷	地骨雲生枕簟寒
幽致已應塵外想	清標還愛雪中看
窻前月白供佳賞	退食聊將寓暫歡

46 題何校尉白雲思親

庭園一別歲花深	愛慕人皆共此心
客裡看雲情易切	公餘披卷意難禁
家山孰不懷桑梓	忠孝何曾有古今
持此贈君還自感	詩成我亦淚沾襟

秋夜客感

莊子楚王與凡君坐楚左右曰凡亡者三凡君
曰凡之亡者不足以喪吾存楚之存不足以存
存由此觀之則凡未始亡而楚未始存也

47

I

旅舍蕭蕭席作門	微吟袖手過黃昏
秋風落葉羈情思	夜雨青燈客夢魂
亂後逢人非夙昔	愁中送目寓乾坤
到頭萬事皆虛幻	休論凡亡與楚存

西風撼樹響提錚	搖落聲悲久客情
黃葉滿庭秋過半	青燈和雨夜三更
病多骨瘦眼應少	官冷身閒夢亦清
一念息來千念息	鷄虫自此了相爭

49 秋夜與黃江阮若水同賦 用梁江韻

紅葉堆庭竹擁門	滿階明月過黃昏
九霄清露三更濕	四壁寒蟬徹夜喧
僊籟語秋驚草木	玉繩低漢轉乾坤
高齋獨坐渾無寐	好把新詩向志論

50

望瀛

望瀛投暮繫吟船	詩景撩人晚興牽
浴翠雨晴峯似玉	大安潮漲水如天
依依遠樹青烟裡	渺渺平沙白鳥前
三十年前湖海趣	茲遊奇絕勝蘇僊

51

過神符海口

在峨山江流自正大巡而下兩邊連山排立
蜿蜒赴海景致幽潤為山水大觀

神符海口夜中過	奈此風清月白何
夾岸千峯排玉筍	中流一水走青蛇
江山如昨英雄逝	天地無情事變多
胡越一家今幸覩	四溟從此息鯨波

52

神符海口

故	國	歸	心	落	雁	邊	秋	風	一	葉	海	門	船
鯨	噴	浪	吼	雷	南	北	槩	擁	山	連	玉	後	前
天	地	多	情	恢	巨	浸	動	名	此	會	想	當	年
日	斜	倚	棹	滄	茫	立	冉	冉	寒	江	起	暮	烟

53

淋港夜泊

港	口	聽	潮	暫	繫	舫	緜	緜	隔	岸	響	蒲	牢
船	窻	客	夜	三	更	雨	海	曲	秋	風	十	丈	濤
膜	外	虛	名	身	是	幻	夢	中	浮	俗	事	堪	拋
一	生	習	氣	渾	如	昨	不	爲	羈	愁	損	舊	豪

海口夜泊有感

54

I

湖	海	年	來	興	未	闌	乾	坤	到	處	覺	心	寬
眼	邊	春	色	薰	人	醉	枕	上	潮	聲	入	夢	寒
歲	月	無	情	雙	鬢	白	君	親	在	念	寸	心	丹
一	生	事	業	殊	堪	笑	贏	得	浮	名	落	世	間

55

II

一	別	江	湖	數	十	年	海	門	今	夕	繫	吟	船
波	心	浩	渺	滄	洲	月	樹	影	參	差	浦	漱	烟
往	事	難	尋	時	易	過	國	恩	未	報	老	堪	憐
平	生	獨	抱	先	憂	念	坐	擁	寒	衾	夜	不	眠

龍 袋 岩

袋一作岱清華山名清江橫前紅渠遠後

詳見安南誌

去	年	虎	穴	我	曾	窺	龍	袋	今	觀	石	窟	奇
鰲	負	出	山	山	有	洞	鯨	遊	塞	海	海	爲	池
壺	中	日	月	天	難	老	世	上	英	雄	此	一	時
黎	范	風	流	嗟	漸	遠	青	苔	半	蝕	壁	間	詩

次韻陳尚書題阮布政草堂

一	心	報	國	尙	桓	桓	小	構	茆	亭	且	自	寬
薇	省	退	歸	花	影	轉	金	門	夢	覺	漏	聲	殘
琴	書	雅	趣	真	堪	尙	松	菊	歡	盟	亦	未	寒
後	樂	想	知	終	有	意	好	將	事	業	百	年	看

端 午 日

天	中	共	喜	值	佳	辰	酒	泛	菖	蒲	節	物	新
進	帖	當	年	思	永	叔	沉	湘	底	事	嘆	靈	均
闢	邪	不	用	絲	纏	臂	隨	俗	聊	爲	艾	結	人
願	把	蘭	湯	分	四	海	從	今	澡	雪	舊	污	民

秋 日 偶 成

蕭	蕭	墜	葉	響	庭	阜	病	骨	纒	蘇	氣	轉	豪
天	地	斯	文	從	古	重	湖	山	清	興	入	秋	高
鏡	中	白	髮	偕	人	老	身	外	浮	名	漫	爾	勞
緬	想	故	園	三	徑	菊	夢	魂	夜	夜	上	歸	舸

I

世	路	蹉	跎	雪	上	巔	一	生	落	魄	更	堪	憐
兒	孫	種	福	留	心	地	魚	鳥	忘	情	樂	性	天
掃	雪	煮	茶	軒	竹	下	焚	香	對	案	塢	梅	邊
故	山	昨	夜	纏	清	夢	月	滿	平	灘	酒	滿	船

61

II

九	萬	搏	風	記	昔	曾	當	年	錯	比	北	溟	鵬
虛	名	自	嘆	成	箕	斗	後	學	誰	將	作	準	繩
一	片	丹	心	真	汞	火	十	年	清	職	玉	壺	冰
優	游	且	復	言	余	好	俯	仰	隨	人	謝	不	能

62

III

烏	兔	匆	匆	挽	不	留	回	頭	萬	事	總	宜	休
空	花	幻	眼	眠	蕉	鹿	俗	境	驚	心	喘	月	牛
矮	屋	棲	身	堪	度	老	蒼	生	在	念	獨	先	憂
彭	殤	臧	穀	都	休	論	古	往	今	來	貉	一	丘

63

IV

樸	散	淳	漓	聖	道	堙	吾	儒	事	業	杏	無	聞
逢	時	不	作	商	岩	雨	退	老	思	耕	谷	口	雲
每	嘆	百	年	同	過	客	何	曾	一	飯	忍	忘	君
人	生	識	字	多	憂	患	坡	老	曾	云	我	亦	云

小	院	陰	陰	石	徑	斜	脩	然	宦	况	似	僧	家
官	情	易	怯	傷	弓	鳥	暮	影	難	留	赴	壑	蛇
夢	覺	故	園	三	徑	菊	心	清	活	水	一	甌	茶
回	頭	六	十	年	前	事	雙	鬢	星	星	兩	眼	花

夏日漫興

傳	家	舊	業	只	青	氈	離	亂	如	今	命	苟	全
浮	世	百	年	真	似	夢	人	生	萬	事	總	關	天
一	壺	白	酒	消	塵	慮	半	楊	清	風	足	午	眠
唯	有	故	山	心	未	斷	何	時	結	屋	向	梅	邊

漫成

青	年	芳	譽	藹	儒	林	老	去	虛	名	付	夢	尋
杖	策	何	曾	歸	漢	室	抱	琴	空	自	操	南	音
仲	尼	三	月	無	君	念	孟	子	孤	臣	慮	患	心
但	喜	弓	箕	存	舊	業	傳	家	何	用	滿	贏	金

眼	中	浮	世	總	浮	雲	蝸	角	驚	看	日	晉	秦
天	或	喪	斯	知	有	命	邦	如	有	道	亦	羞	貧
陳	平	自	信	能	爲	宰	杜	甫	唯	憐	已	誤	身
世	事	不	知	何	日	了	扁	舟	歸	釣	五	湖	春

博	山	香	燼	午	窻	虛	懶	性	從	來	愛	索	居
家	有	琴	書	兒	輩	樂	門	無	車	馬	故	人	疎
蓋	鹽	隨	分	安	衡	泌	湖	海	棲	身	憶	釣	魚
興	世	漸	疎	頭	向	白	東	山	日	日	賦	歸	興

偶 成

喜	得	身	閒	官	又	冷	閉	門	盡	日	少	相	過
滿	堂	雲	氣	朝	焚	栢	遠	枕	松	聲	夜	淪	茶
修	己	但	知	爲	善	樂	致	身	未	必	讀	書	多
平	生	迂	濶	真	吾	病	無	術	能	醫	老	更	加

酬 友 人 見 寄

矯	矯	龍	驤	萬	斛	舟	安	行	每	懼	覆	中	流
事	堪	涕	淚	非	言	說	運	落	風	波	豈	智	謀
身	外	浮	名	烟	閣	迥	夢	中	花	鳥	故	山	幽
慙	慙	堪	謝	鄉	中	友	聊	把	新	詩	寫	我	愁

和 友 人 烟 霞 寓 興

蓬	萊	弱	水	杏	無	涯	俗	境	低	回	髮	半	華
雲	外	故	居	空	蕙	帳	月	中	清	夢	遠	山	家
心	如	野	鶴	飛	天	際	跡	似	征	鴻	踏	雪	沙
岩	穴	棲	身	何	日	是	天	門	回	首	五	雲	除

72

II

僊書數卷舊生涯
竹有千竿攔俗客
瑤階鶴唳窻斜月
徒覺壺中風月好

饑食松根嚼日華
塵無半點到山家
釣渚魚寒棹攔沙
年年不用一錢賒

73

III

茆屋三分野水涯
得安分處仍隨分
檻裡雲山無寵辱
葛翁一去今千載

少年剝落舊紛華
未出家時且駐家
城中軒冕總塵沙
丹竈寒烟歲月賒

74 次韻黃門侍郎阮菊坡賀新居成

弓餘僻地半榛荆
登秫屢傾謀婦酒
蓬門倒履迎佳客
笑我老來狂更甚

喜得新詩當座銘
囊書惟有草玄經
花塢移床近曲櫺
旁人休怪次公醒

75

次菊坡贈詩

太平天子正崇文
美玉不勞求善價
羨君已作儀庭鳳
兩眼昏花頭更白

喜見黃金礫瓦分
猗蘭終自吐清芬
愧我應同出岫雲
涓埃何以答君恩

76

送僧道謙歸山

記	曾	講	學	十	餘	年	今	又	相	逢	一	夜	眠
且	喜	夢	中	拋	俗	事	更	尋	石	上	話	前	緣
明	朝	靈	浦	還	飛	錫	何	日	崑	山	共	聽	泉
老	去	狂	言	休	恠	我	臨	岐	我	亦	上	乘	禪

77

即興

攬	翠	亭	東	竹	滿	林	柴	門	晝	掃	淨	陰	陰
雨	餘	山	色	清	詩	眼	潦	退	江	光	淨	俗	心
戶	外	鳥	啼	知	客	至	庭	邊	木	落	識	秋	深
午	窻	睡	醒	渾	無	寐	隱	几	焚	香	理	玉	琴

78

晚興

窮	巷	幽	居	苦	寂	寥	烏	巾	竹	杖	晚	道	遙
荒	村	日	落	霞	棲	樹	野	徑	人	稀	水	沒	橋
今	古	無	窮	江	漠	漠	英	雄	有	恨	葉	蕭	蕭
歸	來	獨	凭	欄	杆	坐	一	片	冰	蟾	掛	碧	霄

79

秋月偶成

幽	齋	睡	起	獨	沉	吟	案	上	香	消	淨	客	心
靜	裡	乾	坤	驚	萬	變	閒	中	日	月	值	千	金
儒	風	冷	淡	時	情	薄	聖	域	優	游	道	味	深
讀	罷	羣	書	無	箇	事	老	梅	窻	畔	理	瑤	琴

和新齋韻

風	流	郡	守	文	章	伯	喬	木	能	伶	我	故	家
信	美	江	山	詩	易	就	無	情	歲	月	眼	將	花
干	戈	十	載	親	朋	少	宇	宙	千	年	變	故	多
客	舍	香	塵	春	晝	永	騰	騰	清	夢	繞	烟	波

即事

小	小	軒	窻	矮	矮	廬	官	居	頓	覺	類	幽	居
滄	波	江	上	閒	垂	釣	綠	樹	陰	中	靜	看	書
雨	過	晴	嵐	窺	戶	牖	風	來	雪	浪	舞	庭	除
午	窻	蕭	灑	無	塵	累	一	片	閒	心	躡	太	虛

題安子山花烟寺

安南志山在東潮又名象頭山相傳安期生修練之處故名宋海岳名圖第四福地在交州安子山封域志上有紫霄峯卧雲庵龍洞諸勝烟花寺在絕嶺景致空洞陳仁宗居此奉佛為竹林第一祖

安	山	山	上	最	高	峰	纔	五	更	初	日	正	紅
宇	宙	眼	窮	滄	海	外	笑	談	人	在	碧	雲	中
擁	門	玉	槩	森	千	畝	掛	石	珠	旒	落	半	空
仁	廟	當	年	遺	跡	在	白	毫	光	裡	觀	重	瞳

83

題抱腹岩

洞在東潮安慶社大江之中羣山排立洞在山脚俯臨水
次外有平沙約半高樹木蒼翠中奉水神最靈又有深谷
燃燭而行無窮盡處安南志云岩寬八九丈土皆赤色

平明攔棹上岩頭 乘興聊爲玉局遊
九轉丹成孤鶴去 三神股斷一鰲浮
石欄影附滄江月 僊洞煙含碧樹秋
是處真堪容我隱 山中還有舊遊不

84

題玉清觀

紫府樓臺倚碧岑 十年今夕一登臨
松花落地金壇靜 碧響穿雲道院深
金鼎丹成人已去 黃梁夢覺事難尋
猿愁鶴怨無窮意 寒日蕭蕭竹隔林

85

夏日漫成

雨過庭柯長綠陰 蟬聲宮徵奏虞琴
窻前黃卷工媒睡 戶外青山故索吟
晝靜乾坤寬道思 人閒名利醒初心
回頭三十年前事 夢裡悠悠更莫尋

86

寃嘆

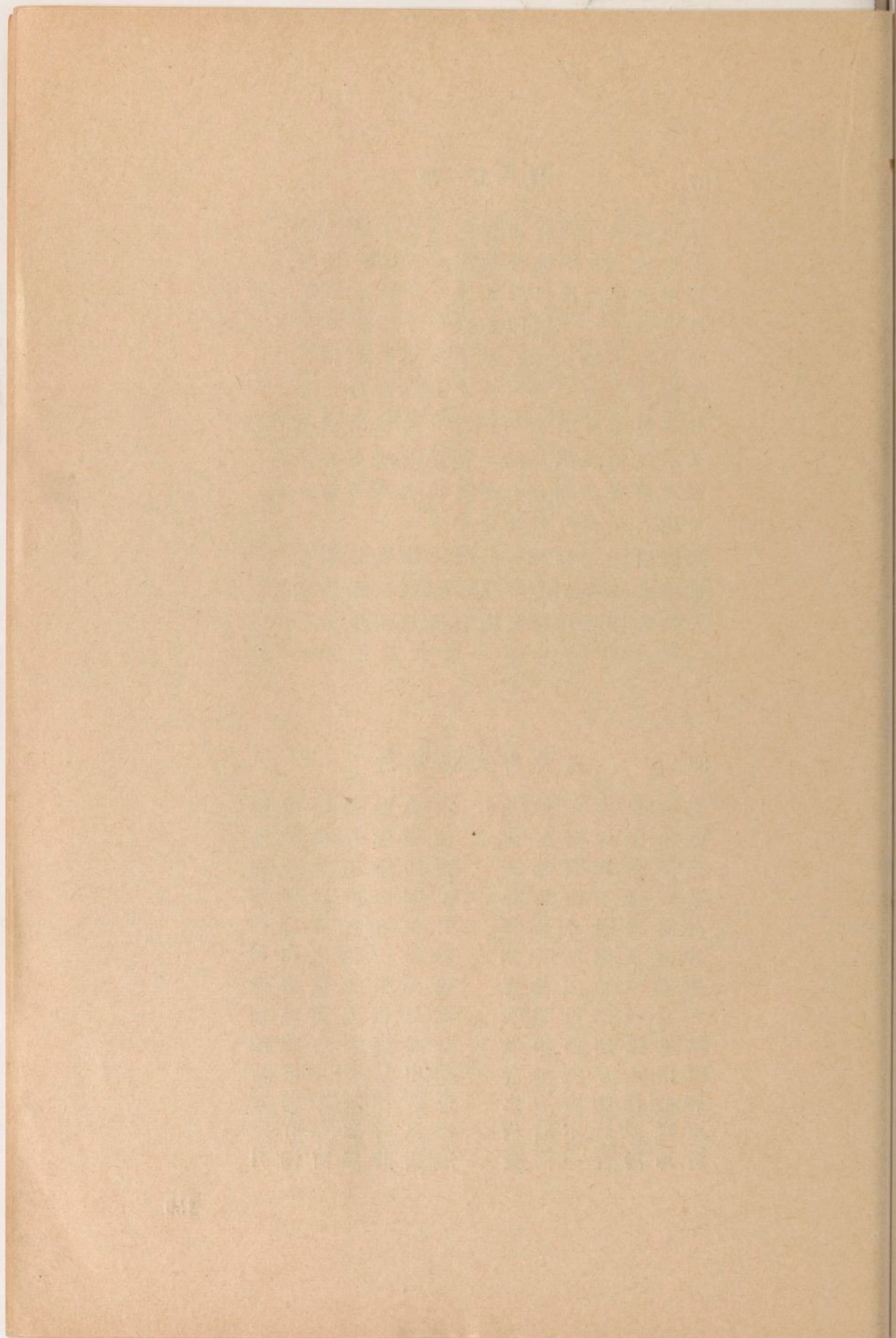
浮俗升沉五十年 故山泉石負情緣
虛名寔禍殊堪笑 衆謗孤忠絕可憐
數有難逃知是命 文如未喪也關天
獄中牘背空遭辱 金闕何由達寸箋

崑山歌

崑山有泉，其聲冷冷然，吾以爲琴絃。
 崑山有石，雨洗苔鋪碧，吾以爲簟席。
 岩中有松，萬里翠童童，吾於是乎偃息其中。
 林中有竹，千畝印寒綠，吾於是乎吟嘯其側。
 問君何不歸去來，半生塵土長膠梏。
 萬鍾九鼎何必然，飲水飯蔬隨分足。
 君不見董卓黃金盈一塢，元載胡椒八百斛？
 又不見伯夷與叔齊，首陽餓死不食粟？
 賢愚兩者不相侔，亦各自求其所欲。
 人生百歲內，畢竟同草木。
 悲歡憂樂迭往來，一榮一謝還相續。
 丘山華屋亦偶然，死後誰榮更誰辱。
 人間若有巢由徒，勸渠聽我山中曲。

題黃御史梅雪軒

豸	冠	峩	峩	面	似	鐵	不	獨	愛	梅	兼	愛	雪
愛	梅	愛	雪	愛	緣	何	愛	緣	雪	白	梅	芳	潔
天	然	梅	雪	自	兩	奇	更	添	臺	栢	真	三	絕
羅	浮	僊	子	冰	爲	魂	頃	刻	能	令	瓊	作	屑
夜	深	琪	樹	碎	玲	瓏	月	戶	風	窻	寒	凜	烈
若	非	風	遞	暗	香	來	紛	紛	一	色	何	由	別
廵	簷	不	怕	玉	樓	寒	銀	海	搖	光	更	清	徹
九	重	軫	念	及	遐	岷	萬	里	繡	衣	遙	駐	節
霜	風	捲	地	簡	橫	秋	身	在	炎	荒	心	魏	闕
交	南	十	月	煖	如	春	夢	中	只	有	花	堪	折
將	心	托	物	古	有	之	高	躅	深	期	蹈	前	哲
東	坡	謂	竹	不	可	無	濂	溪	愛	蓮	亦	有	說
乾	坤	萬	古	一	清	致	灞	橋	詩	思	西	湖	月



存 疑

1 采石懷古

采石曾聞李謫僊 騎鯨飛去已多年
此江若變爲春酒 只恐波心尙醉眠

2 藍關懷古

行盡千山與萬山 朔風吹起滿藍關
君王曾此思忠諫 瘴海遙觀匹馬還

3 韶州卽事

春庭花落雨穆穆 天意清明三月三
水上行人門外柳 數聲啼鳥似江南

4 題南華禪房

半生丘壑便幽棲 禪榻分明聽鳥啼
萬里南來山水遠 一生能幾過漕溪

5

靖安晚立

淡烟疎雨晚模糊	水色天光半有無
萬古乾坤清景致	海山爲我出新圖

6

途中寄友

上國觀光萬里途	天涯屈指歲云徂
夢中水遠山還遠	別後書無雁亦無
客夜不眠千感集	清時誰料寸忠孤
南州舊識如相問	報道今吾非故吾

非一作亦

7

韶州文憲廟

反狀當年辨羯兒	至明先見若著龜
濟時儒術生平有	諫主忠言死後知
萬古不磨金鑑錄	千年猶享曲江祠
高風追想渾如昨	手拂青苔認石碑

8

遊南華寺

神錫飛來幾百春	寶林香火契前因
降龍伏虎機何妙	無樹非臺語若新
殿側起樓藏佛鉢	龕中遺跡悅真身
門前一派漕溪水	洗盡人間劫劫塵

9

潯州

潯州城下鼓聲萬	客路還淹數月程
溪洞有氓山八萬	戍樓吹角月三更
岸篁瑟瑟悲風起	江水悠悠旅夢清
老我世途艱險熟	中宵不寐獨傷情

10

梧 州

路	入	青	梧	景	更	嘉	岸	邊	楊	柳	簇	人	家
九	疑	積	翠	峯	如	玉	二	廣	分	流	水	若	父
琳	館	空	閒	飛	白	鶴	僊	人	不	見	袖	青	蛇
火	山	冰	井	真	奇	事	舊	俗	相	傳	恐	亦	差

11

過 嶺

前	崗	日	落	馬	馳	隕	行	盡	梅	關	不	見	梅
夾	道	千	松	撐	漢	立	緣	雲	一	路	擘	山	開
長	安	日	近	聊	舒	目	故	國	天	遙	重	感	懷
唐	相	一	從	通	此	道	不	知	今	幾	百	年	來

12

題 盧 氏 家 譜

積	慶	原	來	自	有	基	蓄	宏	發	鉅	可	先	知
詩	書	浚	澤	芳	逾	遠	忠	孝	傳	家	訓	永	貽
水	木	必	從	原	本	始	黃	金	何	用	子	孫	遺
焚	香	一	讀	公	家	譜	肅	肅	令	人	起	敬	思

13

江 西

自	古	鴻	都	稱	勝	地	今	朝	客	裡	暫	相	過
烟	收	南	浦	晴	光	好	日	落	西	山	暮	景	佳
告	訐	成	風	憐	俗	薄	詞	章	有	學	中	科	多
旌	揚	鐵	柱	今	猶	在	碑	刻	千	年	蘇	已	花

14

平南夜泊

片帆高颭晚風輕	暮宿平南古縣城
燈影照人和月影	樹聲敲夢併灘聲
湖山有約違初志	歲月如流漫此生
夜半戍樓吹畫角	客中悽愴不勝情

15

贈孔顏孟三氏子孫教授太平

人生十慮九常乖	盛世誰知有棄才
坡老昔曾儋耳去	長庚亦向夜郎來
文章自古多爲累	詩酒從今且放懷
會待金鷄開赦日	五雲深處覩蓬萊

16

冷煖席

截竹編蒲未足奇	要渠冷煖適時宜
柔毛穩藉香侵骨	軟革寒鋪水浸肌
竹院日長宜暑退	紅樓夜永覺春私
高堂不失溫涼候	却恨晨昏定省時

17

舟中偶成

佩劍携書膽氣粗	海山萬里片帆孤
途中日月三冬過	客裡親朋一字無
異境每驚新歲月	扁舟重憶舊江湖
四方壯志平生有	此去寧辭我僕痛

附 錄

1

至 靈 山 賦

神龍起兮飛藍京，
天戈指兮朔塞清，
創業之功成閔恣，
西土之山川有靈。
繫我皇之聖武，
當四方之經營。
國步方屯，心困慮衡。
既於天而取必，乃勵志以竟成。
此今日所以化胡越爲一家，而茲山得以千古垂名也。
當其義兵初起，賊勢方張；
一國英豪，秋樹隕霜。
志吞吳兮，孰種孰蠶；
圖興漢兮，孰平孰良。
我皇方遁跡于茲山，惟鏟采以埋光。
妻子流離，士卒散亡。
雖處困而益亨，知將興之有祥。
躬介冑以爲衣，食菜根而爲糧。
志汲汲於圖回，心鬱鬱而不忘。
想此山於此時兮，豈不似漢皇之在芒碭者耶？
由其知彼知己，能弱能彊；
待時伺弊，收鋒歛芒；

枕薪而臥，懸膽而嘗；
思雪前耻，以復故疆。
想此山於斯時兮，豈不似會稽之棲越王者耶？
既乃收其散卒，撫養益勤；
內修戰具，外托和親。
捐金募士，殺象饗軍。
人懷親上以死長，思欲效力以酬恩。
於是：練兵選將，制勝出奇。
生辱死榮，知我軍之可用；
餽糧器械，皆因敵以爲資。
萬全以取，一簇不遺。
葉彭稽頽以獻地；
方政虛喝以恫疑。
乃據險而立功，
又多方以誤之。
夜則舉火，晝則張旗。
杜家之侵地爭便，
可留之渡江沉師。
雷驅電掣，竹破灰飛。
朱傑檻車，黃誠暴屍。
父安之地，已爲我有；
西都之捷，疾於飈馳。
夾道壺漿，來者如歸。
豪傑咸憤以切齒，
父老感泣而歎歎，
我之軍聲，日以益振；
賊之奔命，日以益疲。
市橋之崩堤潰蟻，
宰洞之勁風摧萎。
陳洽李亮之深坑墜虎，
王通馬騏之沸鼎魚兒。
萬里之山河克復，
東都之市肆不移。
當此之時，豈不似漢高垓下四面之圍者耶？

奈何狂虜之貪心不戢，
舉國之援兵復來。
以油救焚，樂禍幸災。
柳昇送死而支棧流血；
沐晟宵遁而冷涇積骸。
兩路救兵，不旋踵而俱敗；
各處賊城，不血刃而自開。
棹尾乞憐，誠切堪哀。
當此之時，豈不似勾踐之困吳王於姑蘇臺者耶？
雖然，漢高之規模宏遠，正似吾皇今日之盛；
勾踐特取其復讐之志而已，豈足以擬議其萬一哉。
至若：神武不殺，大德好生。
念國家長久之計，放十萬乞降之兵。
修兩國之和好，息萬世之戰爭。
全國爲上，惟圖輯寧。
是則我皇之盛德，又豈高祖同日之俱語，
將與二帝三王而並稱者也。
嗟乎！古往今來，百世可推。
堯興唐侯，舜起側微。
成湯之哉自亳，太王之遷于岐。
蓋多難乃興邦之本，而殷憂實啓聖之基。
歷變多則思慮深，計事遠則成功奇。
帝王之興，莫不由斯。
然則，我皇之業，實由此山而創始；
而我皇之隆功盛德，長與此山而巍巍者乎！
乃拜首稽首而獻歌曰：
天啓聖兮地興王，
乾坤草昧兮運際非常。
覩茲山之峩峩兮，念昔日之艱苦；
撫王業之攸基兮，何日能忘。
願紀盛德以勒貞珉兮，永垂不朽；
亘千古與萬古兮，同天地而長久。

在清化省壽春府雷陽縣廣安總藍山社

維順天六年歲次癸丑閏八月二十二日，太祖高皇帝賓天，本年十月二十三日葬于藍山之永陵。

帝姓黎諱利。

曾祖諱誨，清化府人也。嘗一日遊藍山，見衆鳥群飛，翔繞於藍山之下，若衆人聚會之狀，曰此佳處也，因徙家居焉，三年而產業成。子孫日蕃，奴隸日衆，建邦啓土，寔基於此焉。自是世爲一方君長。

皇祖諱汀，克承其家，以繼先志，有衆至千餘人。

皇祖妣阮氏，最有賢行，生二子，長曰從，次曰曠，帝之皇考也。愷悌慈祥，休休樂善，好養賓客，鄰境之民視同一家，是以人莫不感其恩而服其義也。

皇妣鄭氏諱蒼，勤於婦道，閨門和睦，家日益昌。生三子，伯曰學，仲曰除，季則帝也。

伯受祖父之傳，不幸短命。

帝承祖父之業惟謹。雖時遭大亂，而志且益堅，晦跡藍山，以耕稼爲業。由其憤彊賊之凌暴，尤專心於韜畧之書。罄竭家資，厚待賓客。

戊戌起集義兵，屯落水上，前後凡數十餘戰，皆設伏出奇，避銳乘弊，以寡敵衆，以弱制彊。

丙午戰於寧洞大捷，遂進圍東郡。

丁未賊援兵安遠侯柳昇領兵十萬由廣西進，黔國公沐晟領兵五萬由雲南進。支稜一戰，柳昇授首，斬賊衆數萬餘級，生擒黃福崔聚等三百餘人，軍士萬餘口。所獲柳昇勅命兵符送雲南軍，沐晟見之，舉衆宵遁，斬馘生擒，不可勝紀。

時鎮守東關城成山侯王通等，先與我軍講和未定，至是請盟於珥河之上，各處鎮守城池俱開門出降。

所擒獲賊人及各城降卒該十萬餘口，一皆放還。水路送船五百餘艘，陸路應付口糧脚力，戒戢軍士，秋毫無所犯。兩國自是通好，北南無事。愷禮哀牢，俱入版圖，占城閩婆

航海修貢。

帝宵衣旰食，凡六載而國中大治，至是崩。

順天六年癸丑十月吉日榮祿大夫入內行遣知三館事臣阮
鷹奉 勅撰

3

冰壺遺事錄

冰壺相公，陳氏之親族，父入內太保威肅公諱文璧，輔明廟致太平。祖文肅王諱道載，十四歲試中榜眼，聖廟特賜文服以寵異之，稱其有管葛之才，有意大用，未及陟相而王早薨。曾祖上將太師昭明大王諱光啓，太宗之次子，重興年間功居第一。常出征，聖廟賜二旗，宸翰題云：“一代功名天下有，兩朝忠孝世間無，”可見非常之人矣。壽五十歲，有樂道集行于世。

公諱元旦，家傳詩禮，胄出神明。霽月光風，雅有出塵之想；青天白日，明其許國之忠。昔當昏德悖亂之時，從藝睿二帝出奔于外。事平之後，爰立作相。定椿撞于震撼之際，解紛結于錯亂之餘。數年之間，海內平治，國人稱曰賢相。雖兒童走卒，莫不知名。

自胡氏進用，陰冰始凝。公曰：“君子見幾而作，不俟終日”，於是創清虛洞於鳳山縣之崑山以爲退休之處。洞成，睿廟賜御書“清虛洞”三大字，揭之碑額。藝廟親製碑銘，刻之岩陰。

公雖迹寓林泉，志存宗社，其憂愛之念，未嘗一日暫忘于懷。每托之詩歌，寓其忠憤；或去或留，一動一靜，莫非諫說也。藝宗終不之察。由是胡家氣焰日盛，附勢日繁，國益以削，無可奈何，而公退休之志始決。

臨終病不服藥，子孫有勸之者，必曰：“時事如此，余得死幸矣，豈復求生見禍亂耶？”公沒未幾，胡氏果篡國，殺戮陳氏子孫無遺，其先見之明有如是焉。壽六十五，以庚午年十一月十四日卒于家，葬于諒州府鳳山縣之三莢山。歷官至入內檢校司徒平章事國上侯，諡章肅，有冰壺玉壑集行于世。男女十一人，兵後鮮有存者。

余母公第三女也，先公而沒。余竊感彭澤陶公作外祖孟府君傳，眉山蘇公錄程公遺事，晦庵文公又錄祝公遺事。凱風寒泉之悲，寔鍾于心。况公子孫殆盡，堂構之托，寔在於余。擬復築室于崑山之下，歲時薦享，而厥志未遂。因命工繪集遺事，錄于其後，藏之於家，以示不忘，亦庶幾乎陶公蘇公文公之心也。餘見藥溪先生所撰清虛洞記，及別誌書云。

順天元年戊申仲冬宣奉大夫入內行遣門下右諫議大夫同中書令事賜金紫魚袋上護國冠服侯賜姓黎薦。



MỤC LỤC

	Trang
I — LỜI NÓI ĐẦU	5
II — TIỂU SỬ NGUYỄN TRÃI	9
III — THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN TRÃI	13
1. Du sơn tự	13
2. Giang hành	14
3. Thỉnh vũ	15
4. Tặng hữu nhân	15
5. Dục-thủy sơn	16
6. Đề Bà Nha cổ cầm đồ	18
7. Mộng sơn trung	19
8. Đề vân oa	19
9. Ngẫu thành	20
10. Trại đầu xuân độ	21
11. Mộ xuân tức sự	21
12. Thôn xá thu châm	22
13. Văn lập	22
14. Đề sơn điều hô nhân đồ	23
15. Đề Đông-sơn tự	24
16. Kỳ hữu	24
17. Đồ trung ký Thao giang Hà thứ sử, Trình thêm hiến	25
18. Văn đồn	26
19. Bạch-đăng hải khẩu	27
20. Quá hải	29
21. Quan hải	30
22. Họa hương tiên sinh vận giản chu đồng chi	31
23. Kỳ cứu Dị trai Trần công	32
24. Thanh minh	33
25. Hý đề	34
26. Loạn hậu cảm tác	35
27. Loạn hậu đảo Côn-sơn cảm tác	36
28. Qui Côn-sơn chu trung tác	37
29. Kỳ hữu	39
30. Chu trung ngẫu thành I	39
31. Chu chung ngẫu thành II	40
32. Đề kiếm	41

33. Hạ qui Lam-sơn I	42
34. Hạ qui Lam-sơn II	43
35. Thượng nguyên hộ giá chu trung tác.	44
36. Hạ tiếp I	45
37. Hạ tiếp II	46
38. Hạ tiếp III	47
39. Hạ tiếp IV	48
40. Chu công phụ Thành vương đồ	49
41. Khất nhân họa Côn-sơn đồ	50
42. Đề Trình xử sĩ vân oa đồ	51
43. Quan duyệt thủy trận.. .. .	52
44. Đề Từ Trọng Phủ canh ăn đường	53
45. Đề Thạch trúc oa	53
46. Đề Hà hiệu úy « Bạch vân tư thân ».. .. .	55
47. Thu dạ khách cảm I	56
48. Thu dạ khách cảm II.. .. .	57
49. Thu dạ dũ Hoàng giang Nguyễn Nhược thủy đồng phú	58
50. Vọng doanh	59
51. Quả Thần phù hải khẩu	60
52. Thần phù hải khẩu	62
53. Làm cảnh dạ bạc	63
54. Hải khẩu dạ bạc hữu cảm I	63
55. Hải khẩu dạ bạc hữu cảm II.	64
56. Long đại nham	65
57. Thừ vận Trần thượng thư đề Nguyễn bổ chánh thảo đường	66
58. Đoan ngọ nhật.	68
59. Thu nhật ngẫu thành.	68
60. Mạn hưng I	69
61. Mạn hưng II	70
62. Mạn hưng III.. .. .	71
63. Mạn hưng IV	72
64. Mạn hưng V	73
65. Hạ nhật mạn thành	74
66. Mạn thành I	75
67. Mạn thành II	76
68. Mạn thành III.	77
69. Ngẫu thành	79
70. Thù hữu nhân kiến ký	79
71. Họa hữu nhân yên hà ngọ hưng I	80
72. Họa hữu nhân yên hà ngọ hưng II	82
73. Họa hữu nhân yên hà ngọ hưng III.. .. .	83

74. Thử vận hoàng môn thị lang Nguyễn Cúc pha hạ tân cư thành	84
75. Thử Cúc pha tặng thi	85
76. Tống tăng Đạo Khiêm qui sơn	86
77. Túc hưng	87
78. Văn hưng	88
79. Thu nguyệt ngẫu thành	88
80. Họa Tân trai vận	89
81. Túc sự	90
82. Đề Yên-tử sơn Hoa yên tự	91
83. Đề Bão phúc nham	93
84. Đề Ngọc thanh quán.. .. .	94
85. Hạ nhật mạn thành	94
86. Oan thán	95
87. Côn-sơn ca	96
88. Đề Hoàng ngự sử Mai tuyết hiên.	99

IV — PHẦN TỒN NGHI

1. Thái-thạch hoài cổ	103
2. Lam-quan hoài cổ	103
3. Thiều-châu túc sự	104
4. Đề Nam-hoa thiên phòng	104
5. Tĩnh-an văn lập	105
6. Đồ trung ký hữu	105
7. Thiều-châu văn hiển miếu	106
8. Du Nam-hoa tự	107
9. Tâm-châu	108
10. Ngô-châu	109
11. Quá linh	109
12. Đề Lư thị gia phủ	110
13. Giang-lây	111
14. Bình-nam dạ bạc	111
15. Tặng Khổng Nhan Mạnh tam thị tử tôn giáo thụ Thái-bình	112
16. Lãnh noãn lịch	113
17. Chu trung ngẫu thành	114

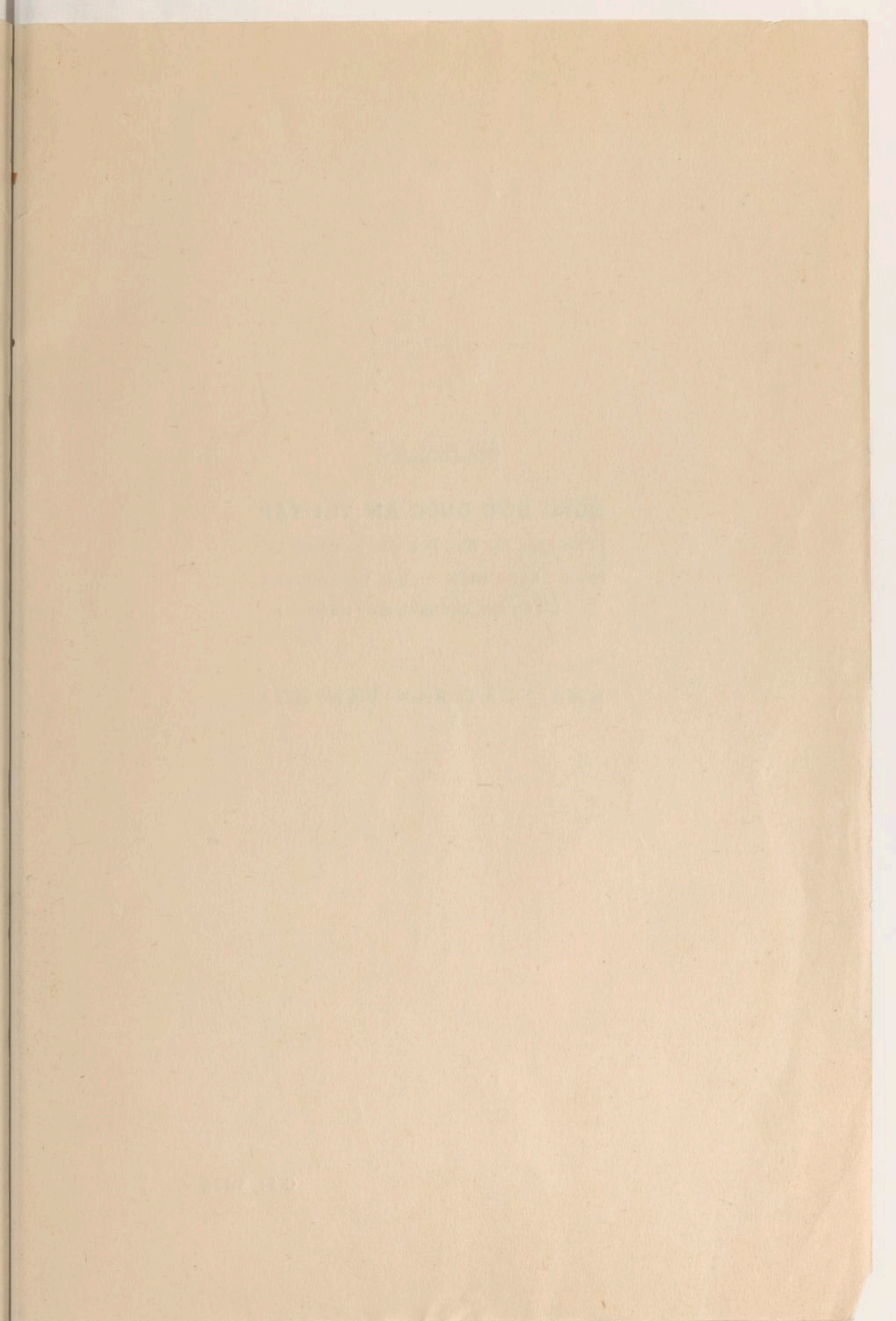
V — PHẦN PHỤ LỤC

1. Chi-linh sơn phủ	115
2. Lam-sơn Vịnh-lãng bi	126
3. Bảng hồ tường công di sự	129

VI — PHẦN CHỮ HÁN

THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN TRÃI

In 3.100 cuốn khổ 16 × 24
Sắp chữ, in và đóng sách HN 13
số xuất bản 240
Xong ngày 31-8-1962
Lưu chiều tháng 9-1962



Sắp xuất bản

HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP

(Thơ nômi của Hội Tao đàn — thế kỷ XV)

PHẠM TRỌNG ĐIỀM — BÙI VĂN NGUYÊN

phiên âm, chú giải, giới thiệu

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

Giá: 1đ70